



# Báo cáo

## Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng Xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam

## MỤC LỤC

A.	Giới thiệu chung	4
1.	Vị trí địa lý .....	4
2.	Đặc điểm địa hình.....	4
3.	Đặc điểm thời tiết khí hậu .....	4
4.	Xu hướng thiên tai, khí hậu .....	5
5.	Phân bố dân cư, dân số .....	5
6.	Hiện trạng sử dụng đất đai.....	5
7.	Đặc điểm và cơ cấu kinh tế.....	6
B.	Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã	6
1.	Lịch sử thiên tai .....	6
2.	Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH .....	7
3.	Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH .....	9
4.	Đối tượng dễ bị tổn thương .....	10
5.	Hạ tầng công cộng .....	10
a)	Điện	10
b)	Đường và cầu cống	11
c)	Trường	11
d)	Cơ sở Y tế	<b>Error!</b>
	<b>Bookmark not defined.</b>	
e)	Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa	<b>Error!</b>
	<b>Bookmark not defined.</b>	
f)	Chợ	<b>Error!</b>
	<b>Bookmark not defined.</b>	
6.	Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè) .....	13
7.	Nhà ở .....	13
8.	Nước sạch, vệ sinh và môi trường	14
9.	Hiện trạng dịch bệnh phổ biến.....	14
10.	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý .....	14
11.	Hoạt động sản xuất kinh doanh .....	14
12.	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm .....	16
13.	Phòng chống thiên tai/TUBĐKH .....	16
14.	Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	17
15.	Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ) .....	17
C.	Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã	18
1.	Rủi ro với dân cư và cộng đồng.....	18
2.	Hạ tầng công cộng .....	21
3.	Công trình thủy lợi .....	23
4.	Nhà ở .....	24
5.	Nước sạch, vệ sinh và môi trường .....	18

6.	Y tế và quản lý dịch bệnh .....	28
7.	Giáo dục .....	31
8.	Rừng .....	32
9.	Trồng trọt.....	32
10.	Chăn nuôi .....	36
11.	Thủy Sản.....	37
12.	Du lịch .....	39
13.	Buôn bán và dịch vụ khác.....	39
14.	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm .....	40
15.	Phòng chống thiên tai/TUBĐKH .....	43
16.	Giới trong PCTT và BĐKH.....	44
17.	Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
D.	Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp .....	46
1.	Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH .....	46
2.	Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH.....	49
3.	Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã .....	53
4.	Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã .....	53
E.	Phụ lục .....	54
1.	Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá.....	54
2.	Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn.....	54
3.	Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá .....	77
	Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai .....	81

## A. Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

### 1. Vị trí địa lý (địa chính)

Bình Giang là xã nằm về phía đông của huyện Thăng Bình, cách trung tâm huyện 10 km, được xác định như sau: Đông giáp: Xã Bình Dương; Tây giáp: Xã Hương An huyện Quế Sơn; Nam giáp: Xã Bình Phục – Bình Triều; Bắc giáp: Xã Duy Thành huyện Duy Xuyên

### 2. Đặc điểm địa hình (Địa chính)

Xã Bình Giang là một trong 22 đơn vị hành chính của huyện Thăng Bình, dân cư sinh sống tập trung theo mô hình làng, xã truyền thống, là xã vùng đồng bằng có diện tích tự nhiên là 1.716,8ha. Toàn xã là có 2445 hộ, 10.120 nhân khẩu gồm 4 thôn. (Hiền Lương; Bình Hòa; Bình Túy; Bình Khương) Hầu hết nhân dân sinh sống bằng sản xuất nông nghiệp và buôn bán nhỏ lẻ. Là một xã có diện tích tự nhiên nằm dọc theo Sông Trường Giang, địa hình phức tạp, trũng thấp, đất sản xuất xen lẫn với khu dân cư, vào mùa mưa, lũ địa bàn xã bị chia cắt thành nhiều khu vực. Về chế độ thủy văn: Trong các tháng 4-5/2018 trên các sông ở khu vực Quảng Nam có khả năng xuất hiện 01-02 đợt dao động, riêng nửa cuối tháng 5 khả năng xuất hiện lũ tiểu mãn.

### 3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Quảng Nam năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	25,4-27,5°C	9-10	Tăng 1,4°C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	38	4-7	Tăng thêm khoảng 1,6-2,4°C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	20	12	Giảm khoảng 1,6-1,8°C
4	Lượng mưa Trung bình	Mm	1.392- 2.388		Tăng thêm khoảng 25 mm

(\*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

#### 4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Quảng Nam năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ			X	
4	Số ngày rét đậm		X		
5	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	
6	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (Giông; Lốc, Sạt lở đất)			X	

#### 5. Phân bố dân cư, dân số

TT	Thôn	Số hộ	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số khẩu			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
				Tổng	Nữ	Nam		
1	Hiền Lương	541	149	2299	1171	1128	41	38
2	Bình Hòa	654	224	2405	1192	1213	67	25
3	Bình Túy	546	149	2224	1140	1084	60	23
4	Bình Khương	704	279	3192	1646	1546	72	24
	<b>Tổng số</b>	<b>2445</b>	<b>801</b>	<b>10120</b>	<b>5149</b>	<b>4971</b>	<b>240</b>	<b>110</b>

#### 6. Hiện trạng sử dụng đất đai

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>	<b>1.716,8</b>
<b>1</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>748,05</b>
<b>1.1</b>	<b>Diện tích đất sản xuất nông nghiệp</b>	<b>732,7</b>
1.1.1	Đất lúa nước	382
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	215
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	57,7
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	69
<b>1.2</b>	<b>Diện tích đất lâm nghiệp</b>	<b>0</b>
1.2.1	Đất rừng sản xuất	0
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	0
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0

<b>1.3</b>	<b>Diện tích đất nuôi trồng thủy/hải sản</b>	<b>24,35</b>
<b>1.3.1</b>	<i>Diện tích thủy sản nước ngọt</i>	<b>0</b>
<b>1.3.2</b>	<i>Diện tích thủy sản nước mặn/lợ</i>	24,35
<b>1.4</b>	<b>Đất làm muối</b>	0
<b>1.5</b>	<b>Diện tích đất nông nghiệp khác</b>	0
1.5.1	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	0
1.5.2	<b>Diện tích Đất chưa sử dụng</b>	0
	<b>Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng</b>	
	- Đất nông nghiệp	90
	- Đất ở	92

### 7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Thu nhập bình quân/hộ	Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính
1	Nông nghiệp	35%	1019	72 triệu/1 ha Lúa/hộ Màu: 100 triệu/hộ	65
				Chăn nuôi 30 triệu VND/năm	
				Nuôi trồng thủy sản 100 triệu VND/(ha)	
2	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)	27 %	419	60 (triệu VND/năm)	37
3	Thương mại – dịch vụ	38	935	36 triệu VND/năm	78

## B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã:

### 1. Lịch sử thiên tai

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính	Số lượng	
					Nam	Nữ
10/2013	Bão và lụt	4/4	Hiền Lương, Bình Hòa, Bình Túy, Bình Khương	1. Số người chết/mất tích:		1
				2. Số người bị thương:	1	
				3. Số nhà bị thiệt hại:	215	
				4. Số trường học bị thiệt hại:	8	
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	1	
				6. Số km đường bị thiệt hại:	4,5	
				7. Số ha rừng bị thiệt hại:	0	

				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	55
				9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	2,5
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	3,5
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	2
				12. Các thiệt hại khác	9 con Bò
				<b>13. Ước tính thiệt hại kinh tế:</b>	<b>2,5 Tỷ đồng</b>
11/2017	Ngập lụt	4/4	Hiền Lương, Bình Hòa, Bình Túy, Bình Khương	1. Số người chết/mất tích:	0
				2. Số người bị thương:	0
				3. Số nhà bị thiệt hại:	228
				4. Số trường học bị thiệt hại:	0
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0
				6. Số km đường bị thiệt hại:	3,5
				7. Số ha rừng bị thiệt hại:	0
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	45
				9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	2,5
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	2
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0
				12. Kênh mương bị hư hỏng,	3 km
				13. Đất bị lở lãp	3 3500m <sup>3</sup>
				<b>14. Ước tính thiệt hại kinh tế:</b>	<b>2,55 tỷ đồng</b>
6-7/2017	Hạn hán và nhiễm mặn	4/4	Hiền Lương, Bình Hòa, Bình Túy, Bình Khương	1. lúa và hoa màu thiệt hại	50 ha
				2. Mất đất sản xuất do nhiễm mặn	38 ha
				3. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	17,5 ha
				4. Gia súc bị chết	50 con
				5. Gia cầm bị chết trên	1000 con
				<b>14. Ước tính thiệt hại kinh tế:</b>	<b>3,25 tỷ đồng</b>

## 2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH

ST T	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến <sup>1</sup>	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Mức độ thiên tai hiện tại (Cao/Trung Bình/Thấp)	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050 (Tăng, Giảm, Giữ nguyên)	Mức độ thiên tai theo kịch bản (Cao/Trung Bình/Thấp)
1	Bão	Hiền Lương	TB	Tăng	TB
		Bình Hòa	TB	Tăng	TB
		Bình Túy	TB	Tăng	TB
		Bình Khương	TB	Tăng	TB
2	Ngập lụt	Hiền Lương	Cao	Tăng	Cao

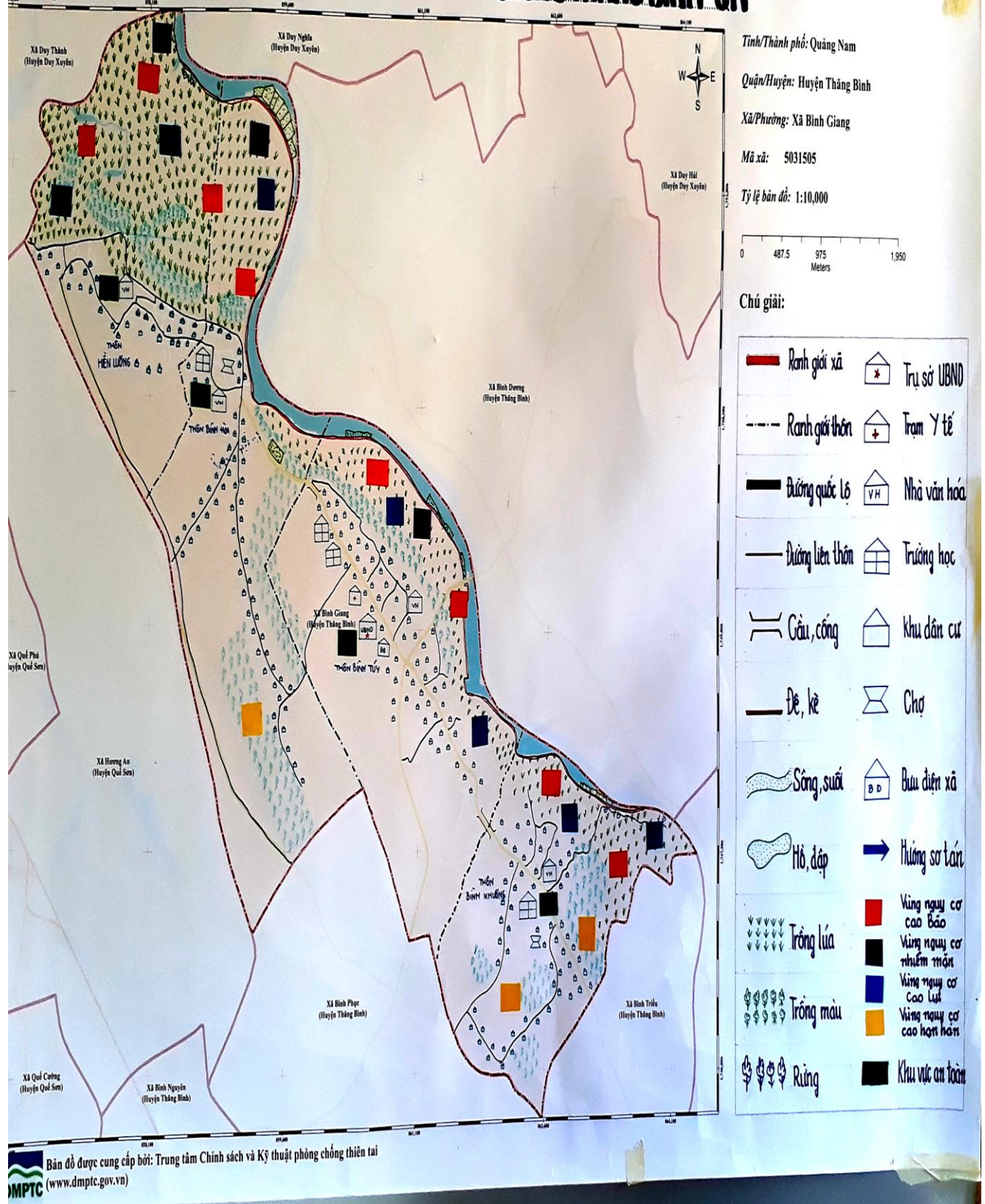
<sup>1</sup> Theo Quy định của các loại hình thiên tai được quy định trong luật PCTT

		Bình Hòa	Cao	Tăng	Cao
		Bình Túy	Cao	Tăng	Cao
		Bình Khương	Cao	Tăng	Cao
3	<b>Hạn hán</b>	Bình Túy và Bình Khương	Cao	Tăng	Cao
		Hiền Lương và Bình Hòa	TB	Tăng	TB
4	<b>Nhiễm mặn</b>	Hiền Lương và Bình Túy	Cao	Tăng	Cao
		Bình Hòa và Bình Khương	TB	Tăng	TB



3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH

# ĐỒ HỌA BẢN ĐỒ RỦI RO THIÊN TAI TẠI XÃ BÌNH GIANG-THĂNG BÌNH-ON



#### 4. Đối tượng dễ bị tổn thương

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương														
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-16 tuổi		PN có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo		Người dân tộc thiểu số	
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		
1	<b>Hiền Lương</b>	59	118	170	331	8	77	108	35	67	5	8	40	57	0	0
2	<b>Bình Hòa</b>	60	121	212	452	11	82	93	34	80	6	11	76	95	0	0
3	<b>Bình Túy</b>	56	115	132	279	9	81	96	23	54	3	7	64	77	0	0
4	<b>Bình Khương</b>	74	152	221	475	14	116	143	47	78	9	15	89	111	0	0
	<b>Tổng số</b>	<b>249</b>	<b>506</b>	<b>735</b>	<b>1537</b>	<b>42</b>	<b>256</b>	<b>440</b>	<b>139</b>	<b>259</b>	<b>23</b>	<b>41</b>	<b>269</b>	<b>340</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

#### 5. Hạ tầng công cộng

##### a) Điện

TT	Thôn	Số lượng	Năm	Đvt	Hiện trạng	
					Kiên cố	Chưa kiên cố
1	<b>Hiền Lương</b>	Cột điện: 94	1996	Cột	X	
		Dây điện: 4,7	1996	Km	X	
		Trạm điện: 3	1996	Trạm	X	
		Đường điện sau công tơ	1996			X
2	<b>Bình Hòa</b>	Cột điện: 105	1996	Cột	X	
		Dây điện: 5,2	1996	Km	X	
		Trạm điện: 3	1996	Trạm	X	
		Đường điện sau công tơ	1996			X
3	<b>Bình Túy</b>	Cột điện: 95	1996	Cột	X	
		Dây điện: 4,7	1996	Km	X	
		Trạm điện: 2	1996	Trạm	X	
		Đường điện sau công tơ	1996			X
4	<b>Bình Khương</b>	Cột điện: 115	1996	Cột	X	
		Dây điện: 5,7	1996	Km	X	
		Trạm điện: 3	1996	Trạm	X	
		Điện sau công tơ	1996			X

**b) Đường và cầu cống**

TT	Thôn	Số lượng đường, cầu, cống	ĐVT	Hiện trạng		
				Nhựa	Bê Tông	Đất
<b>I</b>	<b>Đường</b>					
1		Đường quốc lộ	0 Km			
2		Đường tỉnh/huyện	19 Km	4	15	
3	<b>Hiền Lương</b>	Đường xã:	Km	0	0	
		Đường thôn: 3	Km	0	2	1
		Đường nội đồng: 5,4	Km	0	3,4	2
4	<b>Bình Hòa</b>	Đường xã:	Km			
		Đường thôn: 4	Km		2,5	1,5
		Đường nội đồng: 3,9	Km		2,4	1,5
5	<b>Bình Túy</b>	Đường xã:	Km			
		Đường thôn: 2,5	Km		2	0,5
		Đường nội đồng: 3,7	Km		2,7	1
6	<b>Bình Khương</b>	Đường xã:	Km	2,7 km		
		Đường thôn: 3	Km		2	1
		Đường nội đồng: 2,4	Km		1,2	1,2
<b>II</b>	<b>Cầu, Cống</b>			Kiên cố	Yếu	Tạm
1	<b>Hiền Lương</b>	Cầu giao thông: 3	Cái	3		
		Cống:	Cái			
2	<b>Bình Hòa</b>	Cầu giao thông: 1	Cái	1		
		Cống : 1	Cái		1	
3	<b>Bình Túy</b>	Cầu giao thông: 4	Cái	4		
		Cống	Cái			
4	<b>Bình Khương</b>	Cầu giao thông: 2	Cái	2		
		Cống: 1	Cái		1	

**c) Trường**

TT	Thôn	Số lượng trường	Đvt	Năm	Hiện trạng
----	------	-----------------	-----	-----	------------

				xây dựng	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	<b>Hiền Lương</b>	Trường TH:1	Trường	2008	X		
2	<b>Bình Hòa</b>	Mầm non: 1	Trường	2014	X		
3	<b>Bình Túy</b>	Trường TH: 1	Trường	2016	X		
		Trường THCS: 1	Trường	2010	X		
4	<b>Bình Khương</b>	Mầm non: 1	Trường	2017	X		
		Trường TH: 1	Trường	2015	X		

**d) Cơ sở Y tế**

TT	Thôn	Số lượng Cơ sở Y tế	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán Kiên cố	Tạm
1	<b>Bình Túy</b>	Trạm y tế xã	2009	5	12	X		
		Cơ sở khám: 1		2	1	X		
		Cơ sở bán thuốc: 6						

**e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa**

TT	Thôn	Số lượng Trụ sở	Đơn vị	Năm xây dựng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	<b>Hiền Lương</b>	Nhà văn hóa thôn: 1	Cái	2014	X		
2	<b>Bình Hòa</b>	Nhà văn hóa thôn: 1	Cái	2015	X		
3	<b>Bình Túy</b>	Trụ Sở UBND: 1	Cái	2014	X		
		Nhà văn hóa xã: 1	Cái	2015	X		
		Nhà văn hóa thôn: 1	Cái	2015	X		
4	<b>Bình Khương</b>	Nhà văn hóa thôn: 1	Cái	2015	X		

**f) Chợ**

TT	Thôn	Số lượng chợ	Đơn vị	Năm xây dựng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	<b>Bình Hòa</b>	Chợ huyện/xã	1 Cái		X		
2	<b>Bình Túy</b>	Chợ tạm/chợ cóc	1 Cái			X	



3	<b>Bình Khương</b>	Chợ tạm/chợ cóc	1 Cái			X	
---	--------------------	-----------------	-------	--	--	---	--

**6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè)**

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm xây dựng	Số lượng		
				Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố
1	<b>Hiền Lương</b>					
	Đê	Km	1993		3	
	Kênh mương	km	2013-2018	0,9 km	1,9 km	3 Km
	Cống thủy lợi	Cái	2013-2018		12	
	Trạm bơm	Cái	2012- 2017	2		
2	<b>Bình Hòa</b>					
	Đê	Km	1993		3	
	Kênh mương	4,7 km	2012-2018	1 km	1,2 km	2,5
	Cống thủy lợi	9 Cái	2012-2018		9	
3	<b>Bình Túy</b>					
	Đê	Km	1993		2,6	
	Kênh mương	3,3 Km	2015-2018	0,3 km	1,5 km	1,5
	Cống thủy lợi	7 Cái	2015-2018		7	
4	<b>Bình Khương</b>					
	Đê	Km	1993		3,4	
	Kênh mương	3 Km	2013-2018	1,1 km	0,7 km	1,2
	Cống thủy lợi	5 Cái	2013-2018		5	
	Đập thủy lợi	Cái	0			

**7. Nhà ở**

TT	Tên thôn	Số hộ/Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
1	<b>Hiền Lương</b>	541	378	126	37	0
2	<b>Bình Hòa</b>	654	420	181	53	0
3	<b>Bình Túy</b>	546	293	114	139	0
5	<b>Bình Khương</b>	704	434	194	76	0
	<b>Tổng</b>	<b>2445</b>	<b>1525</b>	<b>615</b>	<b>305</b>	<b>0</b>

### 8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

TT	Tên thôn	Số nhà/ Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt					Số hộ sử dụng nhà vệ sinh		
			Giếng (đào/ Khoan)	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chảy	Bể chứa nước công cộng	Hộp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có
1	Hiền Lương	541	514	170	0	0	0	536	0	0
2	Bình Hòa	654	641	200	0	0	0	642	0	0
3	Bình Túy	546	524	176	30	0	0	541	0	0
4	Bình Khương	704	668	250	110	0	0	702	0	0
	<b>Tổng</b>	2445	2347	796	140	0	0	2421	0	0

### 9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến (Trạm y tế)

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Người cao tuổi	Người khuyết tật
1	Sốt rét	0	0	0	0	0
2	Sốt xuất huyết	1	0	0	0	0
3	Viêm đường hô hấp	44	26	32	12	2
5	Số ca bệnh phụ khoa (thường do đk nước sạch và vệ sinh không đảm bảo)	0	14	0	0	0

### 10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý (không có rừng)

TT	Loại rừng	Năm trồng rừng	Thôn	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ thành rừng	Các loại cây được trồng bản địa	Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng	Diện tích do dân làm chủ rừng
1	Rừng ngập mặn	-	-	-	-	-	-	-
2	Rừng trên cát	-	-	-	-	-	-	-
3	Rừng tự nhiên	-	-	-	-	-	-	-
4	Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng ngập mặn</u> nhưng chưa trồng	-	-	-	-	-	-	-
5	Rừng khác	-	-	-	-	-	-	-
	<b>Tổng</b>							

### 11. Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Thôn	Số hộ tham gia	Tỷ lệ % nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát	Tỷ lệ (%)

						<b>triển (*)</b>	<b>thiệt hại (**)</b>
1	Trồng trọt - Lúa - Hoa màu - Cây lâu năm - Cây hàng năm - Cây ăn quả	186	<b>Hiền Lương</b>	343	80	Là xã thuần nông nên dù thu nhập thấp vẫn là ngành chủ lực của xã	70
		175	<b>Bình Hòa</b>	224	65	Là xã thuần nông nên dù thu nhập thấp vẫn là ngành chủ lực của xã	70
		177	<b>Bình Túy</b>	228	72	Là xã thuần nông nên dù thu nhập thấp vẫn là ngành chủ lực của xã	70
		185	<b>Bình Khương</b>	224	65	Là xã thuần nông nên dù thu nhập thấp vẫn là ngành chủ lực của xã	70
2	Chăn nuôi - Gia súc - Gia cầm	1.585 12.380	Hiền Lương	343	80	Là ngành chủ lực của xã	20
		1.062 3.365	Bình Hòa	224	65	Là ngành chủ lực của xã	20
		1.150 8.821	Bình Túy	228	72	Là ngành chủ lực của xã	20
		1.263 6.491	Bình Khương	224	65	Là ngành chủ lực của xã	20
3	Thủy Hải Sản Đánh bắt - Người dân đi biển - Tàu thuyền gần bờ - Tàu thuyền gần bờ	Hộ Tàu Tàu					
4	Thủy hải sản Nuôi trồng - Bãi nuôi - Ao, hồ nuôi - Lồng bè	13,15ha	<b>Hiền Lương</b>	15	37		50
		11,20ha	<b>Bình Hòa</b>	14	37		50
		0	<b>Bình Túy</b>	0			
		0	<b>Bình Khương</b>	0			
5	Du lịch	-	-	-	-	-	-
6	Buôn bán và dịch vụ khác	Hộ	<b>Hiền Lương</b>	118	78		10
		Hộ	<b>Bình Hòa</b>	309	78		10
		Hộ	<b>Bình Túy</b>	223	78		10
		Hộ	<b>Bình Khương</b>	285	78		10

### 12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Địa bàn Thôn
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	98 %	4 thôn
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100 %	4 thôn
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Cụm loa	10	4 thôn
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100 %	4 thôn
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0	
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Hộ	0	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	1.467	4 thôn

**Ghi chú:** Loa truyền thanh chạy dọc theo tuyến đường DH 10, trong khu dân cư chưa phủ kín và người không tiếp cận được thông tin do hệ thống truyền thanh (mỗi thôn 3 cụm/3 loa) loa quá ít, cách xa

### 13. Phòng chống thiên tai/TU'BDKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	4	4 thôn
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	4	Tất cả trường tiểu học, THCS và mầm non
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	1	
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	25	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	2	Thành viên BCH
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	30	Nữ 10
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	120	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	0	
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'BDKH dựa vào cộng đồng	Người	0	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	0	



7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	0	
	- Áo phao	Chiếc	50	
	- Loa	Chiếc	2	
	- Đèn pin	Chiếc	10	
	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	1	
	- Lều bạt	Chiếc	1	
	- Xe vận tải	Chiếc	6	
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng			
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	0	clopheramin B
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	1 cơ số	

**14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác : Không có**

**15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)**

T	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Hiện Lương	Bình Hòa	Bình Túy	Bình Khương	Khả năng của xã (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	80%	85%	70%	65%	Cao
2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng					
	- Điện sau công tơ	30%	40%	20%	30%	Thấp
	- Đường và cầu cống	55%	55%	55%	50%	Trung Bình
	- Trường	70%	70%	80%	45%	Cao
	- Trạm y tế	-	-	70%	-	Trung Bình
	- Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa	75%	70%	80%	70%	Cao
	- Chợ	-	65%	-	30%	Thấp
3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	35%	35%	25%	25%	Thấp

4	Kỹ năng và kiến thức chằng chống nhà cửa	80%	80%	80%	80%	Cao
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	55%	50%	50%	50%	Thấp
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	50%	45%	40%	40%	Thấp
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	-	-	-	-	Không có rừng
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	60%	70%	60%	60%	Trung Bình
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	60%	60%	55%	55%	Trung Bình
	<b>Khả năng của thôn</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)	Cao	Trung bình	Trung bình	Thấp	

**Ghi chú:** Hệ thống điện do ngành điện quản lý, khi có thiên tai xảy ra đơn vị điện lực tự cắt điện để đảm bảo an toàn, việc duy tu bảo dưỡng do ngành điện thực hiện, còn hệ thống điện sau công tơ người dân tự làm nên cột tạm bợ, dây chằng chặt không an toàn. Các công trình đường giao thông, hệ thống thủy lợi khi xây dựng đều có sự đóng góp của người dân "nhà nước và nhân dân cùng làm"

### C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã Bình Giang

#### 1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão và ngập lụt</b>	<b>Hiền Lương</b>	<b>541</b>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong khu dân cư có 70 hộ nằm ở vùng thấp trũng thường xuyên bị ngập lụt</li> <li>- Có 3 km đường liên thôn thường xuyên bị ngập lụt trong mùa mưa, thời gian ngập kéo dài 3-7 ngày.</li> <li>- Địa bàn thường bị chia cắt nhưng các hộ dân không có phương tiện đi lại, đội xung kích thiếu phương tiện cứu nạn cứu hộ.</li> <li>- Nhà văn hóa thôn thường bị ngập lụt khi nước sâu 1-2 m</li> <li>- Ở thôn có nhiều đối tượng dễ bị tổn thương (Người cao tuổi: 107, trẻ em dưới 5 tuổi: 118, người khuyết tật: 67; người bị bệnh hiểm nghèo: 8; người nghèo: 40, phụ nữ có thai 8, phụ nữ đơn thân 25)</li> <li>- Phụ nữ và trẻ em chưa biết bơi 90%,</li> </ul>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có nhà văn hóa thôn kiên cố, có thể sơ tán những hộ nằm trong vùng nguy cơ cao của bão, ngập lụt. tuy nhiên nhà văn hóa chưa có phòng riêng cho nam nữ, công trình vệ sinh chưa đảm bảo, chưa có bếp ăn</li> <li>- Có 94 cột điện và 3 trạm điện kiên cố, 4,7km dây điện kiên cố.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh và dự báo cảnh báo cho người dân khi có thiên tai.</li> <li>- Có đội xung kích thôn nhưng thiếu trang thiết bị và chưa được tập huấn kỹ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguy cơ người chết và bị thương khi có bão, lụt.</li> <li>- Nguy cơ đuối nước ở trẻ em</li> </ul>	<b>Cao</b>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- 70% trụ điện kéo vào nhà dân làm bằng trụ tre không đảm bảo an toàn khi có thiên tai; 40% cột điện và dây điện xuống cấp do xây dựng lâu năm.</li> <li><b>*Tổ chức xã hội</b></li> <li>- Đội xung kích thường xuyên thay đổi, thiếu trang thiết bị</li> <li>- Hệ thống truyền thanh xuống cấp.</li> <li>- Công tác tuyên truyền về phòng chống thiên tai còn hạn chế.</li> <li><b>*Nhận thức, kinh nghiệm</b></li> <li>- Một số hộ dân ở vùng thấp trũng gần bờ sông nhưng vẫn còn chủ quan không đi sơ tán, sợ mất của.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>năng.</li> <li><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></li> <li>- Đa số hộ dân sống trong vùng lũ nên cũng có kinh nghiệm trong PCTT</li> <li>- Một số người dân .xây kho đựng lúa ở vùng cao để tránh Lụt</li> </ul>		
Bình Hòa	654	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>* Vật chất</b></li> <li>- Địa bàn thấp trũng, có nhiều tuyến đường nội đồng và liên thôn thường xuyên bị ngập lụt trong mùa mưa thường ngập sâu 3 m thời gian kéo dài 5-7 ngày</li> <li>- Có nhiều đối tượng dễ bị tổn thương (Người cao tuổi 93, trẻ em dưới 5 tuổi 121, người khuyết tật 80, người bị bệnh hiểm nghèo 11, người nghèo 95)</li> <li>- Trẻ em không biết bơi 80%, 60% phụ nữ không biết bơi.</li> <li>- Bờ đê ngăn mặn chưa kiên cố.</li> <li>- Thiếu trang thiết bị PCTT như: Ghe, áo phao.</li> <li><b>*Tổ chức xã hội</b></li> <li>- Đội ngũ xung kích thôn hoạt động chưa hiệu quả, chưa được thường xuyên tập huấn về kỹ năng ứng phó, cứu nạn, nên trong mùa mưa bão chưa phát huy được chức năng hỗ trợ người dân sơ tán.</li> <li>-Thông tin cảnh báo không kịp thời</li> <li>- 60% trụ điện kéo vào nhà dân làm bằng trụ tre không đảm bảo an toàn khi có thiên tai;</li> <li>- Chưa quy hoạch hệ thống thoát nước ở các khu dân cư</li> <li><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></li> <li>- Có 30 hộ dân ở vùng thấp trũng gần bờ sông còn chủ quan không chấp hành lệnh sơ tán.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>* Vật chất</b></li> <li>- Có nhà văn hóa thôn, có thể sơ tán những hộ nằm trong vùng nguy cơ cao khi có bão, lụt.</li> <li>- 36% khu dân cư thấp trũng có một số ít nhà cao tầng để người dân có thể sơ tán trong mùa mưa lũ.</li> <li>- Có 105 cột điện và 3 trạm điện kiên cố, 5,2km dây điện kiên cố</li> <li>- Lực lượng ứng cứu có kỹ năng bơi và sơ cấp cứu.</li> <li><b>*Tổ chức xã hội</b></li> <li>Có hệ thống truyền thanh để dự báo cảnh báo cho người dân khi có thiên tai.</li> <li>- Có hệ thống truyền thanh để thông tin cảnh báo cho người dân</li> <li><b>* Nhận thức</b></li> <li>- Đa số hộ dân sống trong vùng lũ nên cũng có kinh nghiệm trong PCTT.</li> <li>- Biết chuẩn bị đồ đạc đưa đến nơi cao khi có thông báo có lũ lụt</li> </ul>	Nguy cơ người chết và bị thương do đuối nước, cây đổ, ngập, sập, tóc mái nhà khi có bão lụt	Cao
Bình Túy	546	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>* Vật Chất</b></li> <li>- Thôn Bình Túy ngập sâu nhất so với 3 thôn còn lại (thường bị ngập sâu 3-5m)</li> <li>- 20 % hộ dân có nhà tạm bợ, sống trong vùng trũng có nguy cơ với bão.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>* Vật chất</b></li> <li>- Có nhà văn hóa thôn, có thể sơ tán những hộ nằm trong vùng nguy cơ cao của bão, ngập lụt. tuy nhiên nhà văn hóa chưa có phòng</li> </ul>	Nguy cơ người chết và bị thương do đuối nước, cây đổ, ngập,	Cao

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có nhiều đối tượng dễ bị tổn thương (Người cao tuổi 96, trẻ em dưới 5 tuổi: 115, người khuyết tật: 54; phụ nữ mang thai :9; người bị bệnh hiểm nghèo :7; người nghèo 77; Phụ nữ đơn 28 người)</li> <li>-Trẻ em không biết bơi 75%; 85% phụ nữ không biết bơi.</li> <li>- Đoạn đường đến nhà tránh lũ đa năng của thôn xuống cấp</li> <li>- 80% Trụ điện kéo vào nhà dân làm bằng trụ tre không đảm bảo an toàn khi có thiên tai; Cột điện và dây điện xuống cấp do xây dựng lâu năm 1999.</li> <li>- Không có ghe, thuyền, kinh phí cho đội xung kích sơ tán nhân dân khi có thiên tai xảy ra.</li> <li><b>* Tổ chức xã hội</b></li> <li>- Đa số thành viên của đội xung kích ở thôn thường xuyên đi làm ăn xa, phải thay đổi người thường xuyên nên thiếu kỹ năng</li> <li>- Đài truyền thanh chưa cung cấp thông tin cảnh báo thiên tai kịp thời đến người dân.</li> <li><b>* Nhận thức</b></li> <li>- Người dân chưa có kiến thức và kinh nghiệm làm nhà chống bão, một số hộ còn chủ quan, chưa tự giác đi sơ tán khi có lệnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>riêng cho nam nữ, công trình vệ sinh chưa đảm bảo, chưa có bếp ăn</li> <li>- Có 95 cột điện và 2 trạm điện kiên cố, 4,7km dây</li> <li>- Có hệ thống truyền thanh để dự báo cảnh báo cho người dân khi có thiên tai.</li> <li><b>* Tổ chức xã hội</b></li> <li>- Có 35 thành viên trong đội xung kích thôn nhưng thiếu trang thiết bị và chưa được tập huấn kỹ năng.</li> <li>- Lập phương án tổ chức vận động nhân dân sơ tán khi có thiên tai.</li> <li><b>* Nhận thức</b></li> <li>- Đa số hộ dân sống trong vùng lũ nên cũng có kinh nghiệm trong PCTT.</li> <li>- Một số hộ dân biết dự trữ lương thực, thực phẩm trước mùa thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>sập, tóc mái nhà khi có bão lụt</li> </ul>		
	<b>Bình Khương</b>	<b>704</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>* Vật chất</b></li> <li>- Địa bàn thôn Bình Khương là thấp trũng nhất trong xã có nhiều tuyến đường nội đồng và liên thôn thường xuyên bị ngập sâu trong mùa mưa, thời gian ngập kéo dài 3-7 ngày</li> <li>- Có nhiều đối tượng dễ bị tổn thương (Người cao tuổi: 143, trẻ em dưới 5 tuổi 152, phụ nữ có thai: 14, người khuyết tật 78, người bị bệnh hiểm nghèo: 15, người nghèo: 111)</li> <li>- Trẻ em không biết bơi 77%, phụ nữ không biết bơi 76%.</li> <li>- 70% trụ điện kéo vào nhà dân làm bằng trụ tre không đảm bảo an toàn khi có thiên tai; Cột điện và dây điện xuống cấp do xây dựng lâu năm.</li> <li>- Không có phương tiện, kinh phí hỗ trợ cho đội xung kích hoạt động.</li> <li><b>* Tổ chức xã hội</b></li> <li>- Đội xung kích còn mỏng, lớn tuổi, phương tiện, kinh phí hỗ trợ ứng cứu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>* Vật chất</b></li> <li>- Có nhà văn hóa thôn, có thể sơ tán những hộ nằm trong vùng nguy cơ cao với bão, ngập lụt.</li> <li>- Có 40 nhà kiên cố có thể sơ tán nhân dân ở vùng trũng thấp đến tránh trú.</li> <li>- Có hệ thống truyền thanh để dự báo cảnh báo cho người dân khi có thiên tai.</li> <li>- Có 105 cột điện và 3 trạm điện kiên cố, 5,2km dây điện kiên cố</li> <li><b>* Tổ chức xã hội</b></li> <li>- Có 30 người trong lực lượng ứng cứu có kỹ năng bơi và sơ cấp cứu.</li> <li><b>* Nhận thức</b></li> <li>Đa số hộ dân sống trong vùng lũ nên cũng có kinh nghiệm trong PCTT.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nguy cơ người chết và bị thương do đuối nước, cây đổ, ngập, sập, tóc mái nhà khi có bão lụt</li> </ul>	<b>Cao</b>

		<p>không có.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác tuyên truyền gây nhận thức cho người dân chưa được thường xuyên.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 25% hộ dân ở tổ 20,21,22 nằm ở vùng thấp trũng gần bờ sông, còn chủ quan không chủ động đi sơ tán khi có lệnh.</li> </ul>			
--	--	---	--	--	--

**Ghi chú:** Có 4/4 nhà văn hóa thôn kiên cố có thể sơ tán người dân vùng nguy cơ cao, đặc biệt là đối tượng dễ bị tổn thương toàn xã là 440 người già; 506 trẻ em; 259 người khuyết tật, 42 phụ nữ đang mang thai. Tuy nhiên khi mưa lớn, nước dâng bắt đầu ngập 1m là nhà văn hóa cũng bị ngập, việc sơ tán dân đến nơi an toàn khi có thiên tai xảy ra gặp rất nhiều khó khăn và nhà văn hóa các thôn đều chưa có phòng riêng cho nam nữ, công trình vệ sinh chưa đảm bảo, chưa có bếp ăn

## 2. Hạ tầng công cộng

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão và lụt</b>	<b>Hiền Lương</b>	<b>541</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 70% trụ điện kéo vào nhà dân làm bằng trụ tre không đảm bảo an toàn khi có thiên tai; 40% cột điện và dây điện xuống cấp do xây dựng lâu năm 1999</li> <li>- Có 4 km đường giao thông liên thôn bằng đất và 15km đường giao thông nội đồng bằng đất, xuống cấp, xói mòn, sạt lở gây ách tắc giao thông</li> <li>- 2 mô cầu Bàu Chùa ở tổ 4 bị hư hỏng.</li> <li>- Đoạn đường từ tổ 1 đến tổ 7 bị xuống cấp.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn thu của địa phương không có, chủ yếu do phân bổ là chính, nên không có khả năng đầu tư xây dựng các công trình phòng chống thiên tai.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Một số bộ phận nhân dân kinh tế khó khăn không thực hiện việc đóng góp.</p>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 94 cột điện, 4,7 km đường dây điện, 3 trạm điện kiên cố</li> <li>- Có 2 km đường giao thông bê tông và 3,4km giao thông nội đồng được bê tông.</li> <li>- Có 1 nhà văn hóa và 1 trường học kiên cố.</li> <li>- Một số đoạn đường người dân đóng góp được nâng cấp.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đang thực hiện chương trình NTM nên được các cấp đầu tư kinh phí để xây dựng hạ tầng cơ sở.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số người dân có ý thức đóng góp kinh phí đối ứng để thực hiện các công trình.</li> </ul>	4 km đường giao thông liên thôn và 0,5 km đường giao thông nội đồng sạt lở hư hỏng không an toàn khi có bão lụt	<b>Cao</b>
	<b>Bình Hòa</b>	<b>654</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 60% trụ điện kéo vào nhà dân</li> </ul>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 105 trụ điện, 5,2 km đường dây điện, 3 trạm điện</li> </ul>	1 km đường liên thôn	<b>Cao</b>

		<p>làm bằng trụ tre không đảm bảo an toàn khi có thiên tai; Cột điện và dây điện xuống cấp do xây dựng lâu năm chưa nâng cấp, sửa chữa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 1 km đường liên thôn và 1,5km đường giao thông nội đồng bằng đất, xuống cấp, sạt lở gây ách tắc giao thông.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b> Nguồn kinh phí phân bổ hằng năm ít, nên các công trình hạ tầng dân sinh còn tạm bợ, xuống cấp.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b> - Người dân lấn chiếm hành lang các tuyến giao thông; buôn bán trên vỉa hè, trồng cây trên hành lang giao thông.</p>	<p>đủ điện thấp sáng cho các hộ dân</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 2,5 km đường bê tông liên thôn và 2,4km đường bê tông nội đồng</li> <li>- Có 1 chợ, 1 trường học và 1 nhà văn hóa kiên cố</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b> Thành lập ban vận động, ban quản lý để triển khai các công trình công cộng.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b> - Nhân dân trong thôn đã đóng góp kinh phí để tu bổ đường giao thông.</p>	<p>và 1,5 km đường giao thông nội đồng sạt lở hư hỏng không an toàn khi có bão lụt</p>	
<b>Bình Túy</b>	<b>546</b>	<p><b>* Vật chất</b> - 80% Trụ điện kéo vào nhà dân làm bằng trụ tre không đảm bảo an toàn khi có thiên tai; Cột điện và dây điện xuống cấp do xây dựng lâu năm 1999.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 2 km đường liên thôn và 3 km đường nội đồng bằng đất, xuống cấp bị xói mòn, sạt lở gây ách tắc giao thông.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b> Ban nhân dân thôn phụ cấp thấp, nên ít quan tâm đến công việc, chỉ tập trung làm kinh tế.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b> Nhân dân sống bằng nông nghiệp, thu nhập thấp, nên việc vận động đóng góp kinh phí đôi ứng rất khó khăn, một số hộ không chịu nộp.</p>	<p><b>* Vật chất</b> - Có 95 trụ điện, 2 trạm điện, 4,7 km đường dây đủ điện thấp sáng cho các hộ dân</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 2 km đường bê tông liên xã, 2,7 đường bê tông nội đồng</li> <li>- Có 1 nhà văn hóa thôn, 1 nhà văn hóa xã, 2 trường học, 1 trạm y tế và cơ quan UBND xã kiên cố.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b> Tổ chức họp dân để bàn bạc thống nhất chủ trương thực hiện các công trình.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b> Nhân dân hiến đất, cây cối, vật kiến trúc để xây dựng các công trình hạ tầng nông thôn.</p>	<p>0,5 km đường liên thôn và 1 km đường nội đồng sạt lở hư hỏng không an toàn khi có bão lụt</p>	<b>Cao</b>
<b>Bình Khương</b>	<b>704</b>	<p><b>* Vật chất</b> - 70% trụ điện kéo vào nhà dân làm bằng trụ tre không đảm bảo an toàn khi có thiên tai; Cột điện và dây điện xuống cấp do xây dựng lâu năm 1999</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 1 km liên thôn và 1,2 km đường nội đồng bằng đất, xuống cấp bị xói mòn, sạt lở gây ách tắc giao thông.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b> Địa hình của thôn ở vùng trũng thấp nhưng, nguồn kinh phí còn hạn chế nên cơ sở hạ tầng của thôn</p>	<p><b>* Vật chất</b> - Có 115 trụ điện, 3 trạm điện, 5,7 km đường dây đủ điện thấp sáng cho các hộ dân</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 km đường bê tông liên xã; 1,2 đường bê tông nội đồng</li> <li>- Có 1 nhà văn hóa thôn, 2 trường học, 1 chợ kiên cố.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b> Thực hiện quy chế dân biết, dân bàn, dân kiểm tra và hưởng lợi</p>	<p>1 km đường liên thôn và 1,2 km đường nội đồng sạt lở hư hỏng không an toàn khi có bão lụt</p>	<b>Cao</b>



		<p>chưa đảm bảo đi lại, vận chuyển và cứu hộ cứu nạn khi có thiên tai.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b>                  Một số bộ phận nhân dân coi nói, lán chiếm hành lang giao thông, các công trình công cộng.</p>	<p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b>                  Thực hiện tốt công tác góp vốn cùng nhà nước thực hiện các công trình hạ tầng cơ sở.</p>		
--	--	---	--	--	--

**Ghi chú:** do địa bàn vùng trũng, thấp, khi có bão, ngập lụt nước sâu 3-5m, các tuyến đường giao thông nội đồng và, liên thôn, bằng đất, xuống cấp có nguy cơ cao xói mòn, sạt lở gây ách tắc giao thông.

### 3. Công trình thủy lợi

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão và ngập lũ</b>	<b>Hiền Lương</b>	<b>541</b>	<p><b>* Vật chất</b>                      - Có 3 km đường đê; 1,9 km kênh mương xuống cấp, 3 km mương đất và 12 công bán kiên cố đã xuống cấp                      - Hệ thống mương Trường Khê thường xuyên bị sạt lở vùi lấp 3 km.                      - 500m cống ống ngầm Duy Thành đến trạm bơm An Lạc 2 bị hư hỏng không điều tiết được nước tưới</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b>                      Tỷ trọng nông nghiệp ngày càng giảm nên các cấp chưa quan tâm đầu tư cho hệ thống kênh mương.</p> <p><b>* Nhận thức kinh nghiệm</b>                      Một số hộ dân còn trông chờ vào đầu tư của nhà nước, chưa có ý thức chung tay nhà nước và nhân dân cùng làm.</p>	<p><b>* Vật chất</b>                      - 0,9 km mương kiên cố và có 2 trạm bơm                      - Có tổ hợp tác làm dịch vụ thủy nông, hàng năm có nạo vét kênh mương và điều tiết nước tưới.                      - Tận dụng nguồn nước nhĩ ở mương Trường Khê và các ao hồ đầm hồ để lấy nước tưới cho cây trồng.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b>                      Thành lập THT quản lý kênh mương để nạo vét và điều tiết nước tưới tiêu.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b>                      Đa số chủ động nạo vét kênh mương, có trách nhiệm trong việc bảo vệ hệ thống kênh mương nội đồng.</p>	<p>Nguy cơ vỡ đê; hư hỏng 12 công, 3km kênh đất 1,9 km kênh mương bị hư hỏng sạt lở</p>	<b>Cao</b>
	<b>Bình Hòa</b>	<b>654</b>	<p><b>* Vật chất</b>                      - Có 3 km đê xuống cấp - 1,2 km kênh mương bán kiên cố và 2,5km mương đất, nên chưa đáp ứng được việc tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp.                      - Có 9 công bán kiên cố xuống cấp.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b>                      THT chưa thực hiện tốt công tác nạo vét kênh mương và</p>	<p><b>* Vật chất</b>                      1 km mương kiên cố Thành lập tổ hợp tác hàng năm nạo vét kênh mương.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b>                      Đầu tư kinh phí để bê tông hóa kênh mương.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b>                      Hiến đất để xây dựng kênh mương.</p>	<p>Nguy cơ vỡ đê; hư hỏng 9 công, 2,5 km kênh đất 1,2 km kênh mương bị hư hỏng sạt lở</p>	<b>Cao</b>

			<p>điều hành việc tưới tiêu nước.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Một số bộ phận nhân dân chưa có trách nhiệm trong việc bảo vệ các công trình thủy lợi</p>			
	<b>Bình Túy</b>	<b>546</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 3 km đường đê xuống cấp</li> <li>- Có 1,5 km kênh mương bán kiên cố hư hỏng</li> <li>- Có 5,5 km mương đất</li> <li>- Có 7 cống bán kiên cố xuống cấp.</li> <li>- 5 para xuống cấp.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <p>Diện tích lúa năng suất thấp nên ít được quan tâm đầu tư.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Nhân dân trông chờ vào đầu tư của nhà nước.</p>	<p><b>* Vật chất</b></p> <p>Có 0,3 km mương kiên cố, 1 cầu kiên cố.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <p>HTX quản lý kênh mương, điều hành công tác tưới tiêu nước và nạo vét kênh mương.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Đa số người dân có ý thức bảo vệ các công trình thủy lợi</p>	<p>Nguy cơ vỡ đê; hư hỏng 7 cống, 5,5 km kênh đất 1,5 km kênh mương bị hư hỏng sạt lở</p>	<b>Cao</b>
	<b>Bình Khương</b>	<b>704</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 3 km đường đê xuống cấp; 0,7 km kênh mương bán kiên cố; 1,2 km mương đất, 5 cống bán kiên cố xuống cấp</li> <li>- Có 3 para xuống cấp nghiêm trọng.</li> <li>- Kênh N225 không được kè kiên cố nên hàng năm bị lở lấp đất sản xuất của người dân.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <p>Việc quản lý, điều hành của ban nhân dân thôn, HTX còn hạn chế, hệ thống kênh mương chưa được tu bổ thường xuyên.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Một số bộ phận nhân dân chưa thực hiện chủ trương nhà nước và nhân dân cùng làm.</p>	<p>Có 1,1 km mương kiên cố.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <p>HTX điều tiết nước tưới tiêu và quản lý đội thủy nông trên địa bàn thôn.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Chủ động hiến đất, cây đê xây dựng kênh mương thủy lợi.</p>	<p>Nguy cơ vỡ đê; hư hỏng 5 cống, 1,2 km kênh đất 0,7 km kênh mương bị hư hỏng sạt lở</p> <p>Hư hỏng 3 para.</p> <p>Kênh N225 sạt lở sạt nhà dân ở tổ 20</p>	<b>Cao</b>
<p><b>Ghi chú:</b> Địa hình vùng trũng, thấp, ven sông, ngập sâu 3-5m lâu ngày từ 3-7 ngày, nguy cơ các công trình thủy lợi bị sạt lở và xuống cấp do lượng nước chảy xiết.</p>						

#### 4. Nhà ở

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU/ĐDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)



Bão và lụt	Hiên Lương	541	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 37 nhà thiếu kiên cố lại ở vùng trũng, thấp, có 2 hộ sát ven sông có nguy cơ ngập lụt cao nhưng không có quỹ đất để di dời, có 1 nhà tạm bợ.</li> <li>- Có 126 nhà bán kiên cố chủ yếu là các hộ già yếu, neo đơn, hộ nghèo và 80% người dân làm nông nghiệp thu nhập thấp Cần hỗ trợ xây dựng nhà ở cho 14 hộ (có danh sách kèm theo)</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Đội xung thường xuyên đi làm ăn xa thiếu nhân lực hỗ trợ cho các hộ neo đơn.</li> <li>-Chưa quan tâm đầu tư trang thiết bị cứu hộ cứu nạn.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Một số hộ dân còn chủ quan, chưa chủ động chằng chống, gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai.</p>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 378 nhà kiên cố trong đó có một số nhà kiên cố là diêm đề sơ tán người dân</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xã đang thực hiện chương trình nông thôn mới nên có thể vận dụng nhiều nguồn hỗ trợ để đầu tư xây dựng nhà cho các hộ khó khăn</li> <li>- Có phân công đội xung kích xuống giúp đỡ chèn chống nhà cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ đơn thân.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Đa số hộ dân có kinh nghiệm chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai. Có ý thức tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư khi có thiên tai xảy ra.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà ở có nguy cơ sập đổ, tốc mái hư hỏng</li> <li>- Nhà ở vùng trũng, thấp bị ngập, sập</li> </ul>	Cao
	Bình Hòa	654	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 53 nhà thiếu kiên cố ở vùng trũng, thấp, có nguy cơ ngập lụt cao - 181 nhà bán kiên cố.</li> <li>- Có 52 nhà dân làm nghề sông nước nên phải sống ở ven sông.</li> <li>- 81% người dân làm nông nghiệp, thu nhập thấp, không có khả năng để kiên cố nhà cửa, nên dễ bị tổn thương khi có thiên tai.</li> <li>- Cần hỗ trợ xây dựng nhà ở cho 58 hộ (có danh sách kèm theo)</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <p>Chưa có mô hình nhà phòng tránh thiên tai mẫu.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân chưa ý thức trong phòng chống thiên tai</li> </ul>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 420 nhà kiên cố trong đó có một số nhà có thể làm nơi sơ tán</li> <li>- Xã đang thực hiện chương trình nông thôn mới nên có thể vận dụng nhiều nguồn hỗ trợ để đầu tư xây dựng nhà cho các hộ khó khăn.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Tuyên truyền vận động người dân chèn chống nhà cửa khi thiên tai xảy ra.</li> <li>-Có đội xung kích giúp dân khi thiên tai xảy ra</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân có tinh thần tương thân tương trợ giúp đỡ lẫn nhau khi có thiên tai xảy ra</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà ở có nguy cơ sập đổ, tốc mái hư hỏng</li> <li>- Nhà ở vùng trũng, thấp bị ngập, sập</li> </ul>	Cao
	Bình Túy	546	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Có 139 nhà ở vùng trũng, thấp, có nguy cơ ngập lụt cao</li> <li>- 114 nhà bán kiên cố</li> <li>- Cần hỗ trợ xây dựng nhà ở cho 35 hộ (có danh sách kèm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 293 nhà kiên cố trong đó có một số nhà kiên cố có thể làm nơi sơ tán.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xã đang thực hiện chương trình nông thôn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà ở có nguy cơ sập đổ, tốc mái hư hỏng</li> </ul>	Cao

			theo) * <b>Tổ chức xã hội</b> Cơ chế hỗ trợ tái định cư cho các hộ ở vùng thiên tai còn thấp. - Công tác tuyên truyền chưa phát qua loa đài chưa được thường xuyên * <b>Nhận thức, kinh nghiệm</b> -Người dân chưa chấp hành việc di dời khi có thiên tai xảy ra vì sợ mất của cải	mới nên có thể vận dụng nhiều nguồn hỗ trợ để đầu tư xây dựng nhà cho các hộ khó khăn * <b>Nhận thức, kinh nghiệm</b> - Người dân có kinh nghiệm chằng chống nhà cửa	- Nhà ở vùng trũng, thấp bị ngập, sập	
<b>Bình Khương</b>	<b>704</b>	* <b>Vật chất</b> - Có 76 nhà ở vùng trũng, thấp, có nguy cơ ngập lụt cao nằm ở ven Sông Trường Giang. - 194 nhà bán kiên cố - Cần hỗ trợ xây dựng nhà ở cho 37 hộ (có danh sách kèm theo) * <b>Tổ chức xã hội</b> - Chưa có quỹ đất để cho người dân ở vùng trũng, thấp di dời lên cao * <b>Nhận thức, kinh nghiệm</b> Người dân còn chủ quan trong việc chằng chống nhà	* <b>Vật Chất</b> 434 nhà kiên cố trong đó có một số nhà kiên cố có thể làm nơi sơ tán * <b>Tổ chức xã hội</b> - Xã đang thực hiện chương trình nông thôn mới nên có thể vận dụng nhiều nguồn hỗ trợ để đầu tư xây dựng nhà cho các hộ khó khăn * <b>Nhận thức kinh nghiệm</b> - Người dân biết chèn chống nhà cửa khi có thiên tai xảy ra	- Nhà ở có nguy cơ sập đổ, tốc mái hư hỏng - Nhà ở vùng trũng, thấp bị ngập, sập	<b>Cao</b>	
<b>Ghi chú:</b> Địa hình nằm chạy dọc sông Trường Giang, tỷ lệ hộ sống ven sông cách 3-5 m, tỷ lệ nhà bán kiên cố và thiếu kiên cố cao, thường xuyên bị chịu ảnh hưởng khi có thiên tai xảy ra.						

### 5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão và ngập lụt</b>	<b>Hiền Lương</b>	<b>541</b>	* <b>Vật chất</b> - Có 27 hộ chưa có giếng khoan, phải dùng nhờ. - Có 21 hộ chưa có nhà vệ sinh, đa số là các hộ già cả, đơn thân. - Một số hộ phải mua nước bình thùng để uống rất tốn kém. - Chưa có điểm tập kết rác thải, người dân còn đổ ra ngoài đường. - Thiếu thùng rác nơi công cộng. * <b>Tổ chức xã hội</b> - Tỷ lệ thu gom rác thải thấp (20%). Do đường liên thôn nhỏ, hẹp nên không vào thu gom đến các hộ gia đình - Tuyên truyền của y tế về vệ	* <b>Vật chất</b> - Có 514 giếng khoan, 520 hộ có nhà vệ sinh đảm bảo. - 20% hộ dân sử dụng máy lọc nước gia đình. * <b>Tổ chức xã hội</b> - Có đội thu gom rác thải của thôn - Tuyên truyền vận động hộ dân tham gia thu gom rác thải và đóng phí môi trường. - Thường xuyên tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh về vệ sinh môi trường	- Thiếu nước sạch. - Ô nhiễm môi trường	<b>Trung bình</b>

		<p>sinh môi trường còn hạn chế do y tế thôn trình độ thấp, chưa có chuyên môn, lâu nay không hoạt động.</p> <p>- Chưa có hình thức xử phạt đối với những người vi phạm về vệ sinh môi trường.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>- Một số hộ ý thức bảo vệ môi trường chưa cao, còn vứt rác bừa bãi làm ảnh hưởng đến môi trường.</p> <p>- Người dân tự ý vứt bao bì thuốc bảo vệ thực vật xuống lòng kênh, mương sông.</p> <p>- Ngập lụt lâu ngày, xác súc vật chết, trôi gây ô nhiễm môi trường</p>	<p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Đa số người dân có ý thức bảo vệ môi trường như: các công trình chăn nuôi làm lại phía sau nhà, một số hộ xây dựng hầm biogas.</p>		
<b>Bình Hòa</b>	<b>654</b>	<p><b>*Vật chất</b></p> <p>80% người dân dùng giếng khoan, nước không đảm bảo vệ sinh, nhiều phèn.</p> <p>- Một số hộ phải mua nước bình thùng để uống (01 bình/hộ/8.000đ ngày).</p> <p>- Có 60 hộ dân nằm ở vùng trũng thấp, bị ngập lụt dài ngày, nguồn nước giếng khoan bị ảnh hưởng, ô nhiễm.</p> <p>- Tỷ lệ hộ dân tham gia thu gom rác thải và đóng phí môi trường còn thấp</p> <p>- Khai thác cát nên đứt mạch nước ngầm dẫn đến khô hạn làm chết 12ha hoa màu ở tổ 12, 13.</p> <p><b>*Tổ chức xã hội</b></p> <p>- Chưa có thùng rác nơi công cộng.</p> <p>- Chưa có điểm thu gom rác tập trung</p> <p>- Chi phí để chi trả cho việc vận chuyển rác không đảm bảo nên rác ứ đọng gây ô nhiễm môi trường.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>- Ý thức của người dân còn hạn chế, vứt rác bừa bãi ra môi trường.</p> <p>- Rác thải chăn nuôi, còn thải trực tiếp ra môi trường, chưa có đệm lót sinh học, hầm biogas.</p>	<p><b>*Vật chất</b></p> <p>- Có 45% hộ dân dùng nước sạch.</p> <p>- Có 642 hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh.</p> <p><b>*Tổ chức xã hội</b></p> <p>- Có các biện pháp tăng cường quản lý việc khai thác tài nguyên khoáng sản.</p> <p>- Công tác bảo vệ môi trường, xây dựng môi trường xanh sạch đẹp</p> <p>- Duy trì thường xuyên lịch thu gom rác thải.</p> <p><b>* Nhận thức kinh nghiệm</b></p> <p>Người dân có ý thức trong việc bảo vệ môi trường</p>	<p>-Thiếu nước sạch sinh hoạt</p> <p>- Ô nhiễm môi trường</p>	<b>Cao</b>
<b>Bình Túy</b>	<b>546</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <p>- Có 10% hộ dân chưa sử dụng</p>	<p><b>* Vật chất</b></p> <p>Có 176 hộ sử dụng nước</p>	<p>-Thiếu nước sinh</p>	<b>Trung bình</b>

			<p>nước sạch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 139 hộ dân ở vùng trũng thấp, khi có lũ bị ngập, dễ bị ô nhiễm môi trường.</li> <li>- Một số hộ mua nước bình thùng để uống tốn kém (01 bình/hộ/8.000đ ngày</li> <li>- 15% hộ dân có nhà vệ sinh chưa đạt chuẩn.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đội thu gom rác thải trên trên địa bàn thôn</li> <li>- Kinh phí hỗ trợ cho đội thu gom còn thấp</li> <li>- Tổ chức tập huấn về môi trường chưa được thường xuyên</li> </ul> <p><b>*Nhận thức kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rác thải chăn nuôi, còn thải trực tiếp ra môi trường, chưa có đệm lót sinh học, hầm biogas.</li> </ul>	<p>giếng khoan, có 30 hộ dân sử dụng nước của công trình nước sạch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 20% hộ dân sử dụng máy lọc nước.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền vận động người dân tham gia thu gom rác thải và đóng phí môi trường</li> <li>- Tổ chức các lớp tập huấn Về công tác bảo vệ môi trường để người dân có ý thức hơn</li> </ul> <p><b>* Nhận thức kinh nghiệm</b></p> <p>Đa số các hộ dân có mong muốn bảo vệ môi trường xanh ,sạch, đẹp</p>	<p>hoạt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn nước bị ô nhiễm</li> </ul>	
<b>Bình Khương</b>	<b>704</b>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 76 hộ ở vùng trũng thấp thiếu nước sạch</li> <li>- Có 2 hộ chưa có công trình vệ sinh; Một số hộ chưa có ý thức vệ sinh môi trường .</li> <li>-Mua nước bình thùng để uống tốn kém(01 bình/hộ/8.000đ ngày</li> </ul> <p><b>*Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Chưa thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân tham gia bảo vệ môi trường</li> <li>- Chưa có thùng chứa rác thải trong khu dân cư</li> <li>- Kinh phí hỗ trợ cho đội thu gom còn thấp</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Một số hộ dân nuôi cá nước ngọt trong khu dân cư làm ô nhiễm môi trường.</p>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 250 hộ sử dụng nước giếng khoan.</li> <li>- 80 hộ sử dụng công trình nước sạch.</li> <li>- 702 nhà vệ sinh đảm bảo đạt chuẩn.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 1 Hệ thống cung cấp nước sạch</li> <li>- Có đội thu gom rác</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm.</b></p> <p>Đa số người dân đều có ý thức bảo vệ môi trường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Thiếu nước sạch sinh hoạt</li> <li>- Ô nhiễm môi trường</li> </ul>	<b>Cao</b>	

**Ghi chú:** 80% người dân dùng giếng khoan, một số khu vực nước không đảm bảo vệ sinh, nhiều phèn, hệ công trình nước sạch xuống cấp 20% người dân dùng giếng đào. Một số hộ dân sử dụng máy lọc nước tại nhà thấp, đa số hộ dân phải mua nước bình thùng dung để uống, chi phí bình quân 1 thùng/hộ/8.000đ/ngày

## 6. Y tế và quản lý dịch bệnh

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão, ngập lụt và hạn</b>	<b>Hiền Lương</b>	<b>541</b>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa có hệ thống xử lý chất thải xử lý y tế.</li> </ul>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 1 y tế thôn.</li> <li>-Có một số cơ thuốc dự</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ô nhiễm môi</li> </ul>	<i>Trung bình</i>

<p><b>hán</b></p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiếu thuốc dự phòng và xử lý nước trong thiên tai</li> <li>- Không có hệ thống thoát nước thải trong sinh hoạt tại các khu dân cư</li> <li>- Thiếu nước sạch dùng trong sinh hoạt dễ bị mắc các bệnh tiêu chảy và ngoài da</li> <li>- Sau thiên tai thường xảy ra dịch bệnh như: sốt xuất huyết, đường ruột, mắt đỏ, ngoài da, phụ khoa</li> </ul> <p><b>*Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ y tế thôn, xã trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ</li> <li>- Chưa quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường</li> <li>- Phun thuốc khử trùng sau thiên tai chưa kịp thời.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân thiếu kiến thức về thực phẩm an toàn.</li> <li>- Chưa mua thuốc theo đơn bác sĩ, còn tự ý đi mua ở ngoài.</li> <li>- Chưa đi khám bệnh định kỳ, khi có biểu hiện mới đi khám.</li> </ul>	<p>phòng cho thiên tai</p> <p><b>*Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêm phòng vắc xin và cho trẻ uống vitamin A định kỳ.</li> <li>- Tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường sau thiên tai.</li> <li>- Truyền truyền về chăm sóc sức khỏe, VSMT</li> </ul> <p><b>*Nhận thức kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số người dân đã đến khám bệnh ở trạm y tế.</li> <li>- 75% người dân tham gia bảo hiểm y tế.</li> <li>- Một số người dân đi khám sức khỏe định kỳ.</li> </ul>	<p>trường</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguy cơ Dịch bệnh ở người sau thiên tai.</li> </ul>	
<p><b>Bình Hòa</b></p>	<p><b>654</b></p>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ y tế thôn hoạt động không hiệu quả.</li> <li>- Dịch bệnh mắt đỏ, ngoài da, phụ khoa, đường hô hấp.</li> <li>- Thiếu thuốc dự phòng và xử lý nước trong thiên tai</li> <li>- Thiếu nước sạch dùng trong sinh hoạt.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có hệ thống xử lý nước thải trong sinh hoạt tại các khu dân cư.</li> <li>- Có đội ngũ thu gom rác nhưng còn mỏng</li> </ul> <p><b>*Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ dân chưa tham gia vào thu gom rác</li> <li>- Người dân tự ý vứt bao bì thuốc bảo vệ thực vật xuống kênh, mương, long sông</li> <li>- Ngập lụt lâu ngày, xác súc vật chết, trôi gây ô nhiễm môi trường</li> <li>- Người dân thiếu kiến thức về thực phẩm an toàn và chữa bệnh.</li> </ul>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêm phòng vắc xin và cho trẻ uống vitamin A thường xuyên</li> <li>- Tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường sau thiên tai.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức tuyên truyền vận động phòng chống dịch bệnh trong mùa bão, lũ.</li> <li>- Chỉ đạo trạm y tế cấp phát thuốc xử lý nước uống, tổ chức phun thuốc tiêu độc khử trùng.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Đa số người dân biết cách chăm sóc sức khỏe bản thân và gia đình</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ô nhiễm môi trường</li> <li>- Nguy cơ Dịch bệnh ở người sau thiên tai</li> </ul>	<p><b>Cao</b></p>
<p><b>Bình Túy</b></p>	<p><b>546</b></p>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ y tế thôn, trình độ</li> </ul>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 1 trạm y tế xã với 2</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ô nhiễm</li> </ul>	<p><b>Cao</b></p>

		<p>chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch bệnh mắt đỏ, ngoài da.</li> <li>- Thiếu thuốc dự phòng và xử lý nước trong thiên tai</li> <li>- Thiếu nước sạch dùng trong sinh hoạt</li> <li>- Không có hệ thống nước thải trong sinh hoạt tại các khu dân cư</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đội ngũ thu gom rác nhưng còn mỏng</li> <li>- Trạm y tế xã kiên cố nhưng thiếu đội ngũ bác sĩ và trang thiết bị khám chữa bệnh cho người dân</li> </ul> <p><b>* Nhân thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ dân chưa tham gia vào thu gom rác</li> <li>- Người dân tự ý vứt bao bì thuốc bảo vệ thực vật xuống long sông</li> <li>- Ngập lụt lâu ngày, xác súc vật chết, trôi gây ô nhiễm môi trường</li> <li>- Người dân thiếu kiến thức về thực phẩm an toàn và chữa bệnh</li> </ul>	<p>được sĩ, 3 điều dưỡng, 01 dược tá.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trạm y tế thường xuyên tổ chức tiêm phòng vắc xin định kỳ và tuyên truyền vận động nhân dân phòng chống dịch theo mùa vụ.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số người dân được sử dụng nước sạch.</li> <li>- Có đội thu gom rác thải.</li> <li>- Sau lụt bão các tổ chức xã hội vận động nhân dân dọn vệ sinh môi trường</li> </ul>	<p>môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguy cơ Dịch bệnh ở người sau thiên tai</li> </ul>	
<b>Bình Khương</b>	<b>704</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ bộ tế y thôn, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.</li> <li>- Dịch bệnh mắt đỏ, ngoài da, phụ khoa.</li> <li>- Thiếu thuốc dự phòng và xử lý nước trong thiên tai</li> <li>- Thiếu nước sạch dùng trong sinh hoạt</li> <li>- Không có hệ thống nước thải trong sinh hoạt tại các khu dân cư.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đội ngũ thu gom rác nhưng còn ít</li> <li>- Có y tế thôn nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của người dân</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ dân chưa tham gia vào thu gom rác</li> <li>- Người dân tự ý vứt bao bì thuốc bảo vệ thực vật xuống kênh, mương long sông.</li> <li>- Ngập lụt lâu ngày, xác súc vật chết, trôi gây ô nhiễm môi trường</li> <li>- Người dân thiếu kiến thức về thực phẩm an toàn và chữa bệnh.</li> </ul>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ y tế xã thường xuyên tổ chức tiêm vắc xin định kỳ.</li> <li>- Đa số hộ dân sử dụng nước sạch.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đội thu gom rác thải.</li> <li>- Tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường sau thiên tai.</li> <li>- Tuyên truyền nhân dân thường xuyên khám sức khỏe định kỳ</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Người dân tự giác tham gia dọn vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe cộng đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ô nhiễm môi trường</li> <li>- Nguy cơ Dịch bệnh ở người sau thiên tai</li> </ul>	<b>Cao</b>



**Ghi chú:** Thời gian ngập lâu ngày, người dân dự trữ nguồn nước thiếu không đủ dùng, đối với phụ nữ gặp rất nhiều khó khăn cho việc vệ sinh đảm bảo sức khỏe nên tỷ lệ bệnh phụ khoa cao, xác súc vật chết trôi không thể thu gom trong lúc ngập lụt được. Một số hộ dân chưa có ý thức giữ vệ sinh trong khi ngập nước vẫn vứt rác xuống nước.

## 7. Giáo dục

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDK H	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và lụt	<b>Hiền Lương</b>	<b>541</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường xuống cấp khi bão lụt thường bị ngập sâu học sinh phải nghỉ học dài ngày.</li> <li>- Học sinh đa số không biết bơi.</li> <li>- Thiếu trang thiết bị như: áo phao, dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu.</li> <li>- Chưa có hồ bơi và dạy bơi trong trường học.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa tập huấn về kỹ năng phòng, chống thiên tai.</li> <li>- Chưa có cảnh báo về mức độ rủi ro thiên tai tại các điểm có nguy cơ cao.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số phụ huynh chưa có ý thức cho trẻ học bơi.</li> <li>-</li> </ul>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 1 trường Tiểu học kiên cố.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường thông báo kịp thời cho học sinh nghỉ học khi có thiên tai.</li> <li>- Trường đã xây dựng phương án phòng chống thiên tai hàng năm</li> <li>- Các buổi sinh hoạt tập thể có lồng ghép về phòng chống thiên tai.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Thường xuyên sống trong vùng bão, lụt nên một số em được bố mẹ quan tâm hướng dẫn kiến thức về phòng chống thiên tai.</p>	- Nguy cơ đuối nước ở trẻ em	<b>Cao</b>
	<b>Bình Hòa</b>	<b>654</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường xuống cấp khi bão lụt thường bị ngập sâu học sinh phải nghỉ học dài ngày.</li> <li>- Tỷ lệ trẻ em chưa biết bơi cao</li> <li>- Chưa có hồ bơi và dạy bơi trong trường học.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa chú trọng các hoạt động tập huấn bơi lội cho trẻ em</li> <li>- Chưa quan tâm nguồn kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động tập huấn.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiều gia đình không quan tâm cho con nhỏ học bơi</li> </ul>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 01 trường mầm non mới xây dựng kiên cố</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <p>Nhà trường thông báo kịp thời cho học sinh nghỉ học khi có thiên tai.</p> <p>Đầu tư kinh phí nâng cấp sửa chữa các phòng học bị xuống cấp, hư hỏng.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gia đình có quan tâm đưa đón trẻ em trong khi xảy ra thiên tai</li> </ul>	- Nguy cơ đuối nước ở trẻ em	<b>Cao</b>
	<b>Bình Túy</b>	<b>546</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 01 trường Tiểu học và THCS kiên cố</li> <li>- Một số đoạn đường từ khu dân đến trường thường bị ngập sâu nên học sinh phải nghỉ học dài ngày</li> <li>- Tỷ lệ trẻ em chưa biết bơi cao</li> </ul>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có một trường THCS; 01 trường tiểu học kiên cố.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường thông báo kịp thời cho học sinh nghỉ học khi có thiên tai.</li> </ul>	- Nguy cơ trẻ em bị đuối nước	<b>Cao</b>

			<p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiếu các phương tiện phòng chống thiên tai như áo phao ...</li> <li>- Chưa đầu tư kinh phí để xây dựng hồ bơi cho trẻ em</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Người dân còn trông chờ, ỷ lại vào đội xung kích hỗ trợ khi xảy ra thiên tai, chưa trang bị kiến thức đầy đủ cho trẻ nhỏ về cách tự bảo vệ bản thân khi có thiên tai</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các buổi sinh hoạt tập thể có lồng ghép về nội dung phòng chống thiên tai</li> </ul> <p><b>* Nhận thức kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gia đình có hướng dẫn con nhỏ biết cách tự bảo vệ bản thân khi thiên tai xảy ra</li> </ul>		
	<b>Bình Khương</b>	<b>704</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường từ khu dân cư đến trường học ngập lụt sâu nên học sinh phải nghỉ học dài ngày (đoạn đường Rộc Bà Ghé)</li> <li>- Tỷ lệ trẻ em chưa biết bơi cao</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa quan tâm kinh phí dạy bơi cho trẻ em</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Người dân lo làm ăn nên để trẻ tự đến trường khi có thiên tai.</p>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 01 trường tiểu học và 01 trường mẫu giáo kiên cố.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường thông báo kịp thời cho học sinh nghỉ học khi có thiên tai</li> <li>- Các buổi sinh hoạt tập thể có lồng ghép về nội dung phòng chống thiên tai</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gia đình có quan tâm đưa đón trẻ em trong khi xảy ra thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguy cơ trẻ em bị đuối nước</li> </ul>	<b>Cao</b>
<p><b>Ghi chú:</b> Địa hình vùng trũng thấp, ven sông, tỷ lệ trẻ em không biết bơi cao, thiếu hồ bơi và dạy bơi trong trường học.</p>						

8. Rừng (không có)

9. Trồng trọt

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão; ngập lụt,</b>	<b>Hiền Lương</b>	<b>541</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 130 ha lúa vùng trũng thường ngập sâu.</li> <li>- 30 ha hoa màu bị ngập, bị gãy nát có khi mất trắng không cho thu hoạch</li> <li>- Năng suất cây trồng còn thấp do ảnh hưởng yếu tố thời tiết.</li> <li>- Hệ thống thủy lợi chưa được bê tông hóa.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao, chưa có tính bền vững.</li> </ul>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cấp đê và hệ thống para để hạn chế xâm nhập mặn.</li> <li>- Một số tuyến giao thông, kênh mương nội đồng đảm bảo nước tưới và một số tuyến giao thông nội đồng kiên cố để vận chuyển nông sản cho người dân</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khuyến cáo người chuyển đổi đất lúa trũng năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lúa và hoa màu giảm năng suất</li> <li>- Mất đất sản xuất</li> </ul>	<b>Cao</b>



		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuộc bảo vệ thực vật trôi nổi không được quản lý nên người dân mua nhầm thuốc giả, kém chất lượng.</li> <li>- Tập huấn chưa được nhiều, chủ yếu nam tham gia, nữ ít được tham gia.</li> <li>- HTX năng lực yếu, chưa bao tiêu sản phẩm, chủ yếu người dân tự cung, tự cấp.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b> Một số người dân phun thuốc không có bảo hộ lao động.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội nông dân xã nhận cung ứng phân bón trả chậm cho hội viên nông dân.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b> - Người dân đã chuyển đổi cây lúa sang trồng cây nếp có đầu ra bền vững.</p>		
<b>Bình Hòa</b>	<b>654</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 50 ha lúa vùng trũng thường bị ngập sâu</li> <li>- 65 ha hoa màu bị ngập, bị gãy nát có khi mất trắng không cho thu hoạch</li> <li>- Hạ tầng phục vụ SXNN có đầu tư nhưng chưa đáp ứng nhu cầu.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao</li> <li>- Nguồn nước tưới chưa đảm bảo do ở cuối kênh Phú Ninh.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số người dân chưa áp dụng KHKT vào đồng ruộng</li> </ul>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây các tuyến giao thông, kênh mương nội đồng đảm bảo tưới và vận chuyển nông sản cho người dân.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b> Khuyến cáo người dân chuyển đổi đất lúa trũng thấp, có năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản; những vùng không chủ động nước chuyển sang trồng cây màu có hiệu quả kinh tế cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cấp đê và hệ thống para để hạn chế xâm nhập mặn.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b> Người dân đã áp dụng những kiến thức được tập huấn vào sản xuất để nâng cao năng suất.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lúa và hoa màu mất mùa giảm năng suất.</li> <li>- Mất đất sản xuất</li> </ul>	<b>Cao</b>
<b>Bình Túy</b>	<b>546</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 50 ha lúa vùng trũng thường bị ngập sâu.</li> <li>- 30 ha hoa màu bị ngập, bị gãy nát có khi mất trắng không cho thu hoạch</li> <li>- Hạ tầng phục vụ SXNN chưa đảm bảo.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao.</li> </ul> <p><b>*Nhận thức, kinh nghiệm</b> Người dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa theo khuyến cáo.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khuyến cáo người chuyển đổi đất lúa trũng thấp có năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản.</li> <li>- Vận động nhân dân thu hoạch theo phương châm “xanh nhà hơn già đồng”.</li> </ul> <p><b>*Nhận thức, kinh nghiệm</b> Chuyển đổi diện tích đất thường xuyên khô hạn, năng suất thấp sang trồng Khoai Môn, Khoai Lang</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lúa và hoa màu mất mùa, giảm năng suất</li> <li>- Mất đất sản xuất</li> </ul>	<b>Cao</b>
<b>Bình Khuron g</b>	<b>704</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 40 ha lúa vùng trũng thường bị ngập sâu.</li> <li>- 15 ha hoa màu bị ngập, bị gãy</li> </ul>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Xây các tuyến giao thông, kênh mương nội đồng đảm bảo tưới và vận chuyển</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lúa và hoa màu mất mùa giảm</li> </ul>	<b>Cao</b>

			<p>nát có khi mất trắng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạ tầng phục vụ SXNN như kênh mương, giao thông nội đồng chưa đáp ứng nhu cầu.</li> <li>- Hệ thống đê và hệ thống para xuống cấp, nên ruộng bỏ hoang nhiều.</li> <li>- Thu nhập thấp nên người dân bỏ ruộng đi làm ăn ở các thành phố lớn.</li> <li>- Lực lượng lao động chủ yếu là người già và trẻ em</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao</li> <li>- Công tác chính trang đồng ruộng còn thấp.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Người dân cố hữu với nhận thức tập quán lâu đời không muốn thay đổi.</p>	<p>nông sản cho người dân.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khuyến cáo người dân chuyển đổi đất lúa trũng thấp, có năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản; những vùng không chủ động nước chuyển sang trồng cây màu có hiệu quả kinh tế cao.</li> <li>- Nâng cấp đê và hệ thống para đê hạn chế xâm nhập mặn.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức kinh nghiệm</b></p> <p>Thực hiện theo hướng về lịch thời vụ, chọn giống phù hợp với thổ nhưỡng của thôn.</p>	<p>năng suất</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mất đất sản xuất</li> <li>- Chi phí đầu tư cho NN tăng cao</li> </ul>	
<b>Hạn hán, nhiễm mặn</b>	<b>Hiện Lương</b>	<b>541</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 60 ha Lúa ở tổ 5,6,7 vùng cao thường xuyên bị khô hạn.</li> <li>- 30 ha hoa màu ở tổ 3,4 5, 6 và 7 thiếu nước tưới.</li> <li>- 4,9 km kênh mương chưa được kiên cố.</li> <li>- Có 2 hệ thống Pa ra được nhà nước đầu tư để ngăn mặn tuy nhiên đã lâu ngày xuống cấp.</li> <li>- 10 ha đất nông nghiệp bị nhiễm mặn.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ thôn, tổ năng lực, chuyên môn còn hạn chế, chưa chủ động trong việc tổ chức triển khai cho nhân dân thực hiện các biện pháp chống hạn.</li> <li>- Không được hỗ trợ kinh phí để cải tạo đất nhiễm mặn.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Một số bộ phận nhân dân chưa chủ động chuyển đổi cây trồng con vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên.</p>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 02 trạm bơm để chống hạn cho cây trồng.</li> <li>- 0,9km kênh mương đã được kiên cố.</li> <li>- Có đủ nước sinh hoạt trong các hộ gia đình (80% hộ gia đình có máy bơm nước)</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành lập Tổ quản lý điều tiết nước.</li> <li>- Tuyên truyền cho nhân dân nhận biết về tình hình nắng hạn để chủ động thực hiện các biện pháp chống hạn.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Thực hiện đúng lịch thời vụ và cơ cấu giống.</p>	<p>Cây trồng chết, nguy cơ mất mùa, thiếu đói.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiếu nước sản xuất và sinh hoạt.</li> </ul>	<b>Cao</b>

	<p><b>Bình Hòa</b></p>	<p><b>654</b></p>	<p><b>* Vật chất</b>                      - 35 ha đất lúa và hoa màu bị thiếu nước.                      - Hệ thống kênh mương chưa được kiên cố.                      - 12ha diện tích nuôi trồng thủy sản bị nhiễm mặn.                      - Gia súc ,gia cầm thiếu nước uống  <b>* Tổ chức xã hội</b>                      - Công tác tuyên truyền còn hạn chế.                      - Thiếu kinh phí triển khai phương án chống hạn.                      - Hệ thống thủy lợi hóa đất màu chưa được xây dựng.  <b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b>                      - Một số hộ dân chưa có ý thức bảo vệ nguồn nước, tiết kiệm nước.</p>	<p><b>* Vật chất</b>                      - Một số tuyến mương đã được kiên cố.                      - Diện tích đất lúa đã được dồn điền đổi thửa, chỉnh trang.  <b>* Tổ chức xã hội</b>                      - Chuyển đổi một số dịch tích ở những vùng thường xuyên bị kho hạn sang các cây trồng cạn như: sắn, khoai lang, ngô.                      - Tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật cho người dân trong việc chăm sóc cây trồng.  <b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b>                      Đa số người dân sống bằng nghề nông nghiệp, nên có kinh nghiệm trong phòng chống hạn.</p>	<p>- Lúa và hoa màu giảm năng suất                      -Mất đất sản xuất                      - Thiếu nước sản xuất và sinh hoạt.</p>	
	<p><b>Bình Túy</b></p>	<p><b>546</b></p>	<p><b>* Vật chất</b>                      - 8 ha đất lúa và hoa màu bị thiếu nước.                      - 2,5km kênh cấp 3 chưa được kiên cố.                      - 11ha đất trồng lúa ven sông bị nhiễm mặn.  <b>* Tổ chức xã hội</b>                      - Công tác tuyên truyền còn hạn chế.                      - Thiếu kinh phí triển khai phương án chống hạn.  <b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b>                      - Một số hộ dân lấn chiếm hành lang đê để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản làm đê hư hỏng, xuống cấp.</p>	<p><b>* Vật chất</b>                      - Một số tuyến mương đã được kiên cố.                      - Diện tích đất lúa đã được dồn điền đổi thửa, chỉnh trang.  <b>* Tổ chức xã hội</b>                      - Chuyển đổi một số dịch tích ở những vùng thường xuyên bị ngập nước, nhiễm mặn sang trồng sen kết hợp nuôi cá.                      - Tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật cho người dân trong việc chăm sóc cây trồng, con vật nuôi.  <b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b>                      Đa số người dân có ý thức bảo vệ đê điều, sử dụng nước tưới tiết kiệm.</p>	<p>- Lúa và hoa màu giảm năng suất                      - Mất đất sản xuất                      - Thiếu nước sản xuất và sinh hoạt.</p>	
	<p><b>Bình Khương</b></p>	<p><b>704</b></p>	<p><b>* Vật chất</b>                      - 9 ha đất lúa và hoa màu bị thiếu nước.                      - 3km kênh mương chưa được kiên cố.                      - 5ha diện sản xuất lúa bị nhiễm mặn.  <b>* Tổ chức xã hội</b>                      - Thiếu kinh phí triển khai phương án chống hạn.                      - Cán bộ thủy nông, đê điều còn mỏng, kinh phí hỗ trợ thấp nên không nhiệt tình với công việc.  <b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p>	<p><b>* Vật chất</b>                      - 1,1 km tuyến mương đã được kiên cố.                      - 20 ha diện tích đất lúa đã được dồn điền đổi thửa, chỉnh trang.  <b>* Tổ chức xã hội</b>                      - Chuyển đổi một số dịch tích ở những vùng thường xuyên bị kho hạn sang các cây trồng cạn như: sắn, khoai lang, ngô.                      - Tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật cho người dân trong việc chăm sóc cây trồng.</p>	<p>- Lúa và hoa màu giảm năng suất.                      - Mất đất sản xuất                      - Thiếu nước sản xuất và sinh hoạt.</p>	

			- Một số hộ dân chưa có ý thức bảo vệ nguồn nước; chưa chú trọng công tác chọn giống phù hợp với biến đổi khí hậu.	* <b>Nhận thức, kinh nghiệm</b> Đa số người dân sống bằng nghề nông nghiệp,		
<b>Ghi chú:</b> Lĩnh vực trồng trọt có tiềm năng phát triển. Tuy nhiên do địa hình thấp trũng, ngập sâu nên rủi ro năng suất cây trồng giảm và hạ tầng phục vụ SX xuống chưa đáp ứng.						

### 10. Chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, ngập lụt	Hiền Lương	541	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuồng trại chăn nuôi gia súc gia cầm chưa kiên cố, chưa đảm bảo vệ sinh.</li> <li>- Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, nên chưa áp dụng KHKT</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc thấp, chưa có biện pháp cụ thể.</li> <li>- Năng lực CB thú ý còn hạn chế</li> <li>- Giá cả không ổn định nên người dân không yên tâm chăn nuôi hiện nay tổng đàn gia súc giảm mạnh.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>90% phụ nữ tham gia chăn nuôi nhưng thiếu kiến thức, chưa tham gia thực hiện thú y trọn gói</p>	<p><b>* Vật chất</b></p> <p>Có 1 trang trại chăn nuôi heo, quản lý tốt về vệ sinh môi trường và tiêm phòng đầy đủ.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tổ chức tiêm phòng</li> <li>- Có tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi.</li> <li>- Truyền truyền vệ sinh phòng bệnh cho gia súc gia cầm.</li> <li>- Có 1 cộng tác viên thú y</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Một số hộ dân thường xuyên chăn nuôi nên có kinh nghiệm trong chăm sóc và phòng trừ dịch bệnh cho gia súc, gia cầm.</p>	- Gia súc gia cầm bị chết bị dịch bệnh	Cao
	Bình Hòa	654	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuồng trại chăn nuôi gia súc gia cầm chưa kiên cố, chưa đảm bảo vệ sinh.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực CB thú ý còn hạn chế</li> <li>- Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc thấp chưa có biện pháp cụ thể</li> <li>- Dịch bệnh lở mồm, long móng, H5N1 tăng.</li> <li>- Giá cả không ổn định.</li> <li>- Công tác tập huấn về chăn nuôi chưa được thường xuyên.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, nên chưa áp dụng KHKT</li> <li>- Người dân chưa giác ngộ</li> </ul>	<p><b>* Vật chất</b></p> <p>Đa số chuồng trại của người dân được đầu tư xây dựng.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tổ chức tiêm phòng</li> <li>- Có tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi.</li> <li>- Truyền truyền vệ sinh phòng bệnh cho gia súc gia cầm.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Liên kết với các cơ sở kinh doanh thức ăn, các hộ giết mổ để có đầu ra ổn định.</p>	- Gia súc gia cầm bị chết bị dịch bệnh	Cao

			trong việc tiêm phòng gia súc, gia cầm.			
	<b>Bình Túy</b>	<b>546</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuồng trại chăn nuôi gia súc gia cầm chưa kiên cố, chưa đảm bảo vệ sinh.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực CB thú ý còn hạn chế</li> <li>- Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc thấp chưa có biện pháp cụ thể.</li> <li>- Dịch bệnh lở mồm, long móng, H5N1 tăng</li> <li>- Giá cả không ổn định</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, nên chưa áp dụng KHKT.</li> </ul>	<p><b>* Vật chất</b></p> <p>Quy hoạch điểm chăn nuôi tập trung.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tổ chức tiêm phòng</li> <li>- Có tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi</li> <li>- Truyền truyền vệ sinh phòng bệnh cho gia súc gia cầm.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Nhân dân thường xuyên tham gia các lớp tập huấn chăn nuôi thú y, nên đa số có kinh nghiệm trong chăm sóc và phòng trừ dịch.</p>	Gia súc gia cầm bị chết bị dịch bệnh	<b>Cao</b>
	<b>Bình Khương</b>	<b>704</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuồng trại chăn nuôi gia súc gia cầm chưa kiên cố, chưa đảm bảo vệ sinh, không có hầm biogas.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực CB thú ý còn hạn chế</li> <li>- Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc thấp chưa có biện pháp cụ thể</li> <li>- Dịch bệnh lở mồm, long móng, H5N1 tăng</li> <li>- Giá cả không ổn định</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ dân không coi trọng việc tiêm phòng cho gia súc, gia cầm.</li> <li>- Chất thải chăn nuôi thải trực tiếp ra môi trường.</li> </ul>	<p><b>* Vật chất</b></p> <p>Chuồng trại chăn nuôi của các hộ dân đa số đã được kiên cố.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tổ chức tiêm phòng</li> <li>- Tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi</li> <li>- Truyền truyền vệ sinh phòng bệnh cho gia súc gia cầm.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Chọn những nơi khô ráo, thoáng mát để xây dựng chuồng, nhằm hạn chế sự đe dọa của thiên tai.</p>	- Gia súc gia cầm bị chết bị dịch bệnh	<b>Cao</b>
<b>Hạn hán</b>	<b>Cả 4 thôn</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiếu nước để vệ sinh chuồng trại và vệ sinh cho gia súc gia cầm nên dễ bị dịch bệnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ có hầm biogas để xử lý phân và chất thải</li> <li>- Vẫn duy trì chăn nuôi 4.500 con gian súc và 30.000 con gia cầm</li> </ul>	Chết hàng loạt khi hạn hán kéo dài	
<p><b>Nhận xét:</b> Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại không đảm bảo cao, vùng nguy cơ ngập lụt sâu nhiều ngày, nên dịch bệnh phát sinh, gia súc gia cầm tiêm phòng tỷ lệ chưa cao, chưa có đầu ra, giá cả bấp bênh nên hiện nay đã bị giảm đàn.</p>						

### 11. Thủy Sản

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
---------------------------	----------	------------	--------	--	-----------------------	--------------------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Hiền Lương	541	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ, không có quy mô lớn, diện tích 13,1 ha.</li> <li>- Cơ sở vật chất cho nuôi trồng thủy sản còn hạn chế: thiếu điện 3 pha.</li> <li>- Môi trường nước bị ô nhiễm.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng thấp thường bị ngập lụt, chưa quy hoạch vùng chuyên canh thủy sản, nên chủ yếu các hộ nuôi trồng thủy sản tự phát.</li> <li>- Con giống còn trôi nổi, giá cả bấp bênh.</li> </ul> <p><b>*Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ yếu các hộ nuôi trồng theo kinh nghiệm, áp dụng KHKT còn hạn chế.</li> </ul>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ đầu tư nâng cấp, gia cố ao nuôi.</li> <li>- Có hệ thống đê và gàn sông nên đảm bảo nguồn nước và an toàn cho phát triển thủy sản</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã tập huấn nuôi trồng thủy sản</li> <li>- Đầu ra ổn định</li> <li>- Khuyến cáo thu hoạch trước mùa mưa lũ</li> </ul> <p><b>*Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thả giống đúng lịch thời vụ.</li> <li>- Vệ sinh ao, hồ trước khi thả con giống</li> <li>- Sử dụng lưới chắn đảm bảo để không bị thiệt hại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ao hồ xuống cấp bị sạt lở.</li> <li>- Giảm năng suất, mất sản lượng khi có thiên tai</li> </ul>	<b>Cao</b>
	Bình Hòa	654	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ, diện tích 11,25 ha.</li> <li>- Vùng thấp thường bị ngập lụt không thu hoạch được, cơ sở vật chất dùng cho nuôi trồng thủy sản còn hạn chế: thiếu điện 3 pha.</li> </ul> <p><b>*Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn nước Sông Trường Giang bị ô nhiễm.</li> <li>- Con giống không đảm bảo, chưa có nguồn gốc rõ ràng.</li> <li>- Chưa có cán bộ kỹ thuật để hướng dẫn cách chăm sóc.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng KHKT còn hạn chế.</li> </ul>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hộ đã đầu tư vốn lớn cho nuôi trồng thủy sản.</li> <li>-Sử dụng lưới chắn để đảm bảo không bị thiệt hại</li> </ul> <p><b>*Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã tập huấn nuôi trồng thủy sản</li> <li>- Thả giống đúng lịch thời vụ</li> <li>- Có xử lý vệ sinh ao, hồ trước khi thả con giống.</li> <li>- khuyến cáo thu hoạch trước mùa mưa lũ</li> </ul> <p><b>* Nhận thức kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kinh nghiệm đóng giếng để bơm nước vào ao, nhằm hạn chế sự lây lan của dịch bệnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ao hồ xuống cấp bị sạt lở.</li> <li>- Giảm năng suất, mất sản lượng khi có thiên tai</li> </ul>	<b>Cao</b>
	Bình Túy	546	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ, không có quy mô lớn, diện tích 3 ha</li> <li>- Vùng thấp thường bị ngập lụt không thu hoạch được, cơ sở vật chất dùng cho nuôi trồng thủy sản còn hạn chế: thiếu điện 3 pha.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa tập trung kinh phí để xây dựng cơ sở hạ tầng.</li> </ul>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư lưới chắn để đảm bảo không bị thiệt hại thủy sản</li> </ul> <p><b>*Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã tập huấn nuôi trồng thủy sản.</li> <li>- khuyến cáo thu hoạch trước mùa mưa lũ</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thả giống đúng lịch thời vụ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ao hồ xuống cấp bị sạt lở.</li> <li>- Giảm năng suất, mất sản lượng khi có thiên tai</li> </ul>	<b>Cao</b>



			- Cán bộ kỹ thuật chưa có <b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b> Xử lý ao nuôi chưa đảm bảo, ao nuôi bị dịch thường xả nước trực tiếp ra môi trường nên dễ lây lan diện rộng.	- Có xử lý vệ sinh ao, hồ trước khi thả con giống		
	<b>Bình Khương</b>	<b>704</b>	<b>*Vật chất</b> - Nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ, không có quy mô lớn, diện tích 2 ha - Có 09 hộ nuôi cá nước ngọt. - Khu vực nuôi nhỏ nằm trong khu dân cư gây ảnh hưởng môi trường. - Vùng thấp thường bị ngập lụt không thu hoạch được, cơ sở vật chất dùng cho nuôi trồng thủy sản còn hạn chế: thiếu điện ba pha. <b>* Tổ chức xã hội</b> - Chưa quản lý tốt nguồn thức ăn. - Con giống chưa được kiểm dịch <b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b> Chưa áp dụng kỹ thuật vào nuôi trồng.	<b>*Vật chất</b> - Có hệ thống đê và gàn sông nên đảm bảo nguồn nước và an toàn cho phát triển thủy sản <b>* Tổ chức xã hội</b> - Đã tập huấn nuôi trồng thủy sản - khuyến cáo thu hoạch trước mùa mưa lũ <b>* Nhận thức kinh nghiệm</b> - Thả giống đúng lịch thời vụ - Có xử lý vệ sinh ao, hồ trước khi thả con giống - Sử dụng lưới chắn đê đảm bảo không bị thiệt hại	- Ao hồ xuống cấp bị sạt lở. - Giảm năng suất, mất sản lượng khi có thiên tai	<b>Cao</b>
<b>Hạn hán và nhiễm mặn</b>	<b>Cả 4 thôn</b>		- Diện tích nuôi trồng thủy sản gần cửa sông khi có hạn hán nhiễm mặn trên diện rộng nguy cơ bị chết, dễ bị nhiễm bệnh thủy sản	- Có 24,35 ha nuôi tôm nước lợ - 6 ha nuôi cá nước ngọt.	- Giảm năng suất, có khi mất trắng sản lượng	<b>Cao</b>
<b>Ghi chú:</b> diện tích ao hồ nuôi trồng thủy sản ở vùng thấp, ao hồ tạm bợ, nguy cơ thiệt hại về nuôi trồng thủy sản cao.						

**12. Du lịch: không**

**13. Buôn bán và dịch vụ khác**

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão và ngập lụt</b>	<b>Hiền Lương</b>	<b>541</b>	<b>* Vật chất</b> - Buôn bán quán nhỏ lẻ, nhà xưởng lều quán chưa kiên cố. - Hàng hóa bị ẩm mốc khi lụt kéo dài. - Gián đoạn việc buôn bán do đường ngập lụt <b>* Tổ chức xã hội</b>	<b>* Vật chất</b> - Có vốn để đầu tư buôn bán, có thu nhập hàng ngày. <b>* Tổ chức xã hội</b> - Chính quyền tạo điều kiện về thủ tục, về vay vốn. - Có chế độ miễn, giảm thuế cho các hộ bị thiệt hại vì	- Nhà xưởng lều quán sập đổ hư hỏng. - Mất nguồn	Trung bình

			<p>Chất lượng hàng hóa chưa được kiểm soát, chưa kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>- Người dân còn mua chịu, bị nợ đọng có khi mất vốn</p>	<p>thiên tai.</p> <p><b>* Nhận thức kinh nghiệm</b></p> <p>Một số hộ buôn bán đã mạnh dạn đầu tư kinh doanh lớn</p>	<p>vốn có khi phá sản</p>	
Bình Hòa	654	<p><b>* Vật chất</b></p> <p>- Buôn bán quán nhỏ lẻ, nhà xưởng chưa kiên cố</p> <p>- Hàng hóa bị ẩm mốc hư hỏng khi lụt kéo dài</p> <p>- Gián đoạn việc buôn bán</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <p>Chưa thường xuyên tổ chức kiểm tra an toàn thực phẩm.</p> <p>Nguồn gốc các mặt hàng phục vụ nhu cầu của nhân dân đa số không rõ nguồn gốc.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>- Người dân còn mua chịu, bị nợ đọng có khi mất vốn.</p>	<p><b>* Vật chất</b></p> <p>Có 01 điểm chợ phục vụ nhu cầu buôn bán của nhân dân.</p> <p>- Có vốn để đầu tư buôn bán, có thu nhập hàng ngày.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <p>- Chính quyền tạo điều kiện để vay vốn phát triển sản xuất.</p> <p>Tạo điều kiện để thuê mặt bằng sản xuất, kinh doanh.</p> <p><b>* Nhận thức kinh nghiệm</b></p> <p>Có kinh nghiệm trong việc tích trữ hàng hóa.</p>	<p>- Nhà xưởng lều quán sập đổ hư hỏng.</p> <p>- Mất nguồn vốn có khi phá sản</p>	Trung bình	
Bình Túy	546	<p><b>* Vật chất</b></p> <p>- Buôn bán quán nhỏ lẻ, nhà xưởng chưa kiên cố.</p> <p>- Hàng hóa bị ẩm mốc hư hỏng khi lụt kéo dài</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <p>Nguồn gốc các mặt hàng phục vụ nhu cầu của nhân dân đa số không rõ nguồn gốc.</p> <p><b>* Nhận thức kinh nghiệm</b></p> <p>Chưa nắm bắt được nhu cầu của thị trường nên chưa có kế hoạch dự trữ hàng hóa trong mùa mưa, bão.</p>	<p><b>* Vật chất</b></p> <p>- Có vốn để đầu tư buôn bán, có thu nhập hàng ngày.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <p>Chính quyền tạo điều kiện để vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh.</p> <p><b>* Nhận thức kinh nghiệm</b></p> <p>Buôn bán những mặt hàng phù hợp với nhu cầu hàng ngày của người dân.</p>	<p>- Nhà xưởng lều quán sập đổ hư hỏng.</p> <p>- Mất nguồn vốn có khi phá sản</p>	Trung bình	
Bình Khương	704	<p><b>* Vật chất</b></p> <p>- Buôn bán quán nhỏ lẻ, nhà xưởng chưa kiên cố.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <p>Chưa kiểm soát được xuất xứ hàng hóa, hàng kém chất lượng trôi nổi nhiều.</p> <p><b>* Nhận thức kinh nghiệm</b></p> <p>Chưa mạnh dạn vay vốn để phát triển sản xuất.</p>	<p><b>* Vật chất</b></p> <p>- Có vốn để đầu tư buôn bán, có thu nhập hàng ngày.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <p>Chính quyền tạo điều kiện thuê mặt bằng để kinh doanh, buôn bán</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Buôn bán những mặt hàng phù hợp với nhu cầu hàng ngày của người dân</p>	<p>- Nhà xưởng lều quán sập đổ hư hỏng.</p> <p>- Mất nguồn vốn có khi phá sản</p>	Trung bình	

#### 14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
---------------------------	----------	------------	--------	--	------------------------	--------------------------------



(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão và ngập lụt</b>	<b>Hiền Lương</b>	<b>541</b>	<p><b>* Vật Chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2% người già không có ti vi, radio</li> <li>- 10% không tiếp cận được thông tin (chủ yếu là người già).</li> <li>- Một số tuyến truyền thanh cụm loa bị hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo trong mùa mưa bão</li> <li>- 70% hộ dân không tiếp cận được Internet</li> <li>- Thiếu phương tiện cảnh báo sớm.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác phối hợp tuyên truyền cho nhân dân trong phòng chống thiên tai còn hạn chế.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Người dân còn thờ ơ, chưa quan tâm theo dõi thông tin diễn biến của thiên tai nên còn xảy ra một số trường hợp bị thương và chết người.</p>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 98% người dân tiếp cận được thông tin</li> <li>90% tiếp cận hệ thống loa truyền thanh</li> <li>- 30% hộ dân tiếp cận được Internet</li> <li>80% người dân tiếp cận được thông tin PCTT</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng năm bố trí kinh phí để sửa chữa, khắc phục và nâng cấp hệ thống loa trên địa bàn xã nhưng hiện nay đã xuống cấp.</li> <li>- Thường xuyên tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh và cảnh báo người dân cảnh giác khi có thiên tai xảy ra.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Đa số người dân chủ động chèn chông nhà cửa và sơ tán khi có cảnh báo về thiên tai xảy ra.</p>	Hệ thống truyền thanh hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo.	<b>Trung Bình</b>
	<b>Bình Hòa</b>	<b>654</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2% người già không có ti vi, radio.</li> <li>- 10% không tiếp cận được thông tin</li> <li>- Một số tuyến truyền thanh cụm loa bị hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc, dự báo, cảnh báo trong mùa mưa bão.</li> <li>- 30% hộ dân không tiếp cận được Internet</li> <li>- Thiếu phương tiện cảnh báo sớm.</li> <li>20% người dân không tiếp cận được thông tin PCTT.</li> <li>- Cụm loa truyền thanh ít, địa bàn khu dân cư rộng.</li> <li>- Thiếu loa di động.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh phí chưa đảm bảo để nâng cấp, sửa chữa và bổ sung các cụm loa truyền thanh để kịp thời cảnh báo người dân khi có thiên tai.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 98% người dân tiếp cận thông tin</li> <li>90% tiếp cận hệ thống loa truyền thanh</li> <li>- Hàng năm sửa chữa, khắc phục và nâng cấp hệ thống loa truyền thanh nhưng hiện nay đã bị xuống cấp.</li> <li>- 30% hộ dân tiếp cận được Internet</li> <li>80% người dân tiếp cận được thông tin PCTT</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Hàng năm phân bổ kinh phí để di tu, bảo dưỡng hệ thống đài truyền thanh.</li> <li>-Tổ chức tập huấn về phòng chống thiên tai.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Đa số người dân có ý thức bảo vệ các cụm loa truyền thanh, theo dõi thông tin truyền truyền, dự báo cảnh báo, khuyến cáo PCTT của chính quyền.</p>	Hệ thống truyền thanh hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo.	<b>Trung Bình</b>

			Một số người dân chưa quan tâm đến thông tin truyền truyền, dự báo cảnh báo, khi có lệnh sơ tán phải đến tận hộ gia đình vận động.			
<b>Bình Túy</b>	<b>546</b>	<p><b>*Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2% người già không có tivi,</li> <li>- 10% không tiếp cận được thông tin</li> <li>- Một số tuyến truyền thanh cụm loa bị hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo, cảnh báo trong mùa mưa bão</li> <li>- 70% hộ dân không tiếp cận được Internet</li> <li>- Thiếu phương tiện cảnh báo sớm.</li> </ul> <p>20% người dân không tiếp cận được thông tin PCTT.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có phương truyền thông tin đến người dân khi mất điện lâu ngày.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <p>Cán bộ phụ trách chưa có chuyên môn, kỹ thuật, chưa có kinh nghiệm viết tin bài.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <p>Công tác tuyên truyền chưa kịp thời đến một số hộ dân nên, chưa chủ động di dời gây thiệt hại về tài sản của người dân.</p>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 98% người dân tiếp cận thông tin</li> <li>90% tiếp cận hệ thống loa truyền thanh</li> <li>- 30% hộ dân tiếp cận được Internet</li> <li>80% người dân tiếp cận được thông tin PCTT</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng đội ngũ cộng tác viên viết bài, đưa tin.</li> <li>- Tổ chức các hoạt động truyền truyền PCTT .</li> </ul> <p>Công tác tuyên truyền vận động tốt sẽ giảm thiểu được thiệt hại do thiên tai gây ra.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm.</b></p> <p>Một số người dân nhiệt tình tham gia các hoạt động truyền truyền thông qua hoạt động văn nghệ, có sáng tác về PCTT</p>	Hệ thống truyền thanh hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo.	<b>Trung Bình</b>	
<b>Bình Khương</b>	<b>704</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2% người già không có tivi, radio</li> <li>- 10% không tiếp cận được thông tin</li> <li>- Một số tuyến cụm loa bị hư hỏng không đảm bảo thông tin cho người dân.trong mùa mưa bão</li> <li>- 70% hộ dân không tiếp cận được Internet</li> <li>- Thiếu phương tiện cảnh báo sớm</li> </ul> <p>20% người dân không tiếp cận được thông tin PCTT.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <p>Ban nhân dân thôn còn thờ ơ, chưa tổ chức công tác tuyên truyền, dự tính, dự báo, cảnh</p>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 98% người dân tiếp cận thông tin</li> <li>90% tiếp cận hệ thống loa truyền thanh</li> <li>- Hàng năm sửa chữa , khắc phục và nâng cấp hệ thống loa truyền thanh nhưng hiện nay bị xuống cấp.</li> <li>- 30% hộ dân tiếp cận được Internet.</li> <li>80% người dân tiếp cận được thông tin PCTT</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <p>Tổ chức vận động nhân dân ở vùng nguy cơ cao sớm di dời đến nơi an toàn và thực hiện việc cưỡng chế nếu không chấp hành.</p>	Hệ thống truyền thanh hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo.	<b>Trung Bình</b>	

			<p>báo diễn biến thiên tai kịp thời cho người dân.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b>                  Một số hộ dân lo làm ăn, ít quan tâm đến thông tin truyền truyền dự báo cảnh báo</p>	<p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b>                  Đa số hộ dân tham gia các cuộc họp có truyền truyền về PCTT</p>		
--	--	--	---	---	--	--

**Ghi chú :** Những năm gần đây qua hệ thống thông tin đại chúng các thông tin về RR/TT/BĐKH ngày càng cải thiện nhưng đa số người dân chưa được tập huấn, ít được truyền truyền phổ biến về biến đổi khí hậu.

**15. Phòng chống thiên tai/TUĐBKH**

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTĐBTT	Năng lực PCTT TUĐBKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão và ngập lụt</b>	<b>Hiền Lương</b>	<b>541</b>	<p><b>* Vật chất</b>                      - Trang thiết bị cứu hộ cứu nạn còn thiếu, chưa đảm bảo cho công tác PCTT.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b>                      - Lực lượng xung kích hoạt động chưa hiệu quả.                      - Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức kỹ năng PCTT, thiếu trang thiết bị, chưa được trang bị bảo hộ lao động</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b>                      - Một số người dân còn chủ quan trông chờ vào nhà nước, không có ý thức đóng góp vật tư cho PCTT                      - Một số hộ dân sợ mất tài sản nên không chịu di dời</p>	<p><b>* Vật chất</b>                      - Có một số nhà cao tầng , 1 trường học, 1 nhà văn hóa được xây dựng kiên cố có thể làm nơi sơ tán.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b>                      - Ban PCTT thôn có 16 người, được củng cố kiện hằng năm.                      - Lập kế hoạch PCTT hàng năm, phân công cụ thể thành viên, Ban PCTT thôn đứng cạnh ở từng địa bàn chỉ đạo chằng chống nhà cửa và sơ tán người dân với phương châm 4 tại chỗ.                      - Có đội XK có 70 thành viên.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b>                      - 90% người dân biết dự trữ lương thực, nước uống trước mùa mưa bão từ 3-7 ngày</p>	Ban PCTT và đội xung kích có guy cơ bị tai nạn khi đi làm nhiệm vụ	<b>Trung Bình</b>
	<b>Bình Hòa</b>	<b>654</b>	<p><b>* Vật chất</b>                      - Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn còn thiếu, chưa đảm bảo cho công tác PCTT.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b>                      - Lực lượng xung kích hoạt động chưa hiệu quả                      - Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức kỹ năng PCTT, thiếu trang thiết bị, chưa được trang bị bảo hộ lao động                      - Chưa hỗ trợ kinh phí cho đội xung kích hoạt động.                      - Thành viên của đội xung kích</p>	<p><b>* Vật chất</b>                      - Có 15 nhà cao tầng , 01 trường mẫu giáo, 1 nhà văn hóa được xây dựng kiên cố có thể làm nơi sơ tán.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội</b>                      - Ban PCTT thôn có 35 người, thường xuyên được củng cố hằng năm và được phân công cụ thể thường xuyên phối hợp các ban ngành lồng ghép để tuyên truyền PCTT.                      - Có xây dựng kế hoạch cho từng địa bàn khu dân cư thực</p>	Ban PCTT và đội xung kích có guy cơ bị tai nạn khi đi làm nhiệm vụ	<b>Trung Bình</b>

			<p>đi làm ăn xa.</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ dân chủ yếu là người nên không chằng chống nhà cửa khi có thiên tai.</li> <li>- Một số hộ dân sợ mất tài sản nên không chịu đi dời sơ tán</li> </ul>	<p>hiện phương châm 4 tại chỗ</p> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số người dân có kinh nghiệm phòng chống thiên tai. Chủ động mua sắm trang thiết bị để di dời người và tài sản khi có thiên tai.</li> </ul>		
<b>Bình Túy</b>	<b>546</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang thiết bị CHCN còn thiếu, chưa đảm bảo cho công tác PCTT.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lực lượng xung kích hoạt động chưa hiệu quả.</li> <li>- Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức kỹ năng PCTT, thiếu trang thiết bị, chưa được trang bị bảo hộ lao động, và thiếu kinh phí hoạt động</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số người dân còn chủ quan trông chờ vào nhà nước</li> <li>- Một số hộ dân sợ mất tài sản nên không chịu đi dời</li> </ul>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 11 nhà cao tầng , 02 trường học, 1 nhà văn hóa, trạm y tế, UBND xã được xây dựng kiên cố có thể làm nơi sơ tán.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban PCTT thôn được củng cố có 30 người và lập kế hoạch PCTT hàng năm được phân công cụ thể thường xuyên phối hợp các ban ngành lồng ghép để tuyên truyền PCTT.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 85% người dân biết dự trữ lương thực, nước uống trước mùa mưa bão từ 3-7 ngày.</li> </ul>	Ban PCTT và đội xung kích có guy cơ bị tai nạn khi đi làm nhiệm vụ	<b>Trung Bình</b>	
<b>Bình Khương</b>	<b>704</b>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang thiết bị CHCN còn thiếu, chưa đảm bảo cho công tác PCTT.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lực lượng xung kích hoạt động chưa hiệu quả</li> <li>- Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức kỹ năng PCTT, thiếu trang thiết bị, chưa được trang bị bảo hộ lao động</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Do điều kiện cuộc sống nên không chịu di dời tái định cư ở những nơi an toàn.</li> <li>- Một số hộ dân chưa chủ động chằng chống; sợ mất tài sản nên không chịu đi dời sơ tán</li> </ul>	<p><b>* Vật chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có một số nhà cao tầng , 02 trường học, 1 nhà văn hóa được xây dựng kiên cố có thể làm nơi sơ tán.</li> <li>- Ban PCTT thôn được củng cố kiện có 16 người và lập kế hoạch PCTT hàng năm được phân công cụ thể thường xuyên phối hợp các ban ngành lồng ghép để tuyên truyền PCTT.</li> <li>- Có xây dựng kế hoạch cho từng địa bàn khu dân cư thực hiện phương châm 4 tại chỗ</li> <li>- Có đội XK có 30 thành viên</li> </ul> <p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 91% người dân biết dự trữ lương thực, nước uống trước mùa mưa bão từ 3-7 ngày.</li> </ul>	Ban PCTT và đội xung kích có guy cơ bị tai nạn khi đi làm nhiệm vụ	<b>Trung Bình</b>	

**Ghi chú:** Là địa phương hàng năm chịu ảnh hưởng của thiên tai, nhưng hiểu biết về rủi ro thiên tai/BĐKH còn hạn chế, kinh nghiệm về PCTT đặt biệt PCTT bão có nhưng rất ít, chưa đầy đủ.

### 16. Giới trong PCTT và BĐKH

Loại hình Thiên tai/	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU/BĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/	Mức độ (Cao, Trung)
----------------------	----------	------------	--------	---	-------------------	---------------------

BĐKH					BĐKH	Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Bão, ngập lụt</b>	<b>Hiền Lương</b>	<b>541</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 12% Phụ nữ làm chủ hộ</li> <li>- 90% phụ nữ và trẻ em không biết bơi.</li> <li>- Dễ bị tai nạn trong việc sơ tán, kê kích vật dụng và gia súc gia cầm lên cao, chằng chống nhà cửa</li> <li>- 70% thiếu kiến thức về PCTT.</li> <li>- Nam đi làm ăn xa nên một số hộ thiếu nhân lực PCTT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ nữ đơn thân tự khắc phục: chằng chống nhà cửa, không ý lại sự hỗ trợ người khác.</li> <li>- Khi có thiên tai đã phân công đội xung kích xuống giúp đỡ phụ nữ đơn thân, người già, trẻ em</li> <li>- Nữ truyền truyền động viên các hộ đi sơ tán đi sơ tán và chuẩn bị hậu cần</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ nữ nguy cơ bị tai nạn nhiều hơn nam giới khi chằng chống nhà cửa.</li> <li>- Nam nguy cơ bị tai nạn trong cứu hộ cứu nạn</li> </ul>	<b>Cao</b>
	<b>Bình Hòa</b>	<b>654</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 26% Phụ nữ làm chủ hộ.</li> <li>- 90% phụ nữ không biết bơi.</li> <li>- Nam đi làm ăn xa phụ nữ phải chằng chống nhà cửa, kê kích vật dụng và đưa gia súc gia cầm lên cao.</li> <li>- Cả nam và nữ đều thiếu kiến thức về PCTT, ít được tập huấn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ nữ đơn thân và phụ nữ trụ cột gia đình đều có ý thức tự khắc phục, không ý lại sự hỗ trợ người khác.</li> <li>- Phần lớn chị em chủ động, tự chủ trong PCTT</li> <li>- Trong gia đình nam gia quyền quản lý tiền và chi tiêu cho phụ nữ, khi mua sắm lớn có bàn bạc thống nhất</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ nữ nguy cơ bị tai nạn nhiều hơn nam giới khi chằng chống nhà cửa.</li> <li>- Nam nguy cơ bị tai nạn trong cứu hộ cứu nạn</li> </ul>	<b>Cao</b>
	<b>Bình Túy</b>	<b>546</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 11% Phụ nữ làm chủ hộ</li> <li>- 90% phụ nữ không biết bơi.</li> <li>- Nam đi làm ăn xa, phụ nữ phải lo lắng công việc nặng nhọc trong gia đình, phải kê kích vật dụng và đưa gia súc gia cầm lên cao, tự chằng chống nhà cửa</li> <li>- Cả nam và nữ đều thiếu kiến thức về PCTT.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản thân tự khắc phục, không ý lại sự hỗ trợ người khác</li> <li>- Trong gia đình nam gia quyền quản lý tiền và chi tiêu cho phụ nữ, khi mua sắm lớn có bàn bạc thống nhất.</li> <li>- Cả hai đều tham gia sản xuất phát triển kinh tế</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ nữ nguy cơ bị tai nạn nhiều hơn nam giới khi chằng chống nhà cửa.</li> <li>- Nam nguy cơ bị tai nạn trong cứu hộ cứu nạn</li> </ul>	<b>Cao</b>
	<b>Bình Khuron g</b>	<b>704</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 15% Phụ nữ làm chủ hộ</li> <li>- 90% phụ nữ không biết bơi.</li> <li>- Dễ bị tai nạn trong việc sơ tán, kê kích vật dụng và gia súc gia cầm lên cao, chằng chống nhà cửa</li> <li>- Phần lớn thiếu kiến thức về PCTT.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản thân tự khắc phục, không ý lại sự hỗ trợ người khác.</li> <li>- Nam đi làm ăn xa gửi tiền về, phụ nữ được quyết định chi tiêu trong gia đình</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ nữ nguy cơ bị tai nạn nhiều hơn nam giới khi chằng chống nhà cửa.</li> <li>- Nam nguy cơ bị tai nạn trong cứu hộ cứu nạn</li> </ul>	<b>Cao</b>

**Ghi chú:** Qua đợt đánh giá tại cộng đồng thì nhận thức của nam tốt hơn nữ giới vì nam giới thường là trụ cột gia đình, là người quyết định mọi việc vào tham gia các hoạt động XH, đồng thời cũng là người tham gia công tác PCTT nhiều hơn, kiến thức hiểu biết về kỹ năng PCTT nhiều hơn nữ giới.



**D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp.**

**1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH**

TT vấn đề ưu tiên(*)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	TTĐBTD	Nguyên nhân	Giải pháp (Tách biệt giải pháp cho Nam/Nữ nếu được)
1	Nhà ở bị ngập, đổ sập, tốc mái	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 305 ngôi nhà ở vùng nguy cơ cao.</li> <li>- 285 nhà thiếu kiên cố.</li> <li>- 615 nhà bán kiên cố.</li> <li>- 82 nhà phụ nữ đơn thân</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Do đặc điểm nghề nghiệp (đánh bắt trên sông) nên người dân ở sát sông gần đê - vùng có nguy cơ cao thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai.</li> <li>- Một số hộ có nguyện vọng di dời nhưng xã thiếu quỹ đất</li> <li>- Một số nhà xây dựng lâu năm xuống cấp thuộc hộ nghèo, cận nghèo, phụ nữ đơn thân không có nguồn lực để sửa chữa nâng cấp</li> <li>- Sống bằng nghề nông nghiệp là chủ yếu nên thu nhập thấp, bấp bênh</li> <li>- Đội xung kích thường thay đổi (kiện toàn xong lại đi làm ăn xa) nên nhân lực, thiếu kỹ năng, thiếu trang thiết bị không được hỗ trợ, giúp đỡ được nhiều.</li> <li>- Lực lượng lao động chủ yếu là lao động phổ thông, chưa được đào tạo nghề thường xuyên thiếu việc làm, thu nhập không ổn định nên không tích góp đủ tiền làm nhà.</li> <li>- Công tác tuyên truyền còn hạn chế, hệ thống loa truyền thanh xuống cấp hư hỏng nên chưa cảnh báo để chằng chống nhà cửa.</li> <li>- Một số hộ dân chủ quan, thiếu kiến thức, không muôn di dời đi chỗ khác.</li> <li>- Một số hộ dân không muốn thay đổi nghề nghiệp.</li> </ul>	<p><b>*Giải pháp công trình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây mới 210 ngôi nhà cho các hộ ở vùng nguy cơ cao, phụ nữ đơn thân, hộ nghèo có nhà thiếu kiên cố.</li> <li>- Xây dựng nhà phòng tránh trú bão, lụt để đảm bảo có đủ nơi sơ tán an toàn cho người dân trong mùa thiên tai.</li> <li>- củng cố nâng cấp hệ thống đê và pa ra đảm bảo an toàn cho người dân sống ven đê và đảm bảo sản xuất.</li> </ul> <p><b>*Giải pháp phi công trình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi phù hợp và chuyển đổi ngành nghề tại chỗ để phát triển kinh tế, tăng thu nhập.</li> <li>- Mua sắm trang thiết bị phòng chống thiên tai, tập huấn kỹ năng cho đội xung kích xã, thôn.</li> <li>- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về phòng, chống thiên tai/BĐKH</li> <li>- Nâng cấp, mở rộng hệ thống truyền thanh để đảm bảo cho công tác truyền truyền dự báo cảnh báo</li> <li>- Tổ chức sơ tán, di dời người dân vùng nguy cơ cao đến nơi an toàn khi có thiên tai.</li> <li>- Tập huấn chuyển giao KHKT, đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho người dân đặc biệt là chị em phụ nữ.</li> </ul>
2	Hệ thống đài truyền thanh xã hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo truyền truyền, thông tin liên lạc, dự báo, cảnh báo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống truyền thanh không dây xuống cấp</li> <li>- Thiếu các cụm loa ở các thôn</li> <li>- Khu vực gần sông nuôi trồng thủy sản chưa có cụm loa để thông báo, cảnh báo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa phương không đủ kinh phí để sửa chữa nâng cấp thường xuyên .</li> <li>- Thiếu nguồn lực để lắp đặt thêm các cụm loa những nơi còn thiếu.</li> <li>- Gần sông, gần biển bị nhiễm chất mặn nên dễ bị han rỉ hư hỏng.</li> <li>- Hệ thống truyền thanh không dây khi hư hỏng sửa chữa rất tốn kém nhưng nguồn kinh phí hạn hẹp</li> <li>- Địa bàn rộng các cụm loa thưa nên hạn chế truyền, dự báo cảnh báo</li> </ul>	<p><b>* Giải pháp phi công trình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cấp, mở rộng hệ thống truyền thanh và bổ sung các cụm loa để đảm bảo chất lượng truyền truyền dự báo, cảnh báo.</li> <li>- Mua sắm bộ âm ly di động để truyền truyền dự báo, cảnh báo lưu động đến những vùng chưa có các cụm loa.</li> </ul>
3	Trang thiết bị cứu hộ cứu nạn hư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn của xã</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là xã vùng lụt khi thiên tai thường bị chia cắt cô lập giữa các vùng nhưng chưa có xuống đê chỉ đạo PCTT khi có lụt</li> </ul>	<p><b>* Giải pháp phi công trình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa chữa duy tu các trang thiết bị hiện có. và mua sắm trang thiết bị cứu</li> </ul>



	hông, thiếu không đảm bảo trong công tác phòng, chống thiên tai;	còn thiếu; không đủ hỗ trợ cho Lực lượng xung kích PCTT. - Chưa có xuồng lớn	ngập sâu và cứu hộ cứu nạn - UBND phường không đủ kinh phí để mua sắm trang thiết bị. - Chưa có nguồn hỗ trợ giúp đỡ vì mua sắm xuồng cần có kinh phí lớn. - Lực lượng xung kích chưa được tập huấn kỹ năng cứu hộ cứu nạn, sơ cấp cứu ban đầu	hộ cứu nạn, thiết bị cảnh báo. - Tập huấn kỹ năng cứu hộ cứu nạn, sơ cấp cứu ban đầu cho đội xung kích xã và 4 thôn. - Mua xuồng có công suất lớn để chỉ đạo PCTT khi các vùng bị chia cắt, cô lập
4	Lúa và hoa màu mất mùa giảm năng suất khi có thiên tai	- 382 ha đất sản xuất lúa và nằm ở vùng trũng và vùng cuối kênh thủy lợi. - 215 ha hoa màu nằm ở cuối kênh và vùng cát bạc màu. - Hệ thống kênh mương nội đồng 50% chưa kiên cố hóa.	- Hệ thống thủy lợi, kênh mương, đê điều chưa kiên cố, bị bồi lấp không cung cấp đủ nước tưới và gây ngập úng kéo dài nhiều ngày. - Hệ thống đê pa ra chưa đảm bảo, dễ bị nhiễm mặn. - Chưa có trạm bơm đảm bảo để cung cấp nước cho đồng ruộng. - 50% kênh mương, đường giao thông nội đồng chưa được bê tông hóa. - Chưa mạnh dạn áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, Sử dụng giống mới chưa đồng bộ. - Trồng lúa và hoa màu chưa mang tính hàng hóa, chưa có đầu ra ổn định, giá cả bấp bênh, thu nhập thấp. - Người dân cố hữu với tập quán canh tác lâu đời không muốn thay đổi. - HTX năng lực yếu, chưa bao tiêu sản phẩm chủ yếu là người dân tự cung, tự cấp. - Có tập huấn nhưng chưa được nhiều, chủ yếu là nam tham gia, nữ ít được tham gia (10%) - Thuốc bảo vệ thực vật trôi nổi, người dân sử dụng bừa bãi chưa theo khuyến cáo	<b>*Giải pháp công trình</b> - Củng cố, nâng cấp hệ thống kênh mương, thủy lợi, bê tông hóa kênh mương và đường giao thông nội đồng. - Nâng cấp hệ thống đê và pa ra để đảm bảo ngăn mặn. - Xây dựng hệ thống thủy lợi hóa đất màu. - Nâng cấp trạm bơm An Lạc và Ấp Bắc ở thôn Hiền Lương; nạo vét ao gom nước nhĩ ở thôn Bình Hòa.  <b>*Giải pháp phi công trình</b> - Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn để áp dụng KHKT và cơ giới hóa nông nghiệp. - Tập huấn chuyển giao KHKT cho người dân. - Quản lý chặt chẽ về giống, phân bón thuốc bảo vệ thực vật. - Nâng cao năng lực cho HTX để quản lý vật tư nông nghiệp và tạo đầu ra cho sản phẩm.
5	Hệ thống đê ngăn mặn, para xuống cấp, nguy cơ vỡ đê khi có bão cấp 9 trở lên	- 12 km đê đất có kè đá nằm dọc theo Sông Trường Giang, đi dọc theo chiều dài của xã - 14 cống, para xây dựng lâu năm. - Một số đoạn đê cây cối mọc, dễ gây sạt lở.	- Đê được xây dựng từ năm 1993, xuống cấp nhưng không được di tu bảo dưỡng thường xuyên. Có 7 km đê người dân dùng làm đường giao thông nội đồng. - Hệ thống para xuống cấp, nhỏ hẹp điều tiết nước chưa tốt, dễ bị vỡ đê. - Đội quản lý đê điều còn thiếu, hoạt động chưa tốt, do nguồn hỗ trợ phụ cấp thấp. - Do việc hút cát trên Sông Trường Giang làm thay đổi dòng chảy, gây sới mòn, vỡ đê. - Một số người dân ý thức còn hạn chế trong việc bảo vệ đê điều.	<b>*Giải pháp công trình:</b> - Nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng đê đê để đảm bảo an toàn khi có thiên tai. - Xây dựng, mở rộng hệ thống para để thoát nước và ngăn xâm nhập mặn vào đồng ruộng. - Bê tông hóa bề mặt đê để làm đường giao thông. <b>*Giải pháp phi công trình</b> - Củng cố, kiện toàn đội quản lý đê điều, có kinh phí hỗ trợ phụ cấp cao hơn để họ yên tâm làm việc. - Tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ đê điều. - Xử phạt nghiêm minh hành vi làm hư hại ảnh hưởng đến hệ thống đê.

<p><b>3</b></p>	<p>Ô nhiễm môi trường trên diện rộng khi có thiên tai</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Địa hình cuối nguồn, nên khi có bão, lụt rác thải đổ về.</li> <li>- Thiếu thùng rác nơi công cộng.</li> <li>- Bãi rác còn tạm bợ, chưa có nhà trung chuyển rác.</li> <li>- Tỷ lệ hộ gia đình tu gom rác thải còn thấp (30%).</li> <li>- Khu dân cư chưa có hệ thống thoát nước; một số hộ dân chưa có nhà vệ sinh đảm bảo và còn vứt rác thải bừa bãi.</li> <li>- Sau thiên tai ô nhiễm môi trường, gây ra các loại dịch bệnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Do địa bàn xã ở cuối kênh thủy lợi nên rác thải, xác súc vật ở nhiều nơi chảy về gây ô nhiễm môi trường.</li> <li>- Chăn nuôi nhỏ lẻ, thiếu kinh phí để xây dựng hệ thống xử lý, chưa xây dựng hầm biogas để xử lý phân.Chất thải chăn nuôi thải trực tiếp ra môi trường chưa qua xử lý.</li> <li>- Nguồn kinh phí của xã còn hạn hẹp, không mua sắm được thùng rác công cộng.</li> <li>- Hộ nghèo không có tiền để xây dựng nhà vệ sinh.</li> <li>- Việc chôn cất người chết còn tự phát, chưa tập trung.</li> <li>- Một số bộ phận nhân dân ý thức còn hạn chế, thiếu kiến thức trong bảo vệ môi trường.</li> <li>- Công tác tuyên truyền chưa được thường xuyên.</li> <li>- Một số tập tục của người dân khó thay đổi (heo, gà chết ... còn vứt ở kênh mương).</li> <li>- Hệ thống kênh mương tiêu thoát nước chưa kiên cố, có nơi không có.</li> <li>- Có 2 thôn chưa có hệ thống cung cấp nước sạch.</li> <li>- Nghĩa trang chưa quy hoạch, việc chôn cất gần khu dân cư.</li> </ul>	<p><b>*Giải pháp công trình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng nhà chứa rác kiên cố (mô hình tiêu hủy rác tại chỗ).</li> <li>- Xây dựng hệ thống nước sạch, máy lọc nước cho hộ gia đình trên địa bàn xã.</li> </ul> <p><b>*Giải pháp phi công trình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng hầm biogas cho hộ chăn nuôi và nhà vệ sinh cho các hộ nghèo.</li> <li>- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về vệ sinh môi trường.</li> <li>- Hỗ trợ kinh phí mua thùng rác để nơi công cộng.</li> <li>- Đầu tư nâng cấp nghĩa trang nhân dân xã và vận động người dân chôn cất người quá cố vào nghĩa trang.</li> <li>- Xây dựng chuồng trại kiên cố, hợp vệ sinh.</li> <li>- Hỗ trợ hóa chất, máy móc, kinh phí để phun dập dịch.</li> <li>- Tăng cường các hình thức xử phạt những hành vi vi phạm về môi trường.</li> <li>- Tổ chức phong trào VSMT, khơi thông mương, cống rãnh đến từng địa bàn khu dân cư.</li> </ul>
<p><b>5</b></p>	<p>Lúa và hoa màu mất mùa giảm năng suất khi có thiên tai</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 382 ha đất sản xuất lúa và nằm ở vùng trũng và vùng cuối kênh thủy lợi.</li> <li>- 215 ha hoa màu nằm ở cuối kênh và vùng cát bạc màu.</li> <li>- Hệ thống kênh mương nội đồng 50% chưa kiên cố hóa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống thủy lợi, kênh mương, đê điều chưa kiên cố, bị bồi lấp không cung cấp đủ nước tưới và gây ngập úng kéo dài nhiều ngày.</li> <li>- Hệ thống đê chưa đảm bảo, dễ bị nhiễm mặn.</li> <li>- 50% kênh mương, đường giao thông nội đồng chưa được bê tông hóa.</li> <li>- Chưa mạnh dạn áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.</li> <li>- Trồng lúa và hoa màu chưa mang tính hàng hóa, chưa có đầu ra ổn định, giá cả bấp bênh, nân thu nhập thấp.</li> <li>- Người dân cố hữu với tập quán canh tác lâu đời không muốn thay đổi.</li> <li>- Chưa có trạm bơm đảm bảo để cung cấp nước cho đồng ruộng.</li> <li>- Xã còn thiếu kinh phí để nạo vét thường xuyên và xây mương nổi (Kiên cố)</li> <li>- HTX năng lực yếu, chưa bao tiêu sản phẩm chủ yếu là người dân tự cung, tự cấp.</li> <li>- Sử dụng giống mới chưa đồng bộ.</li> <li>- Có tập huấn nhưng chưa được nhiều,</li> </ul>	<p><b>*Giải pháp công trình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Củng cố, nâng cấp hệ thống kênh mương, thủy lợi, bê tông hóa kênh mương và đường giao thông nội đồng</li> <li>- Xây dựng hệ thống thủy lợi hóa đất màu.</li> <li>- Nâng cấp trạm bơm An Lạc và Ấp Bắc ở thôn Hiền Lương; nạo vét ao gom nước nhĩ ở thôn Bình Hòa.</li> </ul> <p><b>*Giải pháp phi công trình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn để áp dụng KHKT và cơ giới hóa nông nghiệp.</li> <li>- Tập huấn chuyên giao KHKT cho người dân.</li> <li>- Quản lý chặt chẽ về giống, phân bón thuốc bảo vệ thực vật.</li> <li>- Nâng cao năng lực cho HTX để quản lý vật tư nông nghiệp và tạo đầu ra cho sản phẩm.</li> </ul>

			<p>chủ yếu là nam tham gia, nữ ít được tham gia (10%)</p> <p>- Thuốc bảo vệ thực vật trôi nổi, người dân sử dụng bừa bãi chưa theo khuyến cáo</p>	
--	--	--	---	--

**2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH**

Nhóm ngành /lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến (%)		
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	Nhà nước	Người dân	Hỗ trợ bên ngoài
Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)	Nâng cấp hệ thống điện trung áp và hạ áp	Người dân 4 thôn	1. Nâng cấp đường điện hạ áp (đường điện xương cá)	x	x	50	50	
			2. Nâng cấp đường điện trung áp		x			Điện lực 100%
	Nâng cấp 2 trạm bơm An Lạc và Đồng Hồ	Người dân 4 thôn	1. Lập tờ trình kiến nghị cấp trên và vận động nguồn lực	x		100		
			2. Tiến hành nâng cấp 2 trạm bơm			100		
	Nâng cấp đường giao thông nông thôn, bê tông hóa giao thông nội đồng.	Người dân toàn xã	1. Kiên cố hóa 4 km đường giao thông liên thôn	x	x	5	15	80
			2. Bê tông hóa 5,7 km giao thông nội đồng	x	x	5	35	60
			3. Xử phạt hành vi lấn chiếm hành lang an toàn giao thông	x	x	100		
	Nâng cấp, di tu, bảo dưỡng hệ thống đê, para ngăn mặn.	Người dân toàn xã	1. Lập tờ trình kiến nghị tỉnh, huyện	x		100		
			2. Nâng cấp gia cố đê		x			100
			3. Nâng cấp và mở rộng para ngăn mặn.		x			100
	Xây dựng và nâng cấp	Người dân toàn	1. Nâng cấp chợ thôn 2		x	30	0	70

	2 chợ thôn 2 và thôn 4	xã	2. Xây dựng mới chợ thôn 4		x	30	0	70	
	Củng cố, nâng cấp kênh mương, để đảm bảo tiêu, thoát nước và tưới cho lúa, hoa màu.	Người dân toàn xã	1. Nạo vét kênh mương, phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh	x		50	50		
2. Nâng cấp ? km kênh mương nội đồng				x	40	10	50		
2. Xây dựng ? kênh mương nội đồng				x	40	10	50		
Nhà ở	Xây mới 210 ngôi nhà cho hộ dân sống ở vùng nguy cơ cao, hộ nghèo, phụ nữ đơn thân và các hộ có nhà thiếu kiên cố, có hoàng cảnh khó khăn.	210 hộ dân được xây nhà	1. Hỗ trợ xây dựng ? nhà đơn sơ	x		10	50	GCF 40%	
			2. Hỗ trợ xây dựng ? nhà thiếu kiên cố		x	10	50	GCF 40%	
			3. Xây dựng ? nhà vùng nguy cơ cao	x	x	10	50	GCF 40%	
			4. Xây dựng ? nhà cho hộ phụ nữ đơn thân	x	x	10	50	GCF 40%	
Nước sạch, vệ sinh và môi trường	Xây dựng hệ thống nước sạch của thôn 1,2 và nước sạch hộ gia đình (4 thôn)	Người dân thôn?	1.Lập tờ trình kiến nghị và vận động nguồn lực	x	x	100			
			2.Xây dựng hệ thống nước sạch của thôn1,2	x	x			Nhà máy nước 100%	
			3.Xây dựng hệ thống nước sạch của hộ gia đình	x			50	50	
	Xây dựng nhà chứa rác kiên cố (mô hình tiêu hủy rác tại chỗ) và Hộ trợ mua thùng rác để nơi công cộng.	Người dân toàn xã	1.Xây dựng nhà chứa rác kiên cố (mô hình tiêu hủy rác tại chỗ)				20		80
			2. Mua sắm thùng rác, xuống rác các nhà văn hóa và nơi công cộng				20		80
			3. Kiểm tra, giám sát và xử phạt nghiêm minh hành vi vi phạm về VSMT	x	x	100			

	Nâng cấp nghĩa trang nhân dân, vận động người dân chôn cất người quá cố vào nghĩa trang.	Người dân toàn xã	Vận động nguồn lực	x		100		
			Nâng cấp nghĩa trang		x	100		
			Vận động người dân chôn cất người quá cố vào nghĩa trang.	x	x	100		
	Xây dựng hầm biogas cho các hộ chăn nuôi và xây dựng nhà vệ sinh cho các hộ khó khăn	Hộ nghèo và hộ chăn nuôi toàn xã	1. Hỗ trợ 19 hộ nghèo hộ khó khăn làm nhà vệ sinh	x			5	GCF 95%
			2. Hỗ trợ 339 hộ chăn nuôi làm hầm bioga và đệm lót sinh học	x			5	GCF 95%
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Tuyên nâng cao kiến thức về phòng, chống thiên tai, vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe cho người dân.	Người dân toàn xã	1. Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh	x	x	100		
			2. Tuyên truyền qua các hoạt động của cộng đồng và ban, ngành, đoàn thể	x	x	100		
			3. Tuyên truyền bằng Pano, áp phích	x	x			100%
			4. Diễn tập PCTT	x	x	30	20	50%
			5. Lòng ghép qua các hoạt động văn hóa văn nghệ	x	x	50	50	
			6. Tập huấn PCTT cho người dân và học sinh các trường học	x	x	30	20	50%
	Nâng cấp, mở rộng hệ thống truyền thanh và bổ sung các cụm loa để đảm bảo công tác tuyên truyền dự báo, cảnh báo khi thiên tai xảy ra.	Người dân toàn xã	1. Nâng cấp hệ thống truyền thanh	x		25		75
			2. Bổ sung các cụm loa còn thiếu	x		25		75
			3. Mua sắm bộ loa di động để truyền truyền lưu động	x		25		75
Phòng chống thiên tai và	Tổ chức sơ tán, di dời người dân ở vùng nguy cơ cao	Người dân vùng nguy cơ cao và các	1. Hỗ trợ sơ tán cho đối tượng DBTT	x		100		
			2. Tổ chức sơ tán các hộ dân vùng nguy cơ cao	x		100		

TUBĐK H	đến nơi an toàn.	nhà đơn sơ, thiếu kiên cố	3.Hỗ trợ mỳ tôm nước uống nơi sơ tán	x		50	50	
			4.Vệ sinh môi trường sau thiên tai	x		50	50	
	Mua sắm trang thiết bị, cứu nạn, cứu hộ và tập huấn kỹ năng cho đội xung kích.	Đội xung kích, CTĐ, trung đội mạnh xã, thôn	1. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, sơ cấp cứu	X		30		70%
			3.Tập huấn kỹ năng cho đội xung kích CTĐ, trung đội mạnh ở xã và 4 thôn	x		30		70%
Lĩnh vực khác	Xây dựng cánh đồng mẫu lớn để áp dụng khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa nông nghiệp.	Các hộ dân sản xuất nông nghiệp	1. Lập đề án xây dựng cánh đồng mẫu lớn	x		100		
			2. Truyền truyền vận động các hộ sản xuất nông nghiệp chuyển đổi đất	x	x	100		
			3.Tổ chức thực hiện cánh đồng mẫu lớn		x	50	50	
			4. Áp dụng khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa nông nghiệp.		x	50	50	
	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.	Người dân toàn xã	Tuyên truyền vận động người dân	x	x	100		
			Làm mô hình điểm	x		100		
			Chuyển đổi đại trà		x	50	50	
	Tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật về chăn nuôi và trồng trọt cho người đặc biệt quan tâm đến phụ nữ	Các hộ dân trồng trọt, chăn nuôi và các hộ phụ nữ đơn thân	1. Tập huấn kiến thức về chăn nuôi và trồng trọt	x	x	100		
			2.Tham quan học hỏi mô hình tiên tiến phù hợp.		x	50	50	
			3. Tiến hành thực hiện mô hình thí điểm	x		100		
			4.Triển khai đại trà theo mô hình phù hợp	x	x	50	50	
	Xây dựng chuồng trại chăn nuôi kiên cố, hợp vệ sinh.	Các hộ chăn nuôi	1. Truyền truyền vận động các hộ chăn nuôi	x	x	100		
			2. Tiến hành nâng cấp, xây dựng chuồng trại kiên cố hợp vệ sinh		x		100	
			3. Kiểm tra giám sát	x	x	100		



### **3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã:**

- Nhà văn hóa của 4 thôn bán kiên cố chưa phải là kiên cố, thường xuyên bị ngập sâu nên chỉ sơ tán khi lụt nhỏ, khi có lụt lớn phải đưa dân đi xa.
- Hệ thống đê bao 14 km xây dựng lâu năm xuống cấp, nguy cơ vỡ đê nên người dân lo lắng, bất an đã có ý kiến, kiến nghị nhiều lần trong các cuộc tiếp xúc cử tri của huyện tỉnh nhưng đến nay vẫn chưa giải quyết được.

### **4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã (Bí thư Đảng ủy)**

- \*Trong quá trình tập huấn đánh giá tại xã tôi có theo dõi, hôm nay được nghe 2 bài trình bày tại hội nghị và đọc được dự thảo báo cáo đánh giá RRTT tôi nhận thấy :
  - Báo cáo đánh giá RRTT rất chi tiết, đầy đủ thông tin, sát với tình hình thực tế và rất công phu, số liệu đầy đủ cho từng thôn, xã sẽ sử dụng để lấy tư liệu cho lập kế hoạch PCTT và lưu trữ tại văn phòng để phục vụ cho các hoạt động khác của xã.
  - Chỉ có 8 ngày mà nhóm HTKT đã tổng hợp rất đầy đủ đặc điểm tình hình của toàn xã và 4 thôn, đã phân tích được tình hình thiên tai, điểm mạnh, điểm yếu của xã, phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai, xác định được các giải pháp cụ thể gắn liền với thực tiễn của địa phương. "Phải nói giáo viên, học viên và cộng đồng làm việc rất tích cực mới có được bức tranh tổng thể đầy đủ trong một thời gian ngắn như vậy".
- \*Qua việc đánh giá ở trên và với thực tiễn của địa phương tôi xin đề xuất những vấn đề cấp thiết của cộng đồng như sau:
  - Hệ thống đê bao 14 km chạy dọc theo chiều dài của xã xuống cấp nghiêm trọng là nỗi quan tâm lo lắng, bức xúc của người dân, hơn nữa Bình Giang ở cuối nguồn nhất là ảnh hưởng của BĐKH hiện nay nguy cơ sạt lở rất lớn cần phải xây kè nối từ Bình Phục, Bình Diên, vậy kính mong dự án GCF và cấp trên quan tâm giúp đỡ Bình Giang.
  - Trong giải pháp PCTT có xây dựng 210 nhà ở cho các hộ khó khăn vùng nguy cơ cao, tuy nhiên địa bàn Bình Giang sát sông gần biển thường bị bão kèm theo lũ lụt ngập sâu 3-7 ngày cần phải có nơi sơ tán an toàn cho người dân nên đề nghị phải đưa thêm giải pháp xây dựng nhà tránh trú bão cho vùng nguy cơ cao.
  - Trong tình hình BĐKH hiện nay sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản là 2 ngành chính của địa phương, ngoài sự ảnh hưởng của bão, lũ lụt thì ảnh hưởng của hạn hán cũng rất nghiêm trọng nhưng hệ thống kênh mương chưa được kiên cố, nuôi trồng thủy sản chưa được quy hoạch vùng chuyên canh nên phát triển kém, thu nhập của người dân thấp đời sống nhân dân khó khăn, kính đề nghị dự án GCF và cấp trên quan tâm giúp đỡ.

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã**  
**TM UBND Xã**  
**(đã ký)**

**Võ Văn Tư**

## D. Phụ lục

### Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ và tên	Nam	Nữ	Chức vụ	Số điện thoại
1	Võ Văn Tư	X		PCT UBND xã	0915860235
2	Hồ Thanh Bình	X		Văn phòng	01693364585
3	Nguyễn Đình Chung	X		Kế toán	095619506
4	Hồ Văn Nghệ	X		Hộ Chử Thập đỏ	0975730238
5	Trần Thị Uyên My		X	PCT hội phụ nữ	0906426239
6	Nguyễn Thị Cảnh		X	CT Hội phụ nữ	0911382912
7	Nguyễn Thị Minh Ca		X	Hội nông dân	01687748594
8	Huỳnh Văn Hải	X		Xã đội	0905848101
9	Nguyễn Văn Trường	X		PT Mặt trận	0904645587
10	Lương Thị Hồng Hậu		X	Cán bộ gia đình trẻ em	01694763338

### Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

## KẾ HOẠCH THỰC ĐỊA ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI - LẬP KẾ HOẠCH PCTT

**Xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam**

**Từ ngày 13/08 đến 16/08 năm 2018**

**Ngày thứ nhất : 13/08/2018 Thu thập thông tin** (công cụ thông tin sẵn có thực hiện trước và trong khi đánh giá)

**Buổi sáng: Từ 7: 30 đến 11:00** tổ chức họp dân ở 2 cụm thôn (thực hiện song song)

- Cụm thôn số 1 gồm có 2 thôn: **Hiền Lương + Thôn Bình Hòa**, họp tại nhà văn hóa thôn **Bình Hòa**
- Cụm thôn số 2 gồm có 2 thôn **Bình Túy + Thôn Bình Khương**, họp tại nhà văn hóa xã

**Thành phần mời: 60 người (mỗi cụm thôn 30 người)** Cụ thể: **mỗi thôn mời 15 người** là đại diện các thành phần kinh tế, người sống lâu trong địa phương và đại diện nhóm dễ bị tổn thương ít nhất có 1 người nghèo, 1 người khuyết tật, 1 phụ nữ làm chủ hộ, 1 người cao tuổi. Phải đảm bảo có ít nhất 50% phụ nữ tham gia.

**Công việc thực hiện tại mỗi cụm thôn** (phần giới thiệu họp toàn thể sau đó chia người dân thành các nhóm theo từng thôn)

TT	Hoạt động	Người chịu trách nhiệm chính	Kết quả mong đợi
<b>1</b>	Giới thiệu thành phần, mục đích yêu cầu và chương trình làm việc của nhóm đánh giá tại cụm thôn	- Cụm 1: A. Nghệ - Cụm 2: A.Tur	Người dân hiểu được mục đích yêu cầu và chương trình làm việc
<b>2</b>	Thực hiện công cụ lịch sử thiên tai	- Cụm 1: A Bình - Cụm 2: A. Chung	Công cụ lịch sử thiên tai được nhiều thông tin của các thôn
<b>3</b>	Thực hiện công cụ Lịch theo mùa (Khai thác thông tin về các hoạt động sinh kế cho từng thôn theo mục C của báo cáo)	- Cụm 1: C.My - Cụm 2: C. Ca	Bảng thông tin công cụ lịch theo mùa và mục C của báo cáo về các hoạt động sinh kế của từng thôn được hoàn thành)
<b>4</b>	Thực hiện công cụ sơ họa bản đồ (thảo luận về vùng nguy cơ cao, vùng an toàn và khai thác thông tin về công trình công cộng, và VSMT cho từng thôn theo mục C của báo cáo)	- Cụm 1:A. Trường - Cụm 2:A. Hải	Sơ họa bản đồ RRTT, bảng tổng hợp thông tin được bổ sung và mục C của báo cáo về công trình công cộng, VSMT của từng thôn được hoàn thành
<b>5</b>	Thực hiện công cụ điểm mạnh điểm yếu trong công tác PCTT	- Cụm 1:C. Cảnh - Cụm 2:C. Hậu	Bảng thông tin công cụ điểm mạnh, yếu trong công tác PCTT được bổ sung thông tin của các thôn

**Buổi chiều: Từ 14:00 đến 17:00** - Nhóm đánh giá tập trung tại UBND xã để tổng hợp thông tin cho 2 cụm thôn và chuẩn bị cho họp dân lần 2 gồm các bảng sau:

- Tổng hợp đánh giá RRTT (Công cụ 6) của 2 cụm thôn và tổng hợp thông tin vào phần C của báo cáo cho từng thôn.
- Kế bảng thảo luận kịch bản BDKH
- Tổng hợp rủi ro thiên tai cho từng thôn và tổng hợp rủi ro thiên tai cho toàn xã, kế bảng xếp hạng RRTT (Công cụ 7) của xã

- Kê bảng phân tích nguyên nhân (Công cụ 8) của xã
- Kê bảng xếp hạng giải pháp PCTT của xã
- Kê bảng tổng hợp giải pháp PCTT (Công cụ 9) của xã

**Ngày thứ hai: 14/08/2018 Tổng hợp, phân tích thông tin** (công cụ thông tin sẵn có thực hiện trước và trong khi đánh giá)

**Buổi sáng: Từ 7:30 đến 11:00 - Họp dân lần thứ 2 để xếp hạng, phân tích nguyên nhân, xác định giải pháp PCTT/BĐKH.**

**Thành phần mời:** Mời đại diện **30 người dân của 4 thôn** là những người đại diện các thành phần kinh tế, sống lâu trong địa phương, đại diện nhóm dễ bị tổn thương (người nghèo, người khuyết tật, phụ nữ đơn thân/làm chủ hộ, người cao tuổi) là những người đã tham gia cung cấp thông tin ở lần họp thứ nhất. Có ít nhất 50% phụ nữ tham gia.

**Công việc thực hiện:**

TT	Hoạt động	Người chịu trách nhiệm chính	Kết quả mong đợi
1	Trình bày kết quả tổng hợp công cụ 6; thông tin phần C của báo cáo cho từng thôn và bổ sung thông tin.	A.Nghệ + C. Hậu	Bảng tổng hợp công cụ 6 và thông tin phần C của báo cáo cho từng thôn được bổ sung đầy đủ thông tin
2	Thảo luận kịch bản BĐKH	A. Chung	Bảng thảo luận kịch bản BĐKH với người dân hoàn thành
3	Xác định RRTT và xếp hạng RRTT (Công cụ 7)	C. Cảnh	Bảng xếp hạng RRTT hoàn thành
4	Lựa chọn 3- 5 rủi ro thiên tai ưu tiên để phân tích nguyên nhân, Xác định giải pháp PCTT (Công cụ 8)	A. Trường +C. Ca	Bảng phân tích nguyên nhân hoàn thành
5	Xếp hạng giải pháp PCTT và Xác định các hoạt động thực hiện giải pháp (Công cụ 9)	A Hải+ C.My	- Bảng xếp hạng các giải pháp PCTT hoàn thành - Xác định được các hoạt động để thực hiện giải pháp
6	Hình thành dự thảo báo cáo đánh giá RRTT -DVCD và kế hoạch PCTT	A.Tur +A. Bình	Hình thành khung báo cáo đánh giá RRTT-DVCD nhập đủ thông tin phần A và B

**Buổi chiều: Từ 14:00 đến 17:00 - Nhóm đánh giá tập trung tại UBND xã để tổng hợp thông tin cho 4 thôn và chuẩn bị cho họp dân lần 3 kiểm chứng thông tin gồm các bảng sau:**

- Tổng hợp thông tin vào phần C của báo cáo cho 4 thôn
- Kê bảng phân tích giới của xã Bình Giang
- Kê bảng xếp hạng RRTT (Công cụ 7) của xã để xếp hạng ở buổi kiểm chứng
- Bổ sung thông tin vào bảng phân tích nguyên nhân (Công cụ 8) của xã để kiểm chứng
- Kê bảng xếp hạng giải pháp PCTT của xã để xếp hạng ở buổi kiểm chứng
- Bổ sung các hoạt động thực hiện giải pháp PCTT (công cụ 9) để kiểm chứng

**Ngày thứ ba: 15/08/2018 Tổng hợp thông tin và kiểm chứng thông tin**

**Buổi sáng: Từ 7:30 đến 11:00 Họp kiểm chứng thông tin tại UBND xã**

**Thành phần mời: 30 người** gồm: **6 cán bộ** các ban ngành, đoàn thể của xã và **24 người dân của 4 thôn** (Đại diện hộ dân vùng nguy cơ cao, các hộ ở các ngành nghề khác nhau và đại diện đối tượng DBTT (hộ nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ đơn thân) Đảm bảo có 50% phụ nữ của các thôn

**Lưu ý:** Đại diện hộ dân là những người chưa tham gia các lần họp trước. Không mời lãnh đạo ban ngành, tổ chức đoàn thể mà chỉ mời cán bộ chuyên môn để hạn chế họ có thể gây ảnh hưởng đến người dân trong quá trình cho ý kiến tại cuộc họp.

TT	Hoạt động	Người chịu trách nhiệm	Kết quả mong đợi
1	Trình bày Sơ họa bản đồ RRTT và công cụ 6.	A. Nghệ + A.Chung	Sơ họa bản đồ RRTT và bảng tổng hợp RRTT (công cụ 6) của xã được bổ sung thông tin
2	Thảo luận phân tích giới của xã Bình Giang	C. Hậu	Bảng phân tích giới của xã Bình Giang hoàn thành
3	Xếp hạng các RRTT.	C. Cảnh	Bảng tổng hợp xếp hạng RRTT của xã được hoàn thành
4	Kiểm chứng phân tích nguyên nhân RRTT ưu tiên	A.Trường +C. Ca	Bảng tổng hợp phân tích nguyên nhân của xã được hoàn thành và bổ sung nhiều thông tin
5	Xếp hạng các giải pháp PCTT và Kiểm chứng các hoạt động thực hiện giải pháp ưu tiên để đưa vào kế hoạch	A Hải+ C. My	- Bảng xếp hạng giải pháp PCTT của xã được hoàn thành - Bảng tổng hợp giải pháp PCTT (công cụ 9 được hoàn thành
6	Dự thảo báo cáo đánh giá RRTT - DVCD và tổng hợp phần C của báo cáo cho từng thôn	A.Tư +A. Bình	Hoàn thành dự thảo phần C của báo cáo cho từng thôn

**Buổi chiều: Từ 14:00 đến 17:00 nhóm HTKT tổng hợp báo cáo cho từng thôn**  
**Chia 4 nhóm tổng hợp số liệu phần C của báo cáo cho 4 thôn**

**Ngày thứ tư: 16/08/2018 Nhóm Hỗ trợ KT tập trung tại UBND xã để viết báo cáo và chuẩn bị nội dung cho cuộc họp với lãnh đạo và ban ngành đoàn thể**

**Buổi sáng:** - Từ 7:30 đến 9:30 : Hoàn thiện báo cáo đánh giá và thông qua nhóm HTKT để toàn nhóm bổ sung hoàn chỉnh báo cáo.  
- Từ 9:30 đến 11:00: Chuẩn bị nội dung họp với lãnh đạo và các ban ngành đoàn thể

**Buổi chiều: Từ 14:00 đến 17:00 họp tại UBND xã**

TT	Hoạt động	Người chịu trách nhiệm	Kết quả mong đợi
1	Giới thiệu thành phần và mục đích yêu cầu	A.Tư trưởng nhóm	Đại biểu hiểu được mục đích yêu cầu của buổi họp
2	Báo cáo kết quả lớp tập huấn và quy trình đánh giá tại các thôn	Giảng viên	Đại biểu biết được kết quả lớp tập huấn và quy trình đánh giá RRTT-DVCD để có được báo cáo đánh giá

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

3	Trình bày tóm tắt báo cáo đánh giá RRTT-DVCD theo mẫu của dự án GCF	A. Bình VP	Đại biểu nắm được nội dung chính của báo cáo đánh giá
4	Lãnh đạo xã và các thành phần tham dự đóng góp ý kiến vào báo cáo đánh giá	Lãnh đạo và đại diện các ban ngành đoàn thể	Lãnh đạo và các đại biểu đóng góp nhiều ý kiến bổ sung cho báo cáo và thông qua báo cáo
5	Tổng kết bề mặt tập huấn đánh giá	A. Tư trưởng nhóm	

**Công cụ 2: Lịch sử thiên tai xã Bình Giang :**

Tháng năm	Loại hình thiên tai	Đặc điểm/xu hướng	Khu vực chịu thiệt hại	Thiệt hại gì/Mức độ thiệt hại ( ANCD, SXKD, SKVSMT)	Tại sao bị thiệt hại (Nguyên nhân về VC, TCXH, NT,KN,TĐ,ĐC)	Đã làm gì để PCTT
10/2013	<b>Bão</b>	- Gió giật mạnh cấp 10,11 đến cấp 12, vào ban đêm diễn ra từ 3-5 giờ, kèm theo mưa trước và sau bão, kết hợp với triều cường dâng cao. - Xu hướng bão ngày càng mạnh, không theo quy luật	Toàn xã 4/4 thôn	<b>ATCD:</b> - Số người chết: 01 - Số người bị thương: 01 - Số nhà thiệt hại: 215 - Trường học thiệt hại là 8 phòng - Trạm y tế: 1 phòng - Giao thông: Ngập, lở: 4,5km - Kênh mương lở lấp: 3.300m <sup>3</sup> . - Số ruộng bị thiệt hại 55ha - Số cây ăn quả bị thiệt hại: 2,5ha - Số ao, hồ, thủy sản bị thiệt hại: 3,5ha - Số cơ sở sản xuất kinh doanh, chế biến bị thiệt hại: 2 cơ sở - Ước tính thiệt hại dơ cơn bão năm 2013 là 2,5 tỷ đồng.	<b>VC:</b> - Nhà thiếu kiên cố; - Các Trường học, trạm y tế xuống cấp. - Đường giao thông còn yếu do chưa được thường xuyên duy tu bảo dưỡng. - Kênh mương chưa kiên cố. - Các cơ sở sản xuất kinh doanh, chế biến xây dựng tạm bợ. * <b>TỔ CHỨC XÃ HỘI</b> - Công tác tuyên truyền chưa sâu rộng - Hệ thống đài truyền thanh chưa đảm bảo. * <b>NHẬN THỨC, KINH NGHIỆM</b> - Người dân chủ quan không chèn chống nhà cửa - Thiếu trang thiết bị	- Vận động người dân di dời, sơ tán đến nơi an toàn - Tuyên truyền nhân dân chủ động phòng, chống thiên tai - Xây dựng hệ thống thông tin tuyên truyền - xây dựng, thành lập đội xung kích giúp đỡ sơ tán nhân trên phương án 4 tại chỗ.
10/2013	<b>Lụt</b>	- Xảy ra sau 5 ngày mưa to, lũ lớn kéo dài 3 ngày, không theo quy luật. - Nước dâng cao hơn những năm trước	Toàn xã	<b>ATCD:</b> - Số người chết: 1 người - Số người bị thương 1 người - Số nhà bị thiệt hại: 215 - Số phòng học bị thiệt hại 8 phòng - Số phòng trạm y tế bị thiệt hại: 1 phòng - Giao thông bị ngập, lở: 4,5 km - Kênh mương lở lấp: 3.300m <sup>3</sup> . - Số ruộng bị thiệt hại 55ha - Số cây ăn quả bị thiệt hại: 2,5ha - Số ao, hồ, thủy sản bị thiệt hại: 3,5ha	* <b>VC:</b> - Số người chết, bị thương do đi làm ăn. - Nhà bị thiệt hại do ở vùng trũng, thấp. - Đường giao thông: vùng trũng, đường đất, hệ thống kênh mương chưa kiên cố. - Thủy sản: bờ hồ chưa kiên cố. - Điện thấp sáng: Lâu năm xuống cấp. - Ghe thuyền, lồng bè bị cuốn trôi. * <b>TCXH</b> - Do công tác tuyên truyền còn hạn chế, người dân còn chủ quan.	- Vận động người dân sơ tán đến nơi an toàn. - Tuyên truyền nhân dân chủ động trong phòng, chống. - Xây dựng đội xung kích giúp đỡ nhân dân theo phương án 4 tại chỗ.



**Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng**

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điện thấp sáng: 1000m</li> <li>- Đất sản xuất bị lở lãp 5ha</li> <li>- Ngư nghiệp: Lồng, bè bị thiệt hại nặng</li> <li>- Đê điều bị sới mòn, sạt lở khoảng 3 km</li> <li>- Ước tính thiệt hại 2,7 tỷ đồng</li> </ul>	- Đê yếu, hằng năm chưa có kinh phí tu bổ.	
<b>Tháng 6, 7/2017</b>	<b>Hạn hán</b>	Thiếu nước cho cây trồng Gây dịch bệnh cho người và gia súc. Ngày càng tăng	Toàn xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lúa và hoa màu chết, tổng diện tích: 50 ha, ước tính thiệt hại là 1,5 tỷ đồng.</li> <li>- Đàn gia súc bị dịch bệnh chết 50 con; Gia cầm: 1000 con, ước thiệt hại là 156 triệu đồng</li> <li>- Hồ tôm thiệt hại 7,5 ha, ước thiệt hại 1,5 tỷ đồng</li> <li>- Dịch bệnh xảy ra trong nhân dân, ước tính thiệt hại về y tế là 300 triệu đồng.</li> <li>Ước tổng giá trị thiệt hại: trên 2 tỷ đồng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạn hán kéo dài, thiếu nước, phục vụ nông nghiệp.</li> <li>- Nhiệt độ cao làm ao tôm giảm năng suất, gây dịch bệnh.</li> <li>- Nắng nóng nảy sinh dịch bệnh cho người và gia súc, gia cầm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khôi thông hệ thống mương.</li> <li>- Trường Khê, ao, đầm, hồ, ao gom nước nhĩ để tận dụng nước tưới cho cây trồng.</li> <li>- Củng cố đê bao, các para, cống tiêu nước để chống nhiễm mặn.</li> <li>- Tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm.</li> <li>- Vận động nhân dân sử dụng nước tiết kiệm</li> </ul>
Tháng 6-7/2017	Xâm nhập mặn	- Diện tích tự nhiên của xã chạy dọc theo Sông Trường Giang, hệ thống đê bao, hệ thống Para trên đê được xây dựng lâu năm, bị xuống cấp, nên khi nước thủy triều lên xuống sẽ bị nước mặn xâm nhập.	Toàn xã: có khoảng 25% diện tích đất canh tác bị nhiễm mặn	<p><b>* ATCĐ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lúa chết: 30%</li> <li>- Nuôi trồng thủy sản nước ngọt: 30%.</li> <li>- Thôn Hiền Lương có hhoảng 10 ha diện tích bị bỏ hoang do nhiễm nặng.</li> <li>- Thôn Bình Hòa và Hiền Lương bỏ khoảng 12ha.</li> <li>- Thôn Bình Túy và Bình Khương khoảng 16ha.</li> <li>- Ước tính thiệt hại khoảng 1,25 tỷ đồng.</li> </ul>	<p><b>* VC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích bị nhiễm mặn nằm ven sông, nước thủy triều dâng cao tràn vào đất sản xuất.</li> <li>- Do hạn hán kéo dài nên thiếu nguồn nước ngọt, nồng độ mặn trong đất cao.</li> <li>- Lúa và thủy sản chết do độ PH cao, độ mặn cao.</li> </ul> <p><b>* TCXH:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thường xuyên cử cán bộ kiểm tra độ mặn.</li> </ul> <p><b>* NTKN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rắc vôi bột, khơi thông kênh mương nội đồng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm mọi cách để khử phèn, tiêu mặn.</li> <li>- Khuyến khích người dân không nên sản xuất và nuôi trồng thủy sản ở những diện tích có độ nhiễm mặn cao.</li> <li>- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng con vật nuôi phù hợp với các vùng đất bị nhiễm mặn.</li> </ul>

**Công cụ 3 - LỊCH THEO MÙA BÌNH GIANG**

THIÊN TAI	THÁNG (Dương lịch)												XU HƯỚNG	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
Lũ lụt														Bất thường, không theo quy luật, dòng chảy mạnh hơn.
Bão														Số lượng cơn bão ngày càng nhiều, cường độ ngày càng mạnh.

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Hạn hán													Diện tích khô hạn ngày càng lớn thời gian khô hạn có xu hướng kéo dài		
Nhiễm mặn													Diện tích nhiễm mặn ngày càng lớn		
<b>HOẠT ĐỘNG KT - XH</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>12</b>	<b>Ảnh hưởng của thiên tai</b>	<b>Tại sao?</b>	<b>Kinh nghiệm PCTT</b>
<b>1. Trồng lúa</b> - Hai vụ, với diện tích 382 ha - Vụ Đông xuân Tham gia SX: 1019 hộ Nam: 60%, Nữ 40% - Vụ hè thu Tham gia SX: 1019 hộ Nam: 60%, Nữ 40%													Hạn hán: Giảm năng suất, có khi mất trắng. Lụt vào mùa thu hoạch mất trắng. Bão, giảm năng suất, có khi mất trắng. Nhiễm mặn, chết không sản xuất được	Nguồn nước tưới còn thiếu, Hệ thống kênh mương chưa đảm bảo. Ruộng nằm ven Sông Trương Giang. Đê điều không được kiên cố. Là vùng trũng thấp, ven sông dễ bị ngập lụt, sản xuất lúa chưa mang tính chất hàng hóa, chưa có đầu ra cho sản phẩm.	Xây dựng Phương án phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ. Phương châm xanh nhà hơn già ngoài đồng.
<b>2. Hoa màu: 265ha</b> -Ngô: 60ha - Hộ sản xuất: 1019 Nam 60%, nữ 40%  <b>- Sắn: 30 ha khoai lang 300ha</b> - Hộ sản xuất: 1019 Nam 60%, nữ 40% <b>- Đậu phụng: 200ha</b>													Hạn hán: làm cho hoa màu; Sắn; đậu Phụng; khoai lang; rau xanh giảm năng suất, có khi mất trắng	- Nước tưới không kịp thời, hệ thống kênh mương chưa đảm bảo; việc khai thác cát cũng làm đứt mạch nước ngầm, đê điều chưa kiên cố. - Chưa có đại lý thu mua; chưa có đầu ra; giá cả bấp bênh; thu nhập thấp.	- Thực hiện tốt lịch thời vụ và cơ cấu giống; chuyển đổi cây trồng phù hợp.
<b>3. Nuôi trồng thủy sản:</b> 24,35 - Số hộ tham gia: 29 - Nam 80%; Nữ 20%.													- Hạn hán: Cá, Tôm, chết, dịch bệnh, có thể bị mất trắng. - Nam: phải đi làm thêm để kiếm thêm thu nhập. - Nữ: Đi buôn bán để thêm thu nhập.	- Ao nuôi chưa được kiên cố, ôn nhiễm nguồn nước. - Kỹ thuật chăm sóc còn hạn chế, chủ yếu theo kinh nghiệm, giá cả bấp bênh.	- Nuôi tôm, cá vào theo lịch thời vụ; tránh mùa lụt.
<b>4. Đánh bắt thủy sản</b>													- Lụt bão cuốn trôi lồng,	- Ghe thuyền, lồng bè	- Kinh nghiệm còn hạn

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

THIÊN TAI	THÁNG (Dương lịch)												XU HƯỚNG		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
Lũ lụt													Bất thường, không theo quy luật, dòng chảy mạnh hơn.		
Bão													Số lượng cơn bão ngày càng nhiều, cường độ ngày càng mạnh.		
Hạn hán													Diện tích khô hạn ngày càng lớn thời gian khô hạn có xu hướng kéo dài		
Nhiễm mặn													Diện tích nhiễm mặn ngày càng lớn		
<b>HOẠT ĐỘNG KT -XH</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>12</b>	<b>Ảnh hưởng của thiên tai</b>	<b>Tại sao?</b>	<b>Kinh nghiệm PCTT</b>
<b>ven sông</b> Tham gia SX: 20 hộ Nam: 80%, Nữ 20%													bề, ghe, thuyền đi lại khó khăn. - Nam: phải đi làm thêm để kiếm thêm thu nhập, mua lông, ghe thuyền. - Nữ: Đi buôn bán để thêm thu nhập.	chưa được neo đậu chắc chắn. - Ghe thuyền tạm bợ, thô sơ. - Tiêu thụ nhỏ lẻ, tại chỗ, giá cả bấp bênh.	ché.
<b>4. Dịch vụ buôn bán nhỏ chiếm 38% thu nhập</b> Tham gia SX: 935 hộ Nam: 30%, Nữ 70%													- Thiên tai xảy ra ảnh hưởng đến nguồn thu nhập của nhân dân như: hạn hán, xâm nhập mặn.	- Giao thông ách tắc, không đi lại được, hàng hóa ít, giá cả tăng. - Người dân nghèo hay mua chịu, nợ đọng, làm thiếu vốn - Các hộ kinh chưa mạnh dạn mở rộng đầu tư sản xuất, kinh doanh.	- Một số hộ biết tích trữ nhiều hàng hóa dự phòng - Nam có kinh nghiệm hơn trong việc vận chuyển hàng hóa - Nữ giới biết bảo quản hàng hóa
<b>5. Chăn nuôi gia súc, gia cầm</b> Tham gia SX: 1019 Nam: 30%, Nữ 70%													- Lũ lụt, hạn hán làm gia súc, gia cầm bị chết và bị dịch bệnh - Bão lụt làm hư hại chuồng trại, làm giảm thu nhập. - Chưa có nơi tiêu thụ.	- Chuồng trại chưa kiên cố, thiếu thức ăn dự trữ - Tiêm phòng không đầy đủ - Giá thức ăn tăng cao, người chăn nuôi không có lãi. - Chưa có kiến thức chăm sóc gia súc, gia cầm.	- Chọn địa điểm cao ráo, xây dựng chuồng trại kiên cố, che chắn cẩn thận. - Nữ có kinh nghiệm chăm sóc gia súc, gia cầm - Nam là người nắm giữ về kinh tế gia đình - Nam xây dựng chuồng

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

THIÊN TAI	THÁNG (Dương lịch)												XU HƯỚNG		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
Lũ lụt													Bất thường, không theo quy luật, dòng chảy mạnh hơn.		
Bão													Số lượng cơn bão ngày càng nhiều, cường độ ngày càng mạnh.		
Hạn hán													Diện tích khô hạn ngày càng lớn thời gian khô hạn có xu hướng kéo dài		
Nhiễm mặn													Diện tích nhiễm mặn ngày càng lớn		
<b>HOẠT ĐỘNG KT - XH</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>12</b>	<b>Ảnh hưởng của thiên tai</b>	<b>Tại sao?</b>	<b>Kinh nghiệm PCTT</b>
														- Chưa che chắn chuồng trại	trại để đảm bảo chăn nuôi
<b>6. Tiểu thủ công nghiệp</b> Tham gia SX: 419 Nam: 30%, Nữ 70%													- Ảnh hưởng đến sức khỏe con người - Năng xuất lao động thấp, thu nhập thấp - Những hộ làm tiểu thủ công nghiệp vẫn tham gia trồng trọt, vì vậy khi có thiên tai sẽ ảnh hưởng đến đời sống 60% nhân lực làm tiểu thủ công nghiệp là thợ xây, nên mùa mưa lũ không là được, mùa nắng nóng ảnh hưởng đến sản xuất lao động	- Khi xảy ra mưa lũ lớn, người dân không thể đi lại được, đặc biệt là nữ không biết bơi. - Lũ lớn, bão gây hư hỏng các công ty, xí nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nên ảnh hưởng đến công việc.	- Cần chủ động di dời đến các điểm an toàn đối với những người làm việc tại ven sông, trước khi xảy ra lũ lớn - Không được đi làm lúc có bão, lũ lớn. - Có cơ chế khuyến khích các hộ mở rộng đầu sản xuất, kinh doanh. - Thường xuyên mở các lớp tập huấn để phát triển làng nghề truyền thống phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương.

**Phân tích giới xã Bình Giang:**

Vai trò của nam giới hay phụ nữ trong việc sản xuất kinh doanh/đảm bảo thu nhập của gia đình	Các khó khăn về công việc sản xuất kinh doanh của phụ nữ và nam giới trong mùa thiên tai.	Ảnh hưởng đối với thu nhập của gia đình khi thiên tai xảy ra (theo cách phân chia công việc hiện tại)	Các thay đổi (nếu cần) về công việc để giảm thiểu thiệt hại về thu nhập gia đình	Nhu cầu hỗ trợ từ các tổ chức trong thôn, xã để ít bị ảnh hưởng hoặc có thể khôi phục nhanh sau thiên tai.
--	---	---	--	--

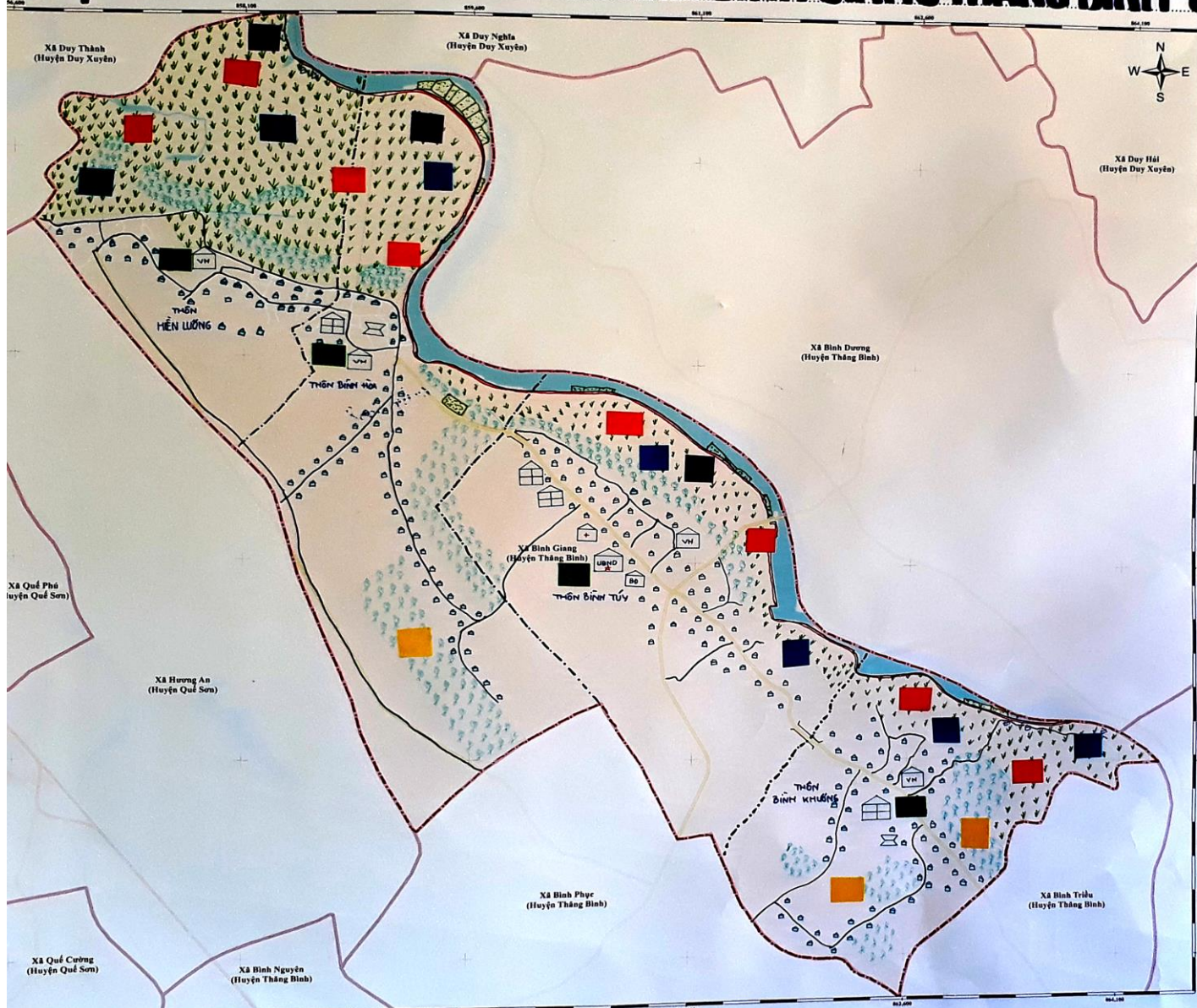
**Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng**

<p>Trồng lúa và hoa màu: Nam 70%; nữ 30%. Vai trò sản xuất kinh doanh: Nam chịu trách nhiệm chính của gia đình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghề vất vả, nguy hiểm dễ bị tai nạn. Phun thuốc sâu, Nam 90%</li> <li>- 40% phụ nữ mắc bệnh phụ khoa (chăm sóc cây trồng).</li> <li>Nam bị tai nạn lao động, bệnh tật do không có bảo hộ lao động.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi thiên tai bị mất sản phẩm, làm giảm thu nhập, có khi không có thu nhập, phải bỏ nghề, nam, nữ đi làm ăn xa, các gia đình chỉ có người già và trẻ em, nhiều nhất là thôn Bình Khương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm sản xuất nông nghiệp chuyển sang đi làm thuê, làm công nhân ... để tăng thu nhập cho gia đình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý môi trường.</li> <li>- Nâng cấp cơ sở hạ tầng như đường giao thông, kênh mương, đê ngăn mặn, điện ...</li> <li>- Thuốc men của ngành y tế.</li> </ul>
<p>Chăn nuôi: Nam 30%, nữ 70%. Vai trò: Nữ chịu trách nhiệm chính về bán sản phẩm và thu tiền.</p>	<p>Chuồng trại chưa đảm bảo, thức ăn trôi nổi (thức ăn già).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bị mắc các bệnh, chủ yếu là phụ nữ như H5N1.</li> </ul>	<p>Giá cả bấp bênh, thu nhập thấp, giảm tổng đàn gia súc, gia cầm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ nữ phải đi là thuê, buôn bán nhỏ, làm công nhân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức tập huấn dạy nghề cho phụ nữ, nhưng nghề phù hợp tại địa phương để tăng thu nhập cho gia đình</li> </ul>	<p>Vay vốn ngân hàng lãi suất thấp. Hỗ trợ con giống.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm đầu ra để tăng thu nhập</li> </ul>
<p>Nuôi trồng thủy sản: Nam 90%, nữ 10%. Vai trò: Nam là chủ yếu, quyết định bán sản phẩm và thu tiền là phụ nữ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môi trường ô nhiễm.</li> <li>- Con giống trôi nổi.</li> <li>- Thiếu ddiaeenj 3 pa.</li> <li>- Thuốc giả.</li> <li>- Thuyền nhỏ, thô sơ.</li> <li>- Thiên tai: Nam thường bị tai nạn bệnh, chết khi khai thác, đánh bắt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thu nhập kinh tế gia đình, do nuôi trồng thủy sản không chuyên canh, vì có thu nhập của trồng trọt, chăn nuôi</li> </ul>	<p>Đi làm thuê khi khi mất sản lượng thủy sản.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kêu điện 3 pa, có trung tâm giống để cung cấp giống.</li> <li>- Có cán bộ kỹ thuật thủy sản.</li> </ul>

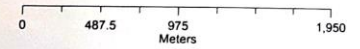
## **Công cụ 4 : Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai xã Bình Giang**



# ĐỒ HỌA BẢN ĐỒ RỦI RO THIÊN TAI XÃ BÌNH GIANG - THĂNG BÌNH - QN



Tỉnh/Thành phố: Quảng Nam  
 Quận/Huyện: Huyện Thăng Bình  
 Xã/Phường: Xã Bình Giang  
 Mã xã: 5031505  
 Tỷ lệ bản đồ: 1:10,000



Chú giải:

	Ranh giới xã		Trụ sở UBND
	Ranh giới thôn		Trạm Y tế
	Đường quốc lộ		Nhà văn hóa
	Đường liên thôn		Trường học
	Cầu, cống		Khu dân cư
	Đê, kè		Chợ
	Sông, suối		Bưu điện xã
	Hồ, đập		Hướng sơ tán
	Trồng lúa		Vùng nguy cơ cao bão
	Trồng màu		Vùng nguy cơ nhiễm mặn
	Rừng		Vùng nguy cơ cao lũ
			Vùng nguy cơ cao hạn hán
			Khu vực an toàn



## Công cụ 5: Điểm mạnh, điểm yếu trong công tác phòng chống thiên tai xã Bình Giang:

STT	Hạng mục	Điểm mạnh	Điểm yếu
1	<b>Năng lực bộ máy PCTT xã Bình Giang</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hằng năm kiện toàn công tác tổ chức, phân công giao nhiệm vụ cho từng bộ phận và cá nhân phụ trách đứng điểm ở từng thôn.</li> <li>- Xây dựng đội xung kích của 4 thôn và đội xung kích trong lực lượng dân quân, để giúp dân khi có thiên tai.</li> <li>- Xây dựng phương án PCTT hằng năm và triển khai xuống các thôn tổ.</li> <li>- Đội ngũ cán bộ có ý thức, trách nhiệm, nhiệt tình, khi có thiên tai trực 24/24 tại cơ quan xã và tại nhà văn hóa thôn.</li> <li>- Hằng năm tổ chức Hội nghị tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm trong việc thực hiện PCTT và triển khai phương hướng năm tới.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đội ngũ cán bộ kiêm nhiệm chưa chuyên sâu, chưa được đào tạo, chưa có quy chế hoạt động của ban chỉ huy PCTT.</li> <li>- Một số tổ chức, cá nhân, ý thức tổ chức chưa cao, chưa phối hợp chặt chẽ trong PCTT</li> <li>- Một số cán bộ thiếu kiến thức, năng lực còn hạn chế.</li> <li>- Lập kế hoạch PCTT chưa có sự tham gia của người dân.</li> <li>- Chưa tổ chức diễn tập PCTT; Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên, chưa sâu rộng.</li> </ul>
2	<b>Hệ thống thông tin cảnh báo sớm</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống truyền thanh phủ đều trên toàn xã, mỗi thôn có từ 2-3 cụm loa.</li> <li>- Thông tin về thiên tai của ban chỉ huy PCTT nhanh, kịp thời.</li> <li>- Khi có thiên tai thường xuyên phát thông tin trên loa truyền thanh từ xã đến xóm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống loa truyền thanh không đầy nên thường xuyên bị hư hỏng và khi sửa chữa thì kinh phí lớn.</li> <li>- Khu vực nuôi trồng thủy sản chưa có loa truyền thanh.</li> <li>- Cán bộ, thôn, tổ chưa được tập huấn công tác thông tin cảnh báo sớm.</li> <li>- Hệ thống loa tại các thôn đang có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp</li> <li>- Chưa có hệ thống cảnh báo sớm.</li> </ul>
3	<b>Công trình PCTT Đê, cống, trạm bơm</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống đê bao Sông Trường Giang được xây dựng khép kín.</li> <li>- Hệ thống cống được kiên cố hóa (14 pha ra/cống)</li> <li>- Có 2 trạm bơm điều tiết nước cục bộ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống đê xây dựng lâu năm hiện nay đã xuống cấp, hằng năm không được duy tu bảo dưỡng, Đê chưa được kiên cố, người dân tận dụng chân đê làm thủy sản.</li> <li>- Hầu hết các para, công đã xuống cấp, lũng đáy, nên khi nước thủy triều lên, xuống dễ bị xâm nhập mặn làm hư hại lúa và hoa màu của nhân dân.</li> <li>- Chưa có đập giữ nước, còn phụ thuộc nhiều vào tự nhiên.</li> </ul>

**Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng**

	<b>Nhà sơ tán</b>	Trụ sở UBND, trường tiểu học, trường mầm non, Trường THCS, Trạm y tế nhà văn hóa 4 thôn và một số nhà ở kiên cố của người dân có thể làm địa điểm sơ tán khi có thiên tai xảy ra.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thôn chưa có nhà tránh, trú bão, lụt và một số nhà kiên cố trong xóm vẫn chưa đủ làm nơi sơ tán cho toàn người dân khi có thiên tai xảy ra.</li> <li>- Các công trình trường học, trụ sở UBND ở xã với các hộ dân ở những khu vực thường xuyên bị thiên tai uy hiếp.</li> <li>- Người dân chủ quan, chưa chủ động sơ tán khi có lệnh điều động của UBND xã.</li> </ul>
<b>4</b>	<b>Phương châm 4 tại chỗ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ huy tại chỗ: Kiện toàn BCH, phân công các thành viên phụ trách các lĩnh vực, ứng phó khi có bão lũ gây ra.</li> <li>- Lực lượng tại chỗ: Trục 24/24, huy động lực lượng ở vùng an toàn di dân ở những vùng bị thiên tai (nam chiếm 90%, nữ 10%).</li> <li>- Hậu cần tại chỗ: Có nguồn dự trữ lương thực, thực phẩm, nước uống, cơ sở thuốc cho PCTT (mỳ tôm 100 thùng, 100 bình nước đóng 20 lít/bình, đặt tại 4 đại lý/4 thôn) Chuẩn bị cho công việc này nam chiếm 60%, nữ 40%</li> <li>- Vật tư, phương tiện tại chỗ: Hợp đồng Máy cưa, máy phát điện, xăng, dầu, xe vận chuyển, di chuyển, ghe, thuyền để ứng cứu khi có tình huống xảy ra.</li> <li>- Chuẩn bị nguồn kinh phí dự phòng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số cán bộ còn hạn chế về năng lực và kỹ năng ứng phó với thiên tai.</li> <li>- Công tác huy động chưa kịp thời như việc huy động lực lượng canh đê, hộ đê.</li> <li>- Một số vật tư chất lượng kém, phương tiện xe tải huy động khó, chưa kịp thời.</li> <li>- Một số đại lý chưa dự trữ nhiều hàng hóa, chưa cung cấp các mặt hàng như mỳ tôm, lương khô, nước uống... đáp ứng nhu cầu người dân khi có thiên tai xảy ra.</li> </ul>
<b>5</b>	<b>Nhận thức, kinh nghiệm, ý thức chấp hành của người dân</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số người dân có hiểu biết, có kinh nghiệm về phòng chống thiên tai; Chủ động dự trữ nhu yếu phẩm khi có thiên tai.</li> <li>- Tập huấn kiến thức PCTT, tham gia các hoạt động PCTT nam chiếm 90%.</li> <li>- Vật tư chuẩn bị cho PCTT giao chỉ tiêu hàng năm cho các thôn.</li> <li>- Có 65% người dân nắm bắt thông tin cảnh báo về thiên tai, nữ quan tâm nhiều hơn nam; Nữ được quyết định về đóng góp quỹ phòng PCTT.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân chưa được tập huấn và chưa được diễn tập PCTT thường xuyên.</li> <li>- Chưa có các kỹ năng ứng phó với thiên tai</li> <li>- Một số người dân vẫn còn chủ quan</li> <li>- Lực lượng lao động chính đi làm ăn xa nhiều, ở tại các gia đình chủ yếu là người già và trẻ em.</li> <li>- Nữ ít tham gia tập huấn PCTT và hoạt động PCTT (10%).</li> <li>- Phụ nữ đơn thân nuôi con một mình chiếm tỷ lệ cao (10%)</li> </ul>

## **Công cụ 6 : Tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai xã Bình Giang**

<b>Thiên tai</b>	<b>Xu hướng của thiên tai</b>	<b>Tình trạng dễ bị tổn thương</b>	<b>Năng lực PCTT</b>	<b>Rủi ro thiên tai</b>
------------------	-------------------------------	------------------------------------	----------------------	-------------------------

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

<p><b>Bão Lụt</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bão tăng dần các năm, khó dự báo, cường độ ngày càng mạnh hơn</li> <li>- Lụt tăng dần theo các năm, kéo dài hơn, ngập sâu hơn, không theo quy luật</li> </ul>	<p><b>1. An toàn cộng đồng</b></p> <p><b>* Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà bán kiên cố 615 (trong đó 170 nằm trong vùng nguy cơ cao chiếm 27,6%) , Nhà thiếu kiên cố là 305 (trong đó 58 nhà nằm trong vùng nguy cơ cao chiếm 19%).</li> <li>- 4 km đường liên thôn chưa được cứng hóa; 5,7 km đường giao thông nội đồng xuống cấp.</li> <li>- Có 3000 người sống trong vùng nguy cơ, trong đó có 506 trẻ em dưới 5 tuổi; 41 người bị bệnh hiểm nghèo, 440 người cao tuổi, 340 người nghèo, 259 người khuyết tật; 42 phụ nữ có thai, có 305 nhà thiếu kiên cố.</li> <li>- Các điểm sơ tán dân đến nơi an toàn, có 4 nhà văn hóa, 4 trường học, trong đó có một nhà văn hóa nằm trong vùng có nguy cơ ngập lụt và 1 trường học bị xuống cấp và có 6 phòng đang hư hỏng.</li> <li>- Các công trình vệ sinh nơi sơ tán và nguồn nước chưa đảm bảo.</li> <li>- Các trục đường giao thông chưa được thông suốt, có 11 km đường đất dễ bị sạt lở.</li> <li>- Đường điện xương cá xuống cấp mất an toàn, môi trường nước mặn phá hủy nhanh công trình.</li> <li>- Dụng cụ loa truyền thanh không đảm bảo.</li> <li>- Hệ thống loa tại các xóm đang có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp.</li> <li>- Chưa có hệ thống cảnh báo sớm.</li> <li>- Đê chưa được kiên cố, người dân tận dụng chân đê nuôi trồng thủy sản.</li> <li>- Hệ thống para, cống hu hỏng không đảm bảo tiêu thoát nước trong mùa thiên tai.</li> <li>- Nhà lánh nạn Chưa có công trình vệ sinh, nguồn nước và phòng ở cho nam, nữ đến sơ tán</li> </ul> <p><b>*Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác tuyên truyền chưa thực hiện thường xuyên</li> <li>- Chưa trang bị ghe, thuyền cho đội xung kích di dời tài sản và người dân khi có lụt, bão xảy ra.</li> <li>- Kinh phí cho hoạt động PCTT chưa đáp ứng nhu cầu</li> <li>- Công tác diễn tập và tập huấn kỹ năng PCTT chưa được thường xuyên.</li> </ul>	<p><b>1. An toàn cộng đồng</b></p> <p><b>* Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Toàn xã có 1.525 nhà kiên cố, trong đó có 345 nhà có thể làm nơi lánh nạn chiếm 22,6%.</li> <li>- Có 04 trường học đảm bảo an toàn cho học sinh, trụ sở UBND, trạm y tế xã kiên cố.</li> <li>- Đường giao thông, trục chính, liên huyện đảm bảo đi lại.</li> <li>- Có 4/4 nhà văn hóa thôn để sinh hoạt cộng đồng.</li> <li>- Phương tiện cứu hộ, cứu nạn: 50 áo phao, 02 loa cầm tay, 10 đèn pin; 01 máy phát điện dự phòng; 01 lều bạt và 6 xe vận tải áo phao, đèn pin.</li> <li>- Có 4/4 thôn có loa truyền thanh, mỗi thôn có từ 2-3 cụm loa. Có 90 % hộ dân sử dụng ti vi, 80% có di động, đài radio 30 %, mạng internet 60 %. Kịp thời nắm bắt diễn biến khi có bão lụt xảy ra.</li> <li>- Có 1 công trình nước sạch cung, 2 cơ sở sản xuất nước lọc.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hằng năm củng cố, kiện toàn ban chỉ huy PCTT, dân quân tự vệ, lực lượng thanh niên xung kích.</li> <li>- Tổ chức trực chiến khi có thiên tai 24/24.</li> <li>- Xây dựng phương án PCTT hằng năm.</li> <li>- Chỉ huy tại chỗ: Kiện toàn BCH phân công các thành viên phụ trách các lĩnh vực, đứng điểm ở từng thôn khi có bão lũ xảy ra.</li> <li>- Lực lượng tại chỗ: lực lượng di dân ở vùng trũng thấp lên vùng an toàn.</li> <li>- Hậu cần: Nữ chiếm 20%</li> <li>- Vật tư, phương tiện tại chỗ: Hộ đồng Ghe, Xe vận chuyển, di dời, máy cưa, máy phát điện ... kinh phí 100 triệu đồng tại quỹ UBND xã; mỳ tôm 100 thùng, 100 thùng nước uống đặt tại 4 đại lý ở 4 thôn; Chủ tịch UBND làm trưởng ban có nữ tham gia Ban Chỉ huy PCTT.</li> <li>- Tập huấn kỹ năng PCTT cho đội xung kích và đội ngũ cán bộ thôn, tổ.</li> <li>- Ý thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ nhiệt tình, có</li> </ul>	<p><b>1. An toàn cộng đồng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguy cơ người chết và bị thương khi có bão, lụt</li> <li>- Nhà bị sập, tốc mái khi có bão xảy ra</li> <li>- 4 km đường liên thôn chưa được cứng hóa, trũng thấp.</li> <li>- Hệ thống truyền thanh chưa đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo khi có thiên tai</li> <li>- Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn còn thiếu không đảm bảo, công tác diễn tập và cứu hộ, cứu nạn chưa thường xuyên.</li> <li>- Đường điện xương cá xuống cấp mất an toàn</li> <li>- Nguy cơ vỡ đê khi có bão cấp 11 trở lên.</li> </ul>
-----------------------	--	--	--	---

**Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng**

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự phối hợp giữa các đoàn thể về công tác PCTT chưa đồng bộ.</li> <li>- Một số cụm loa huồng, nên chưa đưa thông tin cảnh báo kịp thời cho người dân.</li> <li>- Khi xảy ra thiên tai, hệ thống điện thường xuyên bị mất nên không thông báo được diễn biến thiên tai cho người dân chủ động phòng, chống.</li> <li>- Lực lượng thanh niên xung kích thường xuyên đi làm ăn xa.</li> <li>- Đội ngũ cán bộ kiêm nhiệm chưa chuyên sâu, chưa được đào tạo, chưa có quy chế hoạt động của ban chỉ huy PCTT.</li> <li>- Lập kế hoạch PCTT chưa có sự tham gia của người dân.</li> <li>- Vùng ven biển và khu vực nuôi trồng thủy sản chưa có loa truyền thanh</li> <li>- Cán bộ thôn, tổ chưa được tập huấn công tác thông tin cảnh báo sớm.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức kinh nghiệm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ dân chưa chủ động phương châm 4 tại chỗ.</li> <li>- Chưa có các kỹ năng ứng phó với thiên tai</li> <li>- Người dân chủ quan chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước.</li> <li>- Lực lượng lao động chính đi làm ăn xa nhiều, tỷ lệ nhà bán kiên cố và thiếu kiên cố còn nhiều.</li> <li>- Nữ ít tham gia tập huấn PCTT và hoạt động PCTT (10%)</li> <li>- Người dân chưa chủ động sơ tán khi có lệnh điều động của UBND xã, do người dân sợ mất tài sản khi di dời.</li> </ul>	<p>trách nhiệm cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tin của ban chỉ huy PCTT của xã nhanh, kịp thời</li> <li>- Thường xuyên phát thông tin trên loa truyền thanh từ xã đến từng thôn.</li> <li>- Hằng năm tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm trong việc thực hiện PCTT.</li> </ul> <p><b>*Nhận thức kinh nghiệm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số người dân có kiến thức, có hiểu biết, chủ động dự trữ nhu yếu phẩm, thực hiện nghiêm kế hoạch PCTT của xã khi có thiên tai.</li> <li>- Có ý thức tham gia tập huấn kiến thức các hoạt động PCTT nam chiếm 90%.</li> <li>- Vật tư chuẩn bị cho PCTT giao chỉ tiêu cho các thôn đã tổ chức thực hiện tốt.</li> <li>- 80% người dân nắm bắt thông tin cảnh báo về thiên tai, nữ quan tâm nhiều hơn nam</li> </ul>	
	<p><b>2.Sản xuất, kinh doanh</b></p> <p><b>* Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các ngành nghề chính là sản xuất nông nghiệp chiếm 35% bị ảnh hưởng thiên tai ở mức độ rủi ro cao, ngành tiểu thủ công nghiệp 27%, dịch vụ thương mại 38%, bị ảnh hưởng ở mức độ rủi ro trung bình.</li> <li>- Diện tích trồng trọt 723ha, trong đó có 245 ha dễ bị ngập úng.</li> <li>- Hệ thống đê điều của xã dài 12km thường xuyên bị sạt lở, chưa được di tu, bảo dưỡng.</li> <li>- 14 km kênh, mương thủy lợi chưa được kiên cố.</li> <li>- Có 7 para, cống xuống cấp; đường giao thông nội đồng chưa đảm bảo, đường đất nhỏ 7,7km.</li> <li>- Đánh bắt thủy sản: Chủ yếu là hoạt động đánh bắt trên Sông</li> </ul>	<p><b>2. Sản xuất, kinh doanh</b></p> <p><b>*Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chính quyền tạo điều kiện cơ sở vật chất và thủ tục đăng ký kinh doanh cho dịch vụ buôn bán nhỏ phát triển.</li> <li>- Có lực lượng lao động trẻ khỏe.</li> <li>- Có một số doanh nghiệp gần địa phương tạo công ăn việc làm cho một số lao động (đặc biệt là lao động nữ)</li> <li>- Diện tích đất sản xuất lúa 723ha.</li> <li>- Hệ thống nước tưới từ hồ Phú Ninh và 2 trạm Bơm là An Lạc 2 và Ấp Bắc.</li> </ul>	<p><b>2. Sản xuất, kinh doanh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguy cơ mất trắng mùa màng, mất đất sản xuất.</li> <li>- Nguy cơ có người chết, người bị thương.</li> <li>- Gia súc, gia cầm bị dịch bệnh.</li> <li>- Kênh mương, nội đồng bị hư hỏng, sạt lở.</li> <li>- Ô nhiễm môi trường.</li> <li>- Ao hồ xuống cấp, hộ nuôi có nguy cơ mất trắng.</li> <li>- Thu nhập thấp.</li> </ul>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	<p>Trường Giang.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăn nuôi chiếm 65%, tuy nhiên vẫn còn nhỏ lẻ, chuồng trại chưa đảm bảo, hệ thống nước thải kém, chưa có hầm biogas và đệm lót sinh học.</li> <li>-Tiểu thủ công nghiệp: Công nhân làm trong các công ty, xí nghiệp tiền lương thấp, không ổn định; các hộ sản xuất còn nhỏ, chưa liên kết. Ngoài ra công nhân làm lao động phổ thông chiếm tỷ lệ cao, nên chưa có bảo hộ lao động, chưa được đào tạo nghề nên thu nhập thấp, phương tiện đi lại cá nhân thô sơ dễ bị gặp tai nạn.</li> <li>- Ngành dịch vụ buôn bán nhỏ nữ tham gia 90%, nam 10%, kinh doanh hộ gia đình, tự phát, chủ yếu là ở những trục đường chính. Xã Bình Giang là điểm cuối của huyện nên hoạt động buôn bán chưa phát triển mạnh, chủ yếu phục vụ người dân trong xã.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngành trồng trọt: Việc tổ chức tập huấn chuyển giao khoa học, kỹ thuật cho nhân dân chưa được thường xuyên; Quản lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn hạn chế; Chưa tổ chức được các khâu liên giữa 4 nhà.</li> <li>- Nghề chăn nuôi: Thị trường không ổn định nên người dân không chăn nuôi để chuồng trồng; đội ngũ cán bộ thú y ở xã quá ít, chưa được đào tạo bài bản, nên công tác quản lý dịch bệnh chưa chặt chẽ.</li> <li>- Các đội thủy nông điều hành nước tưới còn cầm chừng, do phụ cấp quá thấp.</li> <li>- Chưa ưu tiên đầu tư để thực hiện chủ trương phát triển nghề truyền thống.</li> <li>- Quy hoạch nơi nuôi trồng thủy sản chưa đồng bộ, thị trường trôi nổi, giá cả không ổn định</li> </ul> <p><b>*Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghề trồng lúa: Chi phí cao, thu nhập thấp; thường xuyên bị ảnh hưởng do thiên tai nên người dân có xu hướng bỏ đất hoang, để chuyển sang ngành, nghề khác.</li> <li>- Nghề nuôi trồng thủy sản: người dân còn chủ quan thiếu kiến thức, vừa nuôi trồng thủy sản kết hợp với nuôi gia cầm nên ô nhiễm nguồn nước, giảm thu nhập.</li> <li>- Sản phẩm không bán được, thu nhập thấp nên người dân có tư</li> </ul>	<p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có HTX và tổ dịch vụ quản lý điều hành nước tưới và kênh mương thủy lợi, các ban ngành đoàn thể, Ban nông nghiệp thường xuyên tuyên truyền vận động, quan tâm chỉ đạo các hoạt động chăn nuôi, trồng trọt của người dân.</li> <li>- Thủy sản: Đầu tư nâng cấp giao thông thủy lợi, khuyến cáo cho hộ nuôi trồng thủy sản. chăm sóc, phòng, trừ dịch bệnh.</li> <li>- Chăn nuôi: Tuyên truyền phổ biến kiến thức chăn nuôi, tiêm phòng theo định kỳ.</li> <li>- Từng bước kiên cố hóa kênh mương tưới tiêu</li> <li>- Dịch vụ thương mại được hỗ trợ vay vốn, thành lập các doanh nghiệp.</li> </ul> <p><b>*Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kinh nghiệm về phòng, chống lụt bão, trồng trọt, nông lâm thủy sản theo lịch thời tiết, thời vụ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lao động nữ nguy cơ bị tai nạn trong lao động.</li> <li>- Sập, đổ lều quán, hư hỏng hàng hóa mất việc làm của người buôn bán nhỏ.</li> </ul>
--	--	---	---

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	<p>tương bỏ nghề truyền thống</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân không chủ động nạo vét kênh mương, còn trông chờ vào nhà nước, coi đó không phải là việc của mình nên không tự giác thực hiện.</li> <li>- Một số hộ buôn bán chưa đăng ký kinh doanh, gây cản trở cho quá trình quản lý hoạt động.</li> </ul>		
	<p><b>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</b></p> <p><b>*Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trạm y tế vẫn còn thiếu một số trang thiết bị phục vụ cho công tác khám chữa bệnh; có 3 phòng bị xuống cấp, 4 phòng vệ sinh bị hư hỏng, hệ thống điện 50% bị hư hỏng, chưa có nguồn nước sinh hoạt cho bệnh nhân sử dụng, Trạm y tế chưa có Bác sĩ, không có cán bộ phụ trách đông y; thiếu cán bộ có chuyên môn sử dụng các trang thiết bị khám chữa bệnh, thiếu các loại thuốc đặc trị, số lượng thuốc còn quá ít; cán bộ y tế thôn còn thiếu, chưa có chuyên môn, chưa hoạt động hiệu quả.</li> <li>- 70% hộ dân sử dụng giếng đào (khoang) có khoảng 15% hộ dân có nhà có nhà vệ sinh chưa đạt tiêu chuẩn.</li> <li>- Chưa có nhà trung chuyển rác thải.</li> <li>- Chưa có hệ thống thoát nước ở khu dân cư.</li> <li>- Chuồng trại chăn nuôi gần kề nhà ở.</li> <li>- Cơ sở hạ tầng nghĩa trang nhân dân chưa đảm bảo, còn chôn người chết gần khu dân cư.</li> <li>- 30% hộ dân ở vùng trũng thấp, dễ bị ngập lụt, ô nhiễm nguồn nước.</li> <li>- Lương thực dự trữ ít, chưa đảm bảo</li> <li>- Dịch bệnh bùng phát xảy ra sau thiên tai như: Tiêu chảy, chân tay miệng, đau mắt đỏ</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên, người dân không nhiệt tình tham gia ở các buổi tư vấn.</li> <li>- Một số hộ dân xả rác thải bừa bãi không đúng nơi quy định; chưa có thùng rác công cộng; chưa có biện pháp xử phạt những hành vi vi phạm trong lĩnh vực ô nhiễm môi trường;</li> <li>- Một số bà mẹ đang trong độ tuổi sinh sản và nuôi con nhỏ</li> </ul>	<p><b>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</b></p> <p><b>*Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có trạm y tế được xây dựng 2 tầng với 12 phòng, đạt chuẩn quốc gia về y tế. Có trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh .</li> <li>- Đội ngũ cán bộ y tế trạm đã qua đào tạo, 03 nam, 03 nữ, trong đó có 2 y sĩ, 3 điều dưỡng, 01 dược tá, 4 y tế thôn; Công tác khám, điều trị bệnh được thực hiện thường xuyên hàng ngày. Trung bình 7.250 lượt người/năm. Tổ chức tiêm phòng vắc xin cho trẻ em hàng tháng, cân đo, uống vitami A, sỏ giun định kỳ 6 tháng một lần, đạt từ 90-95%.</li> <li>- Thường xuyên kiểm tra an toàn thực phẩm, tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh, có một số thiết bị tại trạm y tế, có thuốc bảo hiểm y tế cấp phát cho bệnh nhân hàng ngày, có thuốc phòng chống dịch như Clmin B; 30% hộ dân sử dụng nước máy; có điểm cung cấp nước sạch; có một nghĩa trang nhân dân.</li> <li>- 95% số hộ đã có bể chứa nước</li> </ul> <p><b>*Tổ chức xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 2 tổ thu gom rác thải, mỗi tuần thu gom một lần vào ngày chủ nhật.</li> <li>- Mặt trận, các hội đoàn thể thường xuyên tuyên truyền luật bảo vệ môi trường, tập huấn phân loại rác thải.</li> <li>- Đưa vào sử dụng phần mềm quản lý sức khỏe toàn dân.</li> <li>- Hội Chữ thập đỏ thường xuyên tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân</li> <li>- Trạm y tế: Tiêm chủng định kỳ cho bà mẹ mang thai</li> </ul>	<p><b>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ô nhiễm môi trường trên diện rộng khi có thiên tai.</li> <li>- Nguy cơ dịch bệnh: bệnh tiêu chảy, sốt xuất huyết, bệnh ngoài da, bệnh ung thư...</li> <li>- Phụ nữ mắc bệnh phụ khoa, ngoài da, sốt xuất huyết....</li> <li>- Nhà vệ sinh hư hỏng, không đảm bảo vệ sinh môi trường khi có thiên tai</li> <li>- Hệ thống mương làng bị bồi lấp, không đảm bảo thoát nước gây ngập úng, ô nhiễm làm phát sinh bệnh.</li> </ul>



**Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng**

		<p>chưa có ý thức tiêm chủng đầy đủ theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mạng lưới y tế cộng đồng chưa được đào tạo chuyên nghiệp.</li> <li>- Địa bàn dân cư rộng, nên việc quản lý sức khỏe nhân dân chưa được đầy đủ.</li> </ul> <p><b>*Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân thiếu hiểu biết về sức khỏe VSMT.</li> <li>- Chưa có ý thức khám bệnh định kỳ và không mua thuốc theo đơn của bác sĩ.</li> <li>- Chưa quan tâm đến hạn sử dụng của lương thực, thực phẩm</li> <li>- Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa đúng quy định, chưa có phòng hộ đảm bảo.</li> <li>- Chưa có ý thức trong việc thu gom rác thải, còn thải rác bừa bãi ra môi trường.</li> </ul>	<p>và trẻ em trong độ tuổi khám sức khỏe định kỳ, tư vấn sức khỏe cho người cao tuổi, người có công với cách mạng.</p> <p><b>*Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kinh nghiệm chăm sóc sức khỏe sau thiên tai.</li> <li>- Trạm y tế có nhân viên phục vụ người dân 24/24 giờ.</li> <li>- Đa số người dân có ý thức bảo vệ môi trường.</li> <li>- Có ý thức dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc trong mùa mưa bão.</li> </ul>	
<b>Hạn hán, nhiễm mặn</b>	Nhiệt độ ngày càng tăng cao, có khi lên đến 38-40°C, kéo dài hơn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống kênh mương không đảm bảo.</li> <li>- Nguồn nước tưới không đủ để bơm tưới cho cây trồng.</li> <li>- Công, para hư hỏng, xuống cấp chưa đảm bảo giữ nước.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống kênh mương kiên cố : 11 km.</li> <li>- Có 2 trạm bơm phục vụ nước tưới...</li> <li>- Tuyên truyền nhân dân chống hạn, nhiễm mặn.</li> <li>- Ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ nhiệt tình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống kênh mương sạt lở, hư hỏng không đảm bảo tưới tiêu..</li> <li>- Gia súc gia cầm bị chết, bị dịch bệnh.</li> <li>- Thủy sản xảy ra dịch bệnh, giảm năng suất.</li> </ul>

**Công cụ 7: Xếp hạng rủi ro thiên tai xã Bình Giang**

Rủi ro thiên tai	Nhóm HTKT		Đại diện người dân 4 thôn		Kiểm chứng		Tổng phiếu của nam nữ		Tổng phiếu toàn xã	Xếp hạng toàn xã
	Nam (09)	Nữ (06)	Nam (16)	Nữ (14)	Nam (18)	Nữ (12)	Nam (61)	Nữ (44)		
Nguy cơ người chết và bị thương khi có bão, lụt (xảy ra 4 thôn)	7	5	15	5	26	12	48	22	<b>70</b>	<b>9</b>
Có 4 km đường giao thông liên xã; 4,7km đường giao thông nội đồng xuống cấp hư hỏng không đảm bảo an toàn.	10	5	27	6	16	10	53	21	<b>74</b>	<b>8</b>
Kênh mương bị sạt lở, bồi lấp: thôn 1 là 3km; thôn 4 là 1,2km	9	4	17	5	10	8	36	17	<b>53</b>	<b>13</b>
Nhà ở bị ngập, tốc mái, đổ sập (4 thôn)	21	10	58	15	26	33	105	58	<b>163</b>	<b>1</b>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Thiếu nước sạch cho sinh hoạt cho thôn 1 và thôn 2	7	4	11	8	28	9	46	21	<b>67</b>	<b>10</b>
Ô nhiễm môi trường trên cả 4 thôn khi có thiên tai	12	4	31	7	10	16	53	37	<b>100</b>	<b>6</b>
Trẻ em, người già có nguy cơ đuối nước (cả 4 thôn)	6	2	8	4	9	7	23	13	<b>36</b>	<b>15</b>
Mất mùa, giảm năng suất lúa và hoa màu (4 thôn)	16	6	11	3	55	16	82	52	<b>134</b>	<b>4</b>
Mất đất sản xuất (4 thôn)	4	4	5	6	13	3	22	13	<b>25</b>	<b>18</b>
Gia súc, gia cầm bị chết, bị dịch bệnh khi có thiên tai (4 thôn)	11	2	9	3	12	5	32	10	<b>42</b>	<b>14</b>
Hệ thống đài truyền thanh xã hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo thông tin liên lạc, dự báo, cảnh báo	17	7	63	5	41	9	121	21	<b>142</b>	<b>2</b>
Phụ nữ đơn thân có nguy cơ bị tai nạn khi chèn chống nhà cửa và di dời tài sản khi có thiên tai (cả 4 thôn)	9	3	13	17	8	4	30	24	<b>54</b>	<b>12</b>
Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn còn thiếu không đảm bảo công tác diễn tập và cứu hộ, cứu nạn	9	5	67	9	36	16	112	30	<b>142</b>	<b>3</b>
Thủy sản giảm sản lượng và có khi mất trắng (4 thôn)	6	3	6	2	6	3	18	8	<b>26</b>	<b>17</b>
Đường dây điện cao thế, xương cá bị gãy đổ, hư hỏng (thôn 3,4)	17	8	33	3	21	6	71	17	<b>88</b>	<b>7</b>
Chợ bị sập đổ, hư hỏng (thôn 2,4)	2	4	2	3	3	6	7	13	<b>20</b>	<b>19</b>
Nguy cơ dịch bệnh sau thiên tai (xuất huyết, tiêu chảy)	8	7	19	4	14	7	41	18	<b>59</b>	<b>11</b>
Trạm bơm nước thủy lợi thôn 1 bị ngập, hư hỏng không đảm bảo tưới, tiêu	2	2	6	2	15	7	23	11	<b>34</b>	<b>16</b>
Hệ thống đê, para xây dựng từ năm 1993 xuống cấp bị sạt lở, nguy cơ vỡ đê khi có bão cấp 9 trở lên	17	10	55	7	31	13	103	30	<b>133</b>	<b>5</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>190</b>	<b>95</b>	<b>456</b>	<b>114</b>	<b>386</b>	<b>190</b>	<b>1032</b>	<b>436</b>	<b>1468</b>	

## Công cụ 8: Phân tích nguyên nhân xã Bình Giang

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

TT	Rủi ro thiên tai	TTDBTT	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Nhà bị ngập, đồ sập, tốc mái	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 305 ngôi nhà ở vùng nguy cơ cao.</li> <li>- 285 nhà thiếu kiên cố.</li> <li>- 615 nhà bán kiên cố.</li> <li>- 82 nhà phụ nữ đơn thân</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Do đặc điểm nghề nghiệp nên phải ở những vùng có nguy cơ ảnh hưởng của thiên tai.</li> <li>- Nhà xây dựng lâu năm và thiếu kinh phí, thuộc hộ nghèo, cận nghèo.</li> <li>- Sống bằng nghề nông nghiệp là chủ yếu, thu nhập thấp.</li> <li>- Đội xung kích thiếu kỹ năng, trang thiết bị không được hỗ trợ.</li> <li>- Lao động chủ yếu là phổ thông thiếu việc làm.</li> <li>- Công tác tuyên truyền còn hạn chế, thiếu hệ thống loa truyền thanh.</li> <li>- Một số hộ dân chủ quan, thiếu kiến thức, không muốn di dời đi chỗ khác.</li> <li>- Một số hộ dân không muốn thay đổi nghề nghiệp.</li> </ul>	<p><b>*Giải pháp công trình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây mới 210 ngôi nhà cho các hộ ở vùng nguy cơ cao, phụ nữ đơn thân và cá hộ có nhà thiếu kiên cố hoàn cảnh khó khăn.</li> </ul> <p><b>*Giải pháp phi công trình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi, chuyển đổi ngành nghề để phát triển kinh tế, tăng thu nhập.</li> <li>- Hỗ trợ trang thiết bị phòng chống thiên tai, tập huấn kỹ năng cho đội xung kích.</li> <li>- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về phòng, chống thiên tai.</li> <li>- Nâng cấp, mở rộng hệ thống truyền thanh.</li> <li>- Tổ chức sơ tán, di dời trước mùa thiên tai.</li> <li>- Cùng cố nâng cấp hệ thống đê đảm bảo an toàn cho người dân sống ven đê và đảm bảo sản xuất.</li> <li>- Tập huấn chuyển giao KHKT, đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho người dân đặc biệt là phụ nữ.</li> </ul>
2	Hệ thống đài truyền thanh xã hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo thông tin liên lạc, dự báo, cảnh báo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống truyền thanh không dây xuống cấp</li> <li>- Thiếu các cụm loa ở các thôn</li> <li>- Khu vực gần sông, nuôi trồng thủy sản chưa có cụm loa để thông báo, cảnh báo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa phương không đủ kinh phí để sửa chữa nâng cấp, lắp đặt thêm các cụm loa</li> <li>- Gần sông, gần biển bị nhiễm chất mặn nên dễ bị han rỉ hư hỏng.</li> <li>- Hệ thống truyền thanh không dây khi hư hỏng sửa chữa rất tốn kém nhưng nguồn kinh phí hạn hẹp</li> <li>- Địa bàn rộng các cụm loa thừa nên hạn chế truyền, dự báo cảnh báo</li> </ul>	<p><b>* Giải pháp phi công trình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cấp, mở rộng hệ thống truyền thanh và bổ sung các cụm loa để đảm bảo chất lượng truyền truyền dự báo, cảnh báo.</li> <li>- Mua sắm bộ âm ly di động để truyền truyền dự báo, cảnh báo lưu động đến những vùng chưa có các cụm loa.</li> </ul>
3	Trang thiết bị cứu hộ cứu nạn hư hỏng, thiếu không đảm bảo trong công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn của xã còn thiếu; không đủ hỗ trợ cho Lực lượng xung kích PCTT.</li> <li>- Là xã vùng lụt khi thiên tai thường bị chia</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBND phường không đủ kinh phí để mua sắm trang thiết bị.</li> <li>- Chưa có nguồn hỗ trợ giúp đỡ vì mua sắm xuống cần có kinh phí lớn.</li> <li>- Lực lượng xung kích chưa được tập huấn kỹ năng cứu hộ cứu nạn, sơ cấp cứu ban đầu</li> </ul>	<p><b>* Giải pháp phi công trình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa chữa duy tu các trang thiết bị hiện có;</li> <li>- Mua sắm trang thiết bị cứu hộ cứu nạn, và thiết bị cảnh báo.</li> <li>- Tập huấn kỹ năng cứu hộ cứu nạn, sơ cấp cứu ban đầu cho đội xung kích xã và 4 thôn</li> </ul>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	phòng, chống thiên tai;	cắt cô lập giữa các vùng nhưng chưa có xuồng để chỉ đạo PCTT khi có lụt ngập sâu và cứu hộ cứu nạn		
4	Lúa và hoa màu mất mùa giảm năng suất khi có thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 382 ha đất sản xuất lúa và nằm ở vùng trũng và vùng cuối kênh thủy lợi.</li> <li>- 215 ha hoa màu nằm ở cuối kênh và vùng cát bạc màu.</li> <li>- Hệ thống kênh mương nội đồng 50% chưa kiên cố hóa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống thủy lợi, kênh mương, đê điều chưa kiên cố, bị bồi lấp không cung cấp đủ nước tưới và gây ngập úng kéo dài nhiều ngày.</li> <li>- Hệ thống đê chưa đảm bảo, dễ bị nhiễm mặn.</li> <li>- 50% kênh mương, đường giao thông nội đồng chưa được bê tông hóa.</li> <li>- Chưa mạnh dạn áp dụng khoa hoạch kỹ thuật vào sản xuất.</li> <li>- Trồng lúa và hoa màu chưa mang tính hàng hóa, chưa có đầu ra ổn định, giá cả bấp bênh, nân thu nhập thấp.</li> <li>- Người dân cố hữu với tập quán canh tác lâu đời không muốn thay đổi.</li> <li>- Chưa có trạm bơm đảm bảo để cung cấp nước cho đồng ruộng.</li> <li>- Xã còn thiếu kinh phí để nạo vét thường xuyên và xây mương nội (Kiên cố)</li> <li>- HTX năng lực yếu, chưa bao tiêu sản phẩm chủ yếu là người dân tự cung, tự cấp.</li> <li>- Sử dụng giống mới chưa đồng bộ.</li> <li>- Có tập huấn nhưng chưa được nhiều, chủ yếu là nam tham gia, nữ ít được tham gia (10%)</li> <li>- Thuốc bảo vệ thực vật trôi nổi, người dân sử dụng bừa bãi chưa theo khuyến cáo</li> </ul>	<p><b>*Giải pháp công trình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng, nâng cấp hệ thống kênh mương, thủy lợi, bê tông hóa kênh mương và đường giao thông nội đồng.</li> <li>- Xây dựng hệ thống thủy lợi hóa đất màu.</li> <li>- Nâng cấp trạm bơm An Lạc và Áp Bắc ở thôn Hiền Lương; nạo vét ao, gom nước nhĩ ở thôn Bình Hòa.</li> </ul> <p><b>*Giải pháp phi công trình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn để áp dụng KHKT và cơ giới hóa nông nghiệp.</li> <li>- Tập huấn chuyển giao KHKT cho người dân.</li> <li>- Quản lý chặt chẽ về giống, phân bón thuốc bảo vệ thực vật.</li> <li>- Nâng cao năng lực cho HTX để quản lý vật tư nông nghiệp và tạo đầu ra cho sản phẩm.</li> </ul>
5	Hệ thống đê ngăn mặn, para xuống cấp, nguy cơ vỡ đê khi có bão cấp 9 trở lên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 12 km đê đất có kè đá nằm dọc theo Sông Trường Giang.</li> <li>- 14 cống, para xây dựng lâu năm.</li> <li>- 7 km đê làm đường giao thông nội đồng.</li> <li>- Một số đoạn đê cây cối</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đê được xây dựng từ năm 1993, xuống cấp nhưng không được di tu bảo dưỡng thường xuyên.</li> <li>- Hệ thống para điều tiết nước chưa tốt, dễ bị vỡ đê.</li> <li>- Đội quản lý đê điều còn thiếu, hoạt động chưa tốt, do nguồn hỗ trợ phụ cấp thấp.</li> <li>- Do việc hút cát trên Sông Trường Giang làm thay đổi dòng chảy, gây sói mòn, vỡ đê.</li> </ul>	<p><b>*Giải pháp công trình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cấp, di tu, bảo dưỡng 12 km đê.</li> <li>- Xây dựng, mở rộng hệ thống para (14 cống) để thoát nước và ngăn xâm nhập mặn vào đồng ruộng.</li> <li>- Bê tông hóa 7 km bề mặt đê để làm đường giao thông.</li> </ul> <p><b>*Giải pháp phi công trình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Củng cố, kiện toàn đội quản lý đê điều, vận động nguồn lực để có kinh phí hỗ trợ, phụ cấp cho các thành viên của đội quản lý</li> </ul>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		mọc, dễ gây sạt lở.		đê
6	Ô nhiễm môi trường trên diện rộng khi có thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Địa hình cuối nguồn, nên khi có bão, lụt rác thải đổ về.</li> <li>- Thiếu thùng rác nơi công cộng.</li> <li>- Bãi rác còn tạm bợ, chưa có nhà trung chuyển rác.</li> <li>- Tỷ lệ hộ gia đình tu gom rác thải còn thấp (30%).</li> <li>- Khu dân cư chưa có hệ thống thoát nước; một số hộ dân chưa có nhà vệ sinh đảm bảo và còn rút rác thải bừa bãi.</li> <li>- Nghĩa trang chưa quy hoạch, việc chôn cất còn gần khu dân cư.</li> <li>- Sau thiên tai ô nhiễm môi trường, gây ra các loại dịch bệnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Do địa bàn xã ở cuối kênh thủy lợi nên rác thải, xác súc vật ở nhiều nơi chảy về gây ô nhiễm môi trường.</li> <li>- Chăn nuôi nhỏ lẻ, thiếu kinh phí để xây dựng hệ thống xử lý, chưa xây dựng hầm biogas để xử lý phân.Chất thải chăn nuôi thải trực tiếp ra môi trường chưa qua xử lý.</li> <li>- Hệ thống kênh mương tiêu thoát nước chưa kiên cố, có nơi không có.</li> <li>- Nguồn kinh phí của xã còn hạn hẹp, không mua sắm được thùng rác công cộng.</li> <li>- Hộ nghèo không có tiền để xây dựng nhà vệ sinh.</li> <li>- Việc chôn cất người chết còn tự phát, chưa tập trung.</li> <li>- Một số bộ phận nhân dân ý thức còn hạn chế, thiếu kiến thức trong bảo vệ môi trường.</li> <li>- Công tác tuyên truyền chưa được thường xuyên.</li> <li>- Một số tập tục của người dân khó thay đổi (heo, gà chết ... còn vứt ở kênh mương).</li> <li>- Có 2 thôn chưa có hệ thống cung cấp nước sạch.</li> </ul>	<p><b>*Giải pháp công trình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư nâng cấp nghĩa trang nhân dân xã và vận động người dân chôn cất người quá cố vào nghĩa trang.</li> <li>- Xây dựng nhà chứa rác kiên cố (mô hình tiêu hủy rác tại chỗ).</li> <li>- Xây dựng hệ thống nước sạch, máy lọc nước cho hộ gia đình trên địa bàn xã.</li> </ul> <p><b>*Giải pháp phi công trình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng hầm biogas cho hộ chăn nuôi và nhà vệ sinh cho các hộ nghèo.</li> <li>- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về vệ sinh môi trường.</li> <li>- Hỗ trợ kinh phí mua thùng rác để nơi công cộng.</li> <li>- Xây dựng chuồng trại kiên cố, hợp vệ sinh.</li> <li>- Hỗ trợ hóa chất, máy móc, kinh phí để phun dập dịch.</li> <li>- Tăng cường các hình thức xử phạt những hành vi vi phạm về môi trường.</li> <li>- Tổ chức phong trào VSMT, khơi thông mương, cống rãnh đến từng địa bàn khu dân cư.</li> </ul>

## Công cụ 9: Tổng hợp giải pháp PCTT xã Bình Giang

Giải pháp PCTT	Nhóm HTKT		Người 4 thôn		Kiểm chứng		Tổng phiếu của nam/ nữ		Tổng phiếu Toàn xã	Xếp hạng toàn xã
	Nam (9)	Nữ (6)	Nam (16)	Nữ (14)	Nam (18)	Nữ (12)	Nam (43)	Nữ (32)		
Xây mới 210 ngôi nhà cho hộ dân sống ở vùng nguy cơ cao, hộ nghèo, phụ nữ đơn thân và các hộ có nhà thiếu kiên cố, có hoàn cảnh khó khăn.	28	13	43	14	44	17	115	44	159	2

**Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng**

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.	11	4	7	11	17	8	35	23	<b>58</b>	<b>12</b>
Mua sắm trang thiết bị, cứu nạn, cứu hộ và tập huấn kỹ năng cho đội xung kích.	16	14	61	14	49	13	126	41	<b>167</b>	<b>1</b>
Tuyên nâng cao kiến thức về phòng, chống thiên tai, vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe cho người dân.	10	7	37	9	22	21	69	37	<b>106</b>	<b>4</b>
Nâng cấp, mở rộng hệ thống truyền thanh để đảm bảo công tác tuyên truyền, dự báo, cảnh báo khi thiên tai xảy ra.	21	2	40	3	60	11	121	16	<b>137</b>	<b>3</b>
Tổ chức sơ tán, di dời người dân ở vùng nguy cơ cao đến nơi an toàn.	2	5	51	8	24	9	77	22	<b>99</b>	<b>6</b>
Nâng cấp, di tu, bảo dưỡng hệ thống đê, para ngăn mặn.	5	2	37	8	34	7	76	17	<b>93</b>	<b>7</b>
Xây dựng hầm biogas cho các hộ chăn nuôi và xây dựng nhà vệ sinh cho các hộ khó khăn	14	3	7	2	5	5	26	10	<b>36</b>	<b>15</b>
Hộ trợ mua thùng rác để nơi công cộng.	3	7	11	4	6	5	20	16	<b>36</b>	<b>16</b>
Xây dựng nhà chứa rác kiên cố (mô hình tiêu hủy rác tại chỗ)	7	5	44	3	7	8	58	16	<b>74</b>	<b>10</b>
Nâng cấp nghĩa trang nhân dân, vận động người dân chôn cất người quá cố vào nghĩa trang.	4	1	13	3	16	4	33	8	<b>41</b>	<b>14</b>
Xây dựng chuồng trại chăn nuôi kiên cố, hợp vệ sinh.	7	5	6	4	5	5	18	14	<b>32</b>	<b>17</b>
Xây dựng hệ thống nước sạch hộ gia đình (4 thôn)	18	5	18	2	14	11	50	18	<b>68</b>	<b>11</b>
Củng cố, nâng cấp kênh mương, để đảm bảo tiêu, thoát nước và tưới nước cho lúa, hoa màu.	12	6	22	11	13	11	47	28	<b>75</b>	<b>9</b>
Nâng cấp đường giao thông nông thôn, bê tông hóa giao thông nội đồng.	9	3	43	5	30	9	82	17	<b>99</b>	<b>5</b>
Xây dựng cánh đồng mẫu lớn để áp dụng khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa nông nghiệp.	6	1	3	2	14	5	23	8	<b>31</b>	<b>19</b>
Tập huấn chuyên gia khoa học kỹ thuật về chăn nuôi và trồng trọt cho người dân	2	1	5	3	8	13	15	17	<b>32</b>	<b>18</b>



Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Nâng cấp 2 trạm bơm An Lạc và Đồng Hồ	5	5	15	4	7	9	27	18	45	13
Xây dựng và nâng cấp 2 chợ thôn 2 và thôn 4	2	4	4	4	5	8	11	16	27	20
Nâng cấp hệ thống điện trung áp và hạ áp	18	7	13	6	20	21	51	34	85	8
<b>Tổng cộng</b>	<b>200</b>	<b>100</b>	<b>480</b>	<b>120</b>	<b>400</b>	<b>190</b>	<b>1080</b>	<b>410</b>	<b>1490</b>	

Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá



Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng











## Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai <sup>2</sup>

### *Khái niệm*

Đánh giá rủi ro là “Một phương pháp xác định bản chất và mức độ rủi ro bằng cách phân tích các thiên tai có thể xảy ra và đánh giá các điều kiện hiện tại của tình trạng dễ bị tổn thương mà có thể gây hại cho con người, tài sản, các dịch vụ, các hoạt động sinh kế và môi trường trong khu vực nguy hiểm.” (UNISDR, 2009 và dự thảo Thuật ngữ 2016).

---

<sup>2</sup>Nguồn tham khảo: Dự thảo hướng dẫn của UNDP-Bộ NN&PTNT – Tài liệu kỹ thuật về Quản lý rủi ro thiên tai và Thích ứng với Biến đổi khí hậu)

Giới thiệu Nội dung cơ bản trong đánh giá rủi ro thiên tai, khí hậu

A. Các loại hình thiên tai phổ biến và tần suất, cường độ



- Dạng và loại hình thiên tai, thời tiết cực đoan tại xã
- Các đặc điểm trong quá khứ, tần suất và cường độ thiên tai xảy ra
- Xu hướng biến đổi khí hậu và thiên tai trong tương lai của xã

B. Người dân, cơ sở vật chất và sinh kế trong các vùng thiên tai của xã (Exposures)



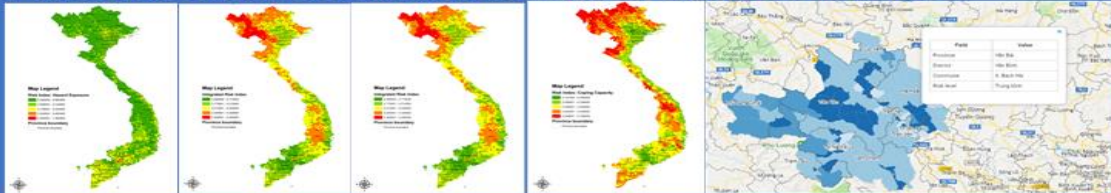
- Phân bố dân cư và cơ sở vật chất, sinh kế của xã theo không gian/địa bàn thiên tai

C. Tình trạng dễ tổn thương và năng lực của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế



- Hiện trạng và đặc điểm dân cư, cơ sở vật chất và sinh kế
- Nguyên nhân, năng lực, điểm mạnh yếu của dân cư, cơ sở vật chất, và sinh kế tại các vùng thiên tai trong xã

D. Mức độ Rủi ro với thiên tai và khí hậu của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế tại xã



- Đánh giá, phân lớp các rủi ro thiên tai khí hậu và mức độ rủi ro cho từng ngành/lĩnh vực theo nhu cầu
- Có thể bản đồ hóa các lớp thông tin đánh giá dựa trên kết quả của xã

Việc đánh giá rủi ro thiên tai<sup>3</sup> bao gồm nhận định và phân tích các nội dung liên quan đến:

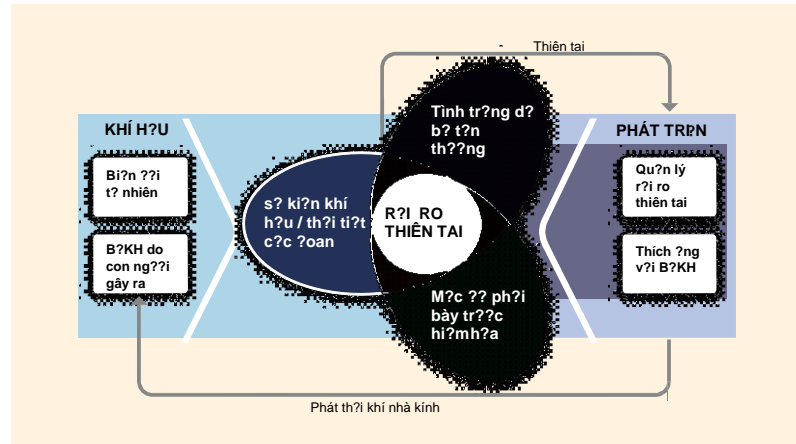
- nhận định đặc điểm của các hiện tượng thiên tai như vị trí, tần suất, cấp độ, cường độ và xác suất xảy ra;
- phân tích mức độ bị phơi bày của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai;
- phân tích điều kiện dễ bị tổn thương của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai đó ở mọi góc độ xã hội, y tế, kinh tế, môi trường;
- đánh giá hiệu quả năng lực sẵn có hoặc các năng lực thay thế (dự phòng) để có thể đối phó với các tình huống thiên tai khác nhau<sup>4</sup> ;

<sup>3</sup>Các hoạt động này cũng còn được gọi là quá trình phân tích rủi ro (Dự thảo Sổ tay thuật ngữ về rủi ro thiên tai, 2016)

<sup>4</sup>Trong nhiều trường hợp, người ta coi năng lực là điều kiện đối ngược của tình trạng dễ bị tổn thương. Vì vậy, trên thực tế có nhiều phương pháp đánh giá không tách biệt đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương ra khỏi việc phân tích đánh giá năng lực.



Việc đưa ra định nghĩa hay khái niệm về đánh giá rủi ro thiên tai chỉ mang tính tương đối và còn chưa hoàn toàn nhất quán về cách tiếp cận và phương pháp<sup>5</sup>. Bản thân công tác quản lý rủi ro thiên tai cũng còn khá mới so với các lĩnh vực phát triển khác trên toàn cầu (khoảng từ đầu những năm 1990). Tại các quốc gia, việc quản lý rủi ro thiên tai trong những thập kỷ trước kia đa phần tập trung nhiều vào các công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai hơn là coi đây là một mặt của vấn đề phát triển.



Đánh giá rủi ro thiên tai có thể được thực hiện ở các quy mô khác nhau (toàn cầu, quốc gia, tỉnh, thành phố/thị trấn, huyện, xã, thôn) và có thể được thực hiện cho các lĩnh vực khác nhau.

### Nội dung đánh giá

Có bốn nội dung đánh giá rủi ro phải đề cập tới, đó là:

**Đánh giá Thiên tai** là nhận biết những thiên tai nào gây ảnh hưởng tới cộng đồng, một bản chất và diễn biến của mỗi thiên tai trên khía cạnh tần suất, cường độ, xuất hiện theo mùa, vị trí, dấu hiệu cảnh báo, khả năng cảnh báo sớm và hiểu biết chung của mọi người về thiên tai.

Về bản chất, thiên tai có thể chia làm hai loại: (i) các hiện tượng thiên tai tự nhiên như lũ, bão, hạn hán và động đất có khả năng gây ra các ảnh hưởng tiêu cực đến người và tài sản; và các hiện tượng thiên tai do các quy trình quá trình hoạt động sản xuất của con người gây ra như quá trình đô thị hóa, suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu, v.v. Các quy trình/quá trình này hiện nay ngày càng diễn biến phức tạp và khó tách biệt về mặt bản chất của hiện tượng là do tự nhiên hay con người gây ra.

Thiên tai khác nhau về mức độ, quy mô, tần suất và thường được phân loại theo các nguyên nhân gây ra thiên tai khác nhau như địa lý, thủy văn, khí tượng và khí hậu.

Các kiến thức về thiên tai thường có thể thu thập từ các nguồn như:

- Các kinh nghiệm truyền thống, bản địa và kiến thức địa phương
- Các báo cáo nghiên cứu đánh giá khoa học kỹ thuật
- Các báo cáo theo dõi giám sát về dịch vụ khí tượng thủy văn
- Các mô hình khí tượng thủy văn, mô hình phân loại phân vùng thiên tai.

<sup>5</sup>Hiện nay UNISDR đang tiến hành tổng hợp số tay thuật ngữ mới trong công tác giảm rủi ro thiên tai ([http://www.preventionweb.net/files/47136\\_workingtextonterminology.pdf](http://www.preventionweb.net/files/47136_workingtextonterminology.pdf)). Việc đưa ra định nghĩa về đánh giá rủi ro thiên tai về bản chất chỉ mang tính tương đối. Dựa vào mục đích đánh giá khác nhau, việc đánh giá RRTT sẽ có cách tiếp cận và phương pháp khác nhau chứ không cố định ở một số quy tắc nhất định.

<sup>6</sup>Trong bài viết tác giả dùng từ Hiểm họa – Hazard, là một khái niệm dành cho các nhà nghiên cứu, để dễ hiểu và đồng nhất với các chương khác, ban biên tập chuyển thành thuật ngữ “Thiên tai”.

**Đánh giá mức độ phơi bày trước thiên tai (Exposure):** nhận biết mức độ hiện diện của con người và tài sản (như sinh kế, các dịch vụ môi trường và các nguồn tài nguyên, cơ sở hạ tầng, các tài sản kinh tế, xã hội và văn hóa v.v.) (chỉnh sửa từ SREX, Chương 2).

Các kiến thức về mức độ phơi bày thường có thể thu thập từ các kết quả điều tra dân số, ảnh vệ tinh, dữ liệu GIS, các báo cáo quy hoạch kế hoạch và các kinh nghiệm lịch sử về các sự kiện thiên tai. v.v. Các thông tin này thường được thể hiện dưới dạng bản đồ, bao gồm:

- Bản đồ phân bố theo không gian (địa phương, vùng.v.v) và thời gian (ngày/tháng/năm) về người và cơ sở hạ tầng, ví dụ: bản đồ hệ sinh thái, cơ sở hạ tầng, bản đồ sử dụng đất, bản đồ hành chính và dân số, v.v.
- Bản đồ phân vùng thiên tai lũ, bão, hạn hán v.v. theo không gian và thời gian

Mức độ phơi bày trước thiên tai chỉ là một điều kiện cần nhưng không phải là đủ để quyết định khả năng chịu rủi ro thiên tai. Quy mô về tần suất, thời gian và không gian phơi bày trước thiên tai cũng rất quan trọng. Cùng sinh sống tại vùng lũ lụt, nhưng khả năng rủi ro với hộ dân ở vùng cao và vùng trũng là khác nhau hay nói cách khác, mức độ chịu ảnh hưởng của lũ lụt của hộ dân ở khu vực ở cùng trũng sẽ cao hơn hộ dân ở vùng cao. Nếu một người chỉ đến một nơi bị nào đó bị bão, mức độ phơi bày trước bão của người đó tăng lên. Nếu người đó phải liên tục di chuyển trong vùng lũ, họ sẽ có nguy cơ cao gặp nhiều rủi ro lũ lụt. Ngược lại, nếu được cảnh báo sớm và những người dân được sơ tán kịp thời, mức độ phơi bày trước thiên tai của họ giảm đi (IPCC, 2012 trang 237).

Ví dụ, để đối phó với cơn bão Damrey (cơn bão số 7 năm 2005), Huyện Hậu Lộc (tỉnh Thanh Hóa) đã di dời được 29.000 dân trong vòng 3 ngày trước bão (từ ngày 24 đến ngày 26/9/2005) lên các nhà kiên cố cao tầng trong thôn, trường học và khu hành chính ở trên thị trấn (JANI, 2011 trang 26). Tương tự như vậy, việc di dời 60.000 dân (khoảng 16.000 hộ gia đình) kịp thời ở tỉnh Quảng Nam trước cơn bão số 9 (bão Ketsana) cuối tháng 9 năm 2009 đã giảm thiểu mức thiệt hại về người và tài sản của nhân dân và chính quyền (JANI, 2011 trang 28).

**Đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương (Vulnerability):** là việc nhận biết các điều kiện tự nhiên, xã hội, kinh tế và môi trường hoặc các đặc điểm của các quá trình/quy trình hoạt động sản xuất của con người, mà vì các điều kiện/đặc điểm đó có khả năng làm tăng nguy cơ một cá nhân và/hoặc cộng đồng phải chịu tác động đến các thiên tai khác nhau (UNISDR, 2004; Dự thảo Thuật ngữ 2016).

Các nguồn thông tin kiến thức chủ yếu liên quan đến tình trạng dễ bị tổn thương thường được thu thập từ:

- Các kiến thức địa phương, kinh nghiệm bản địa
- Các chỉ số kinh tế xã hội của địa phương, chính quyền
- Các báo cáo đánh giá phân tích kinh tế, tài chính, báo cáo xã hội học (nhân chủng, dân tộc, văn hóa, hệ chính trị, v.v)

Việc đánh giá này nhằm nhận biết ai, cái gì chịu rủi ro đối với mỗi loại thiên tai và tại sao chúng có rủi ro (phân tích nguyên nhân căn bản). Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương sẽ giúp nhận biết được đâu là các cá nhân, hộ gia đình, các nhóm dân cư, tài sản và hoạt động sản xuất dễ chịu ảnh hưởng nhất từ thiên tai nào đó. Ví dụ: mặc dù cùng có nguy cơ thiên tai và mức độ phơi bày trước thiên tai như nhau, nhưng hộ nghèo thường sẽ dễ bị tác động tiêu cực của thiên tai hơn các hộ dân có điều kiện sống trung bình và khá giả.

Đánh giá tình trạng tổn thương là một trong hai điều kiện đủ để có thể xác định xem một cá nhân hay cộng đồng đang ở trên một địa bàn nhất định có bị tác động của thiên tai hay không. Ví dụ: Một hộ nông dân mà sinh kế chính của gia đình là nông nghiệp (dễ bị tổn thương với các điều kiện khí hậu, sinh kế phụ thuộc vào thời tiết), và sống ở vùng thường xuyên có lũ thì nhiều khả năng sẽ thường xuyên xảy ra mất mùa đói kém do lũ.

Trong thực tế, việc đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương là việc tập hợp nhiều điều kiện và đặc điểm có yếu tố bất lợi của một cá nhân hoặc một cộng đồng trong việc đối phó với thiên tai trên nhiều góc độ (tự nhiên, xã hội, kinh tế, môi trường, và quá trình/quy trình khác nhau). Một hộ dân càng có nhiều điều kiện dễ bị tổn thương thì sẽ càng dễ có nguy cơ bị tổn thất với các thiên tai.

**Đánh giá Năng lực (Capacity):** là khái niệm để chỉ quá trình nhận biết và xác định các các nguồn lực và năng lực của con người hoặc của cộng đồng nhằm phòng

tránh, ứng phó và phục hồi từ những tác động của các thiên tai. Năng lực ở đây được hiểu bao gồm việc kiểm soát và quản lý các nguồn lực tài chính, tài nguyên thiên nhiên, các kiến thức, kinh nghiệm và chuyên môn trong việc quản lý tổ chức quy hoạch tại địa phương để quản lý, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và tăng cường khả năng chống chịu.

Việc đánh giá năng lực cũng được hiểu là quá trình tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh và đặc tính sẵn có trong từng cá nhân, cộng đồng, xã hội và tổ chức có thể được sử dụng nhằm giảm các rủi ro do một thiên tai nhất định gây ra. Năng lực có tính động và thay đổi tùy theo hoàn cảnh cụ thể. Việc đánh giá năng lực cũng được coi là điều kiện đủ thứ hai để xác định mức độ rủi ro thiên tai của cá nhân hoặc cộng đồng.

Lưu ý: Trong đánh giá rủi ro thiên tai, năng lực là khái niệm trái ngược với điều kiện dễ bị tổn thương. Năng lực dùng để chỉ các điểm mạnh/đặc điểm tích cực của người dân có thể thực hiện để đối phó với thiên tai. Tình trạng dễ bị tổn thương dùng để chỉ các điểm yếu/các điểm hạn chế mà người dân tại địa phương đang gặp phải khiến họ không thể giải quyết được các tác động tiêu cực trong hoàn cảnh thiên tai. Với mỗi cá nhân và cộng đồng khác nhau, năng lực cũng như tình trạng dễ bị tổn thương của họ là khác nhau.

**Như vậy, đánh giá mức độ rủi ro thiên tai (Risk)** là quá trình tổng hợp các đánh giá về thiên tai, mức độ phơi bày, các điều kiện dễ bị tổn thương và năng lực của cá nhân hoặc cộng đồng để đưa ra các nhận định, ước lượng về mức độ nguy cơ tổn thất mà thiên tai có thể gây ra về mặt kinh tế, xã hội, tự nhiên hay môi trường.

Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai là thước đo và phân loại các rủi ro thiên tai mà cá nhân, cộng đồng hay một hệ thống phải đối mặt. Đây là cơ sở cho kế hoạch giảm thiểu rủi ro của cộng đồng và các cơ quan nhà nước ở các cấp. Hiểu được rủi ro thiên tai, người ra có thể thiết lập thứ tự ưu tiên ở địa phương cho các hoạt động và phát triển cộng đồng sao cho các rủi ro và các chương trình khác phục hậu quả có thể được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên của người dân đến năm được kiến thức ở địa phương và đảm bảo rằng các kế hoạch QLRRTT phù hợp với các vấn đề địa phương.